

# HỢP TUYÊN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 20 & 21

Năm VIII (1998)

**CHỦ ĐỀ:**

## **GIÁO HỘI HỌC [II]**

**Bản Tính của Giáo Hội [ii]**

*Nhiệm thế, Bí tích, Đặc tính*

**Cơ Cấu của Giáo Hội [i]**

*Thế chế, Phẩm trật, Tác vụ*



# HỢP TUYỂN THẦN HỌC

Tập phổ biến Thần Học, phát hành không định kỳ

**Chủ biên:** M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

**Phụ biên:** F. Gómez Ngô Minh, S.J.

**Nhóm hợp tác:** Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hải (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyên (Hoa Kỳ); Cao Phùng Kỳ, SS. (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lăng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn (Ý Đại Lợi); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thu, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thu (Vatican); Bùi Hữu Thuận (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); Vũ Đình Tường, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Minh Ước, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vương (Phi Luật Tân).

**Tòa soạn:** 42 rue de Grenelle - 75343 Paris Cedex 07 - France

☎: (01) 44 39 46 57; fax: (01) 45 48 25 49

**Ấn hành:** 3925 Tambor Road, - San Diego, CA 92124 - USA

☎: (619) 571 7830

**Tổng quản:** *Vietnamese Theological Association*



**Số 20021 Năm VIII (1998)**

## C. CƠ CẤU CỦA HỘI THÁNH

### Dẫn nhập

Bàn đến cơ cấu của Giáo hội là đề cập tới một vấn đề khá phức tạp và sôi bỏng. Giáo hội phát sinh từ Đức Giêsu; nhưng thực sự, Ngài đã muốn Giáo hội ấy phải là như thế nào? Tiên thiên, không thể quả quyết là Hội Thánh phải nhất thiết mặc lấy hình thức này hay hình thức nọ, vì có không phải là một, mà là nhiều hình thức và cách thức tốt để tổ chức một xã hội, một cộng đoàn hay một tôn giáo... Tùy văn hóa hay truyền thống riêng, các quốc gia dân tộc trong loài người cũng tổ chức cuộc sống xã hội của mình theo nhiều chế độ khác nhau.

### *a. Nhiều chế độ*

Nếu tầm cứu lịch sử Giáo hội, hay tìm hiểu về thực trạng của Kitô giáo hiện nay, thì sẽ thấy có nhiều “chế độ” khác nhau đã xuất hiện và đang tồn tại. Chẳng hạn như trong Giáo hội Latinh có chế độ giống như “quân chủ” với một vị giáo chủ tối cao là giáo hoàng; trong các Giáo hội gốc đế quốc Bydănxio hoặc ở phía đông đế quốc này, các thượng phụ cai quản các Giáo hội riêng, theo một dạng chế độ “liên bang” hay “tự trị.” Còn trong các Giáo hội Tin lành thì thường gặp thấy nhiều dạng khác nhau của chế độ “dân chủ:” có thể chế giám mục hay kỳ mục, hoặc là thể chế hoàn toàn phi giáo

sĩ.

Cách quan niệm về nguồn gốc của “quyền bính” ở trong Giáo hội cũng khác nhau: có nơi thì coi quyền bính từ trên xuống, nghĩa là Đức Kitô đã lập chức vụ thừa tác và bằng phương thức “thần khởi,” ban ơn cho những người đảm nhận chức vụ ấy; nơi khác lại để giáo dân chọn những thừa tác viên và ban quyền cho họ; cũng có nơi xác tín rằng chính Thánh Linh ban đặc sủng cho những người Ngài chọn.

Giữa các dạng chế độ ấy, cần phải tìm xem thể chế nào là chính đáng, tức là phù hợp với ý muốn của Đức Kitô. Phải nói là trong lãnh vực này, không thể đi theo phương pháp duy lý, nghĩa là xét xem chế độ nào hợp lý, hợp thời hơn, hoặc được dân chúng thích hơn. Phương pháp chỉ có một, đó là: xét xem Đức Giêsu đã muốn điều gì, tức là xét xem chế độ nào thực sự phù hợp, hoặc phù hợp hơn với ý định của Ngài về Giáo hội. Thực ra, không thể nào tiên thiên xác định được rằng Đức Giêsu đã muốn một chế độ cụ thể nào đó, hoặc một mẫu chế độ duy nhất mà thôi. Có lẽ Ngài đã không xác định về chế độ nào cả, và đã muốn để cho Giáo hội tự tìm ra những cơ cấu thích hợp với hoàn cảnh cụ thể, v.v. Chúng ta tin rằng ý muốn của Đức Giêsu được hiện thực hóa trong những cơ cấu các tông đã để lại. Dựa vào Tân Ước và Truyền thống, thử tìm cho ra câu giải đáp nghi vấn trên đây.

## ***b. Một thể chế với hai cơ cấu căn bản***

*Luận đề:*

Đức Kitô đã muốn Hội Thánh Ngài có một thể chế với hai cơ cấu căn bản, tức là phẩm trật và đoàn sủng. Cả hai



cơ cấu đều phát nguồn từ Đức Kitô qua Chúa Thánh Thần. Để minh chứng luận đề này, thì cần phải nghiên cứu Kinh Thánh và suy tư thần học.

## I

### PHẨM TRẬT TRONG GIÁO HỘI

Trong Giáo hội, có một thừa tác vụ phẩm trật, do Đức Giê-su sáng lập giữa nhóm tông đồ, gồm có quyền thánh chức, quyền giáo huấn và quyền tài thẩm, với mục đích phụng sự hầu giúp cho Dân Thiên Chúa được thống nhất và hữu hiệu trong sứ mạng của mình.

Xét theo định mức thần học, thì giáo lý về cơ cấu phẩm trật trong Giáo hội thuộc mức gọi là *đức tin công giáo (de fide catholica)*. Từ sơ thủy, Giáo hội đã từng tin như vậy. Huấn quyền đã quy định một số điểm cụ thể: (a) Công đồng Trentô định tín là: "Sẽ bị thuyết thông, nếu chủ trương là trong Giáo hội công giáo không có phẩm trật: một phẩm trật do Thiên Chúa thiết đặt, và gồm có những giám mục, linh mục và thừa tác viên," (DS 1776). (b) Các cơ cấu của Giáo hội không phải là kết quả của đà biến hóa xã hội, và sẽ không bao giờ biến đổi trong bản chất hay tận căn (DS 3453-4: chống lại thuyết duy tân). (c) Các quyền năng của giáo phẩm bắt nguồn từ Đức Kitô, chứ không phải từ cộng đồng các tín hữu (DS 2490: chống lại P. Quesnel; 2602:

chống lại hội đồng Pistoia), và không cần đến phép chuẩn y của các chính phủ (DS 2893-4).

Trong chương III của Hiến chế tín lý về Giáo hội *Lumen gentium*,<sup>1</sup> Vaticanô II đã nhắc lại giáo lý cổ truyền về những điểm cơ bản ấy. “Thừa tác vụ do Thiên Chúa thiết lập trong Giáo hội, được thi hành bởi những người có chức vụ khác nhau, mà từ xưa đã được gọi là giám mục, linh mục và phó tế” (LG 28a).<sup>2</sup>

## 1. Tân Ước

Đọc Tân Ước, thì sẽ thấy Giáo hội không phải là một tập hợp hỗn tạp những người kitô, song là một xã hội có ngăn

---

<sup>1</sup> Sách viết về chủ đề này thì rất nhiều. Chỉ xin trưng dẫn một số cuốn như sau: Küng, H., *Structures de l'Église*, Paris DDB 1963; Schnackenburg, R., *L'Église dans le Nouveau Testament*, Paris, Cerf 1964; Lemaire, A., *Les ministères aux origines de l'Église*, Lectio Div. 68, Paris 1971; de Vries, W., *Orient et Occident. Les structures ecclésiales vues dans l'histoire des sept premiers conciles oecuméniques*, Paris, Cerf 1974; Delorme, J., (ed), *Le ministère et les ministres selon le Nouveau Testament*, Paris 1974; Schwartz, H., *The Christian Church: Biblical Origin, Historical Transformation and Potential for the Future*, Augsburg 1982; Cazelles, H. *Naissance de l'Église*, Paris 1983; Hoffmann, J., *L'Église et son origine. initiation à la pratique de la théologie*, III, 2, Paris, Cerf 1983; Brown R.E., *The Churches the Apostles left behind*, New York 1984; Guillet, J., *Entre Jésus et l'Église*, Paris, Seuil 1985; Lohfink, G., *L'Église que voulait Jésus*, Paris, Cerf 1985; Deschamps, A., *Jésus et l'Église. Études d'exégèse et de théologie*, Leuven, Univ.Press 1987.

<sup>2</sup> Cũng nên lưu ý là Vaticanô II đã tỏ ra tế nhị hơn Trêntô: không nói rõ là Thiên Chúa đã sáng lập phẩm trật “ba bậc,” nhưng chỉ nêu là Thiên Chúa sáng lập thừa tác vụ nói chung, và cũng không chỉ rõ các chức vụ ấy là “giám mục, linh mục và phó tế,” mà chỉ nói là *được gọi* như thế, và các danh hiệu ấy đã có “từ thuở xưa,” chứ không nói là “từ ban đầu.”

nắp kỹ cương, có các tông đồ đứng đầu và một số dịch vụ khác nhau, như trong các phong trào ở thời sơ phát và đang lớn lên; rồi với đà tiến bộ, các cơ cấu hình thành ngày càng rõ ràng hơn cho đến giai đoạn “trưởng thành” với lễ lối tổ chức được gọi là “thể chế công giáo sơ khai.” Suốt trong quá trình ấy, Giáo hội ý thức là mình hằng sống trung thực với Đức Kitô và Thần Khí; vì vậy, khi quy trình hình thành kết thúc với việc nhận thức rõ ràng về phẩm trật ba bậc (giám mục, linh mục, phó tế), thì Giáo hội xác tín kiên vững rằng cơ cấu này chính là do thần quyền mà có.

### ***a. Công cuộc khai sáng của Đức Giêsu***

Như đã thấy trước đây, Đức Giêsu triệu tập nhiều môn đồ, rồi giữa họ Ngài chọn “Nhóm Mười Hai” và dành cho các ngài một địa vị đặc biệt. Chính Ngài đã đối xử khác nhau với Nhóm Mười Hai và với các môn đồ khác, để cho thấy rằng các ngài được thông phần vào sứ mạng của mình một cách đặc biệt.

Không bao lâu sau khi Chúa Giêsu về trời, lịch sử cho thấy rõ là các sứ đồ hành quyền điều khiển các cộng đoàn kitô và ra những chỉ thị có tính cách đòi buộc cho các tín hữu (x. chẳng hạn: Cv 15:28-29; 1Cr 5:3-5; 2Cr 3:5; 10:8); hơn nữa, uy thế ấy, các ngài xác tín là bởi trời mà đến.

Phúc âm thứ tư nói rõ là Đức Giêsu đã sai các tông đồ như Chúa Cha đã sai Ngài (x. Ga 20:21; 17:20), và ban cho họ Thần Khí của Ngài (x. Ga 14:16-7), khiến họ có thể thi hành sứ mạng được trao phó (x. Ga 15:26-7; 16:7-14). Cách sinh hoạt của các tông đồ cũng tỏ rõ là các ngài đã ý thức được về điểm này. Các Phúc âm nhất lãm đều đồng ý với



Gioan: Đức Giêsu coi các tông đồ như chính mình vậy (x. Mt 10:40): “Ai nghe anh em là nghe Thầy...” (Lc 10:16; x. 9:48).

Mục đích sứ mạng của các tông đồ và của Đức Giêsu chỉ là một: rao giảng Nước Trời (x. Mt 10:7tt). Khi Đức Giêsu sai phái họ như là *apóstoloi* (sứ giả), là Ngài tỏ ý cho thấy Ngài chia sẻ quyền bính với họ: Mt 28:18-20 chứng tỏ các tông đồ xác tín và hiểu rõ về điểm này. Đức Giêsu chia sẻ với các tông đồ *thiên sai tnh* của sứ mệnh: thời Đức Giêsu sinh tiền, các vị đã rao giảng, trừ quỷ, chữa bệnh, v.v... (x. Mt 10:1 và các đoạn song song); khi Đức Kitô không còn tại thế, sứ mạng của các sứ đồ vẫn là rao giảng Tin mừng với những phép lạ đi kèm theo (x. Mc 16:15-18).

Trong thái độ và cử chỉ của Đức Giêsu, thần học nhận ra được phôi mầm của những gì bây giờ được gọi là *nhiệm vụ huấn dụ*. Rao giảng là nhiệm vụ của các thầy *rabbi*. Hơn nữa, Đức Giêsu ban cho các tông đồ “quyền bính” của lời Ngài, vì nếu ai từ chối lời các sứ đồ thì sẽ bị xét xử (x. Mt 10:14-15; Mc 6:11; Lc 9:5). Chúa Kitô phục sinh phái các sứ đồ đi khắp thế giới dạy dỗ muôn dân (x. Mt 28:19; Mc 16:15; Lc 24:47): Mt và Mc nói là Đức Giêsu sai “nhóm mười một;” còn Lc thì nói cách chung, “các môn đệ.”

Sứ mạng của các tông đồ cũng gồm cả *nhiệm vụ thánh hóa*: hẳn là Phép rửa khơi nguồn từ Đức Kitô (x. Mt 28:18), và thánh Phaolô giải thích cho thấy đó là nghi thức biến đổi tội nhân thành con cái Thiên Chúa (x. Rm 6:1-11). Thánh Gioan thì gọi đó là sự “tái sinh bởi nước và Thánh Thần” (Ga 3:5), tức là được thánh hóa. Đức Giêsu cũng trao cho nhóm tông đồ nhiệm vụ cử hành bí tích Thánh Thể (x. Lc 22:19; 1Cr 11:24), hầu cung ứng lương thực cần thiết cho đời sống siêu nhiên (x. Ga 6:51-58); và ban cho họ “quyền” tha tội (x.

Ga 20:22-23).

Là một cộng đoàn tổ chức có trật tự, ắt Giáo hội cũng phải có một người đứng đầu *điều khiển*. Đức Giêsu chọn “Mười Hai” trong số đông các môn đồ, làm một nhóm đặc biệt, và huấn luyện cùng đối xử họ theo một cung cách riêng (x. Mc 9:31; Mt 13:11.36). Ngài lại còn dành một ít ưu tiên cho vài ba người trong nhóm (Phêrô, Giacôbê, Gioan). Thấy thế, các tông đồ đã đặt vấn đề và tranh luận về cấp bậc giữa họ (x. Mc 9:33-35); Đức Giêsu quả trách họ vì tinh thần ganh tị, nhưng Ngài biết rõ là trong nhóm sẽ có kẻ trên người dưới (x. Mt 23:11). Thật ra, khi lập “Nhóm Mười Hai” làm tổ phụ của Ítraen mới, Đức Giêsu hứa là “họ sẽ được ngự trên mười hai tòa mà xét xử mười hai chi tộc Ítraen” (Mt 19:28; Lc 22:28-30): “xét xử” có nghĩa là “quản trị, điều khiển.” Văn cảnh cánh chung này ám chỉ đến “giai đoạn chung quyết” của lịch sử cứu độ, nghĩa là thời đại của Giáo hội.

— Lời then chốt về chủ đề này là Mt 18:18:

“Thầy bảo thật anh em: dưới đất anh em cầm buộc những điều gì, trên trời cũng cầm buộc như vậy; dưới đất anh em tháo cởi những điều gì, trên trời cũng tháo cởi như vậy.”

Chương 18 của Phúc âm Mt được gọi là “văn từ về Giáo hội,” vì nội dung đề cập đến cung cách sinh hoạt trong Giáo hội. Câu một nói về các “môn đồ” mà theo câu song song Mc 9.35 thì đó là “Nhóm Mười Hai.” Các ngài muốn biết “ai là người lớn nhất trong Nước Trời;” Đức Giêsu không phủ nhận là có “người lớn nhất” (x. Lc 22:26), nhưng Ngài muốn dạy họ về cách cư xử phải có đối với nhau. Toàn bộ bài huấn từ nhằm thẳng tới những “người lớn” ở trong “Nước Trời” ấy: họ phải cư xử như người chăn chiên lành (x. Lc 12-14). Trong Kinh Thánh những vị lãnh đạo thường được ví như



mục tử (x. Ed 34); Đức Giêsu cũng đã nói rõ mình là mục tử đích thực (x. Ga 10:1-18), và đã dự tiên lo liệu cho tương lai của “đàn cừ” đặc biệt là qua tác vụ của một sứ đồ được chỉ đích danh (x. Ga 21:15-17).

Đoạn Mt 18:15-18 đề nghị cách thức sửa lỗi trong “Nước Trời” tức Giáo hội. Các độc giả của Mt (người Do thái) tất hiểu rõ điều đó, vì họ quen thuộc với phương pháp ấy. Toà chung thẩm là Giáo hội (địa phương) – quan niệm theo mẫu các hội đường Do thái (x. Ga 9:23.34; 12:42) – tức là những người phụ trách hướng dẫn cộng đoàn. Những vụ thẩm xét quan trọng hơn thì được Hội đồng Giêrusalem phán quyết (x. Cv 22:30; 25:9).

Matthêu đã đặt câu 18:18 vào trong văn mạch vừa nói. Đức Giêsu bảo: “Quả thật” (*amên*), có nghĩa: đây là điều quan trọng; rồi Ngài trao cho “anh em” cùng một quyền mà trước đó Ngài đã trao cho Phêrô. “Anh em” là ai: trong câu 17, Đức Giêsu nói ở số ít, nhưng câu 18 lại mang số nhiều; như thế, nguyên khởi, hai câu đã không đi sát nhau trong cùng một văn bản. Mt muốn áp dụng câu 18 cho các người mình đang nói tới ở chương 18, tức là nhóm sứ đồ. Điều đó càng tỏ rõ hơn nữa nếu được đặt cạnh bối cảnh của Mt 16:19, tức là lúc Đức Giêsu trao quyền ấy cho Phêrô, là sứ đồ đứng đầu Nhóm Mười Hai.

Chúa trao quyền gì? “Cấm buộc – tháo cởi” là một thành ngữ quen thuộc và sáng tỏ đối với người Do thái, có nghĩa là “cấm chỉ và cho phép” trong lãnh vực luật pháp và xã hội. Như khi Đức Giêsu nói mình không đến để “tháo cởi” hay “bãi bỏ luật” (Mt 5:17), hoặc khi người Do thái vu cáo Ngài “tháo cởi” hay “phá bỏ luật Sabát” (Ga 5:18). Quyền Chúa ban, trước hết, là một *quyền thánh*, vì là quyền trong Hội

thánh và được “trên trời” chuẩn y. Nguồn gốc xuất phát của quyền này không hẳn phải là tài thông thạo về Luật Chúa (Kinh Thánh) hay về Giáo luật, như các thầy *rabbi*; cũng không phải là sự đồng ý hoặc chấp thuận của dân chúng; song là “ơn trên,” tương tự như là chính Đức Giêsu (x. Mt 7:28-29). Đó là *quyền tối cao*, vì về mặt tôn giáo không có một quyền nào khác cao hơn, bởi trực tiếp thuộc về Trời; và là quyền *tổng quát* đối với “mọi điều dưới đất.” Có hai cách giải thích từ “mọi điều:” hoặc là chỉ về toàn quyền lập pháp, hoặc là chỉ về toàn quyền giải thích luật; nhưng trong cả hai trường hợp, từ ấy đều mang ý nghĩa chỉ về quyền điều khiển.

Như thế, các sứ đồ thay mặt Đức Kitô, vì chính Ngài nói: “Ai nghe anh em là nghe Thầy, ai khước từ anh em tức là khước từ Thầy...” (Lc 10:16), hoặc: “Ai tiếp đón anh em là tiếp đón Thầy, và ai tiếp đón Thầy là tiếp đón Đấng đã sai Thầy” (Mt 10:40; x. Ga 13:20). Nguyên tắc là lời của sứ giả là lời của Đấng đã sai sứ giả; vì vậy, lời của các sứ đồ là lời phán xét của Thiên Chúa: “Ai tin và chịu Phép rửa sẽ được cứu độ; còn ai không tin thì sẽ bị kết án” (Mc 16:16), hệt như là lời của chính bản thân Đức Giêsu (x. Ga 12:47-49).

### ***b. Giáo hội sơ khai với việc công nhận quyền của các tông đồ***

Đời sống của Giáo hội được Đức Kitô và Thần Khí hướng dẫn; do vậy, các tông đồ trong cộng đoàn có được chức năng chuyển thông cho biết ý định của Đức Kitô về Giáo hội

Ngài.<sup>3</sup>

Sách Công vụ Tông đồ cho thấy là nhóm tông đồ đứng đầu và điều khiển cộng đoàn kitô sơ khai. Để thay thế Giuđa, Phêrô (đại diện Nhóm Mười Hai) có sáng kiến đề nghị phải chọn một người khác; ngài đưa ra các điều kiện; cộng đoàn đề cử, và Chúa chọn “ai sẽ lãnh *episcopê* của nó” (Cv 1:15-26).<sup>4</sup> Thiên Chúa hoạt động qua trung gian nhân loại, như là phong tục và văn hóa; trong việc tuyển chọn trên đây, Người đã hành động qua việc rút thăm, theo kiểu Do thái (x. Xh 28:30; 1Sm 14:41; Cn 16:33).

Khi Thánh Thần hiện xuống để hoàn tất và giới thiệu Giáo hội với thế gian, đứng đầu và chủ động các sinh hoạt là “Nhóm Mười Hai” (x. Cv 2:14). Những tân tông đầu tiên thống hối và muốn theo lối sống mới, đều đã đến với các sứ đồ và được các ngài đón nhận (x. Cv 2:37-41). Sau đó, các sứ đồ dạy dỗ cộng đoàn (x. Cv 2:42) và quản lý của cải cộng đoàn (x. Cv 4:35). Các ngài quả là hiện thân của “phong trào kitô” trước mặt thiên hạ (x. Cv 4:33; 5:20-21.32.42).

Các tông đồ sáng tạo ra những thừa tác vụ mới: khi hoàn cảnh đòi hỏi, Nhóm Mười Hai cứ theo lễ lối sẵn có mà đặt thêm những dịch vụ (*diakonia*) mới; cộng đoàn đề cử, và các ngài chia sẻ trách nhiệm với bảy “phó tế” qua nghi thức đặt tay trên họ (x. Cv 6:1-6). Sau này, trong Giáo hội Giêrusalem lại thấy có các “kỳ mục”: có thể hiểu là họ đã được đặt tay theo cùng một nghi thức tương tự; nhất là vì sau này

<sup>3</sup> Xin xem Schmithals, W., *The Office of Apostle in the Early Church*, New York: Abingdon, 1969.

<sup>4</sup> Xin xem Brown R., “*Episcopê* and *episkopos*: The New Testament Evidence,” *Theol. Stud.* 1980, 322-338.



thánh Luca cho biết về việc Banaba và Phaolô cũng được bổ nhiệm vào phận vụ “kỳ mục” ở Tiểu Á (x. Cv 14:23). Dù có khẳng định rõ mình được trực tiếp kêu gọi “bởi Đức Kitô và Chúa Cha” vào nhiệm vụ tông đồ (x. Gl 1:1) thì cả đến Phaolô cũng đã lên Giêrusalem trình diện với các tông đồ và linh ý của các ngài (x. Gl 2:1-9).

Khi giảng viên Philippê rao truyền Tin mừng tại xứ Samaria và rửa tội cho nhiều tân tòng, các tông đồ còn phải “câu nguyện cho họ nhận được Thánh Thần” (Cv 8:15-16). Như thế có nghĩa là các tông đồ có một chức năng mà các thừa tác viên khác không có, nên không hành sử được. Thần Khí soi dẫn Phêrô để đi đến quyết định thu nạp lương dân vào Giáo hội: là điều mà trước đó, cộng đoàn xem ra chưa sẵn sàng để chấp nhận (x. Cv 10-11). Cuối cùng, các tông đồ đã triệu tập và chủ tọa “công đồng” Giêrusalem, nhằm thiết định luật lệ cho toàn thể Giáo hội (x. Cv 15:23-29).

### **c. Thánh Phaolô**

Phaolô không thuộc Nhóm Mười Hai, nhưng ngài và Banaba cũng là “tông đồ,” đồng chức đồng quyền như các sứ đồ khác.<sup>5</sup>

Phaolô là tông đồ đích thực vì bản thân Đức Kitô đã chọn và sai ngài đi với muôn dân,<sup>6</sup> và đã mục kiến Đức Kitô phục sinh (x. 1Cr 15:8); vì vậy ngài có thể rao giảng tin

<sup>5</sup> Xin xem Cerfaux, L., *La théologie de l'Église suivant Saint Paul*, Paris 1965 (2<sup>e</sup> éd); Schuetz, J., *Paul and the Anatomy of Apostolic Authority*, Cambridge U.P. 1975.

<sup>6</sup> Xin xem Cv 9:15; 26:14-20; Gl 1:1.11.15; Rm 1:1.5... v.v.

mừng và làm chứng cho Đức Kitô (x. Cv 26:16), khiến lời ngài, như lời các tông đồ khác, là Lời Chúa (x. Ts 2:13). Thiên Chúa đã biến ngài thành dụng cụ của ơn cứu độ.<sup>7</sup> Vì thế ngài không từng phục người đời nào (x. 1Cr 4:3). Ngài tự xưng là tông đồ,<sup>8</sup> làm việc tông đồ như các sứ đồ khác, và quả được các sứ đồ khác công nhận như “đồng nghiệp” (x. Gl 2:7-10; 2Pr 3:15). Cuối cùng, Phaolô cũng làm phép lạ (x. Rm 15:19; 2Cr 12:12), nghĩa là Thiên Chúa chuẩn y việc ngài làm.

Phaolô đã sáng lập và điều khiển một số Giáo hội.<sup>9</sup> Ngài dùng quyền mà tuyệt thông (x. 1Cr 5:3-5), và ra lệnh cho cộng đoàn phải vâng lời.<sup>10</sup> Ngài tổ chức các Giáo hội, cũng như bổ nhiệm các thừa tác viên (x. Cv 14:13), và biệt phái thừa sai đi làm việc tại các Giáo hội khác<sup>11</sup>. Ngài đặt những người làm thủ lãnh trong các Giáo hội địa phương, chẳng hạn như Titô tại Crêta (x. Tt 1:5) và Timôtêô tại Êphêsô (x. 1-2Tm). Ngài ra chỉ thị cho cộng đoàn (x. 1Cr 10:23-11:17), và không ngần ngại ra lệnh nhân danh Chúa (x. 1Cr 7:10) cùng chính mình (x. 1Cr 7:12t), bởi ý thức mình có quyền do Thiên Chúa trao ban (x. 2Cr 13:2-3). Các Giáo hội ấy đều có giới chức điều khiển: Phaolô gọi họ là “người đứng đầu” (x. Rm 12:8), “người lãnh đạo” (x. 1Ts 5:12), “kỳ mục” (x. 1Tm 5:1t; Tt 1:5-9) hoặc là “giám sự” (Pl 1:1; 1Tm 3:1-2; Tt 1:7). Ngài cũng đã nhiều lần nhắc đến các “phó tế” (x. Pl 1:1; 1Tm 3:8.12), và cả một “nữ phó tế” (x. Rm 16:1) nữa.

<sup>7</sup> Cv 9:15; 1Cr 15:10; 2Cr 10:8; 13:10, v.v.

<sup>8</sup> Câu đầu của các thư, trừ 1-1 Ts, Pl, Plm.

<sup>9</sup> Xem 1Cr 6:1-11; 7:17; 11:34; 2Cr 10:13-16; 13:10; 2Ts 3:3.

<sup>10</sup> 1Cr 14:34-8; 2Cr 10:18; 2Ts 3:12.

<sup>11</sup> Ngài sai Timôtêô đi Tessalonika (Ts 3:1-6) và Corintô (1Cr 4:17; 16:10), sai Tykhiô đi Êphêsô (Ep 6:21), Êpaphra và Ônêsimô đi Côlôse (Cl 4:7-9), v.v.



Kết luận: các Giáo hội do Phaolô sáng lập đều được tổ chức theo cách xếp đặt của vị tông đồ, với nhiều thừa tác vụ khác nhau. Vậy, tiến trình hình thành cơ cấu của các Giáo hội song hành với những yêu cầu cụ thể của hoàn cảnh địa phương, và thường dựa theo mô mẫu của hội đường Do thái, rồi từng bước biến hóa thành “cơ cấu công giáo” như thấy được qua các Thư Mục vụ: tức là có những người dùng “quyền bính” hợp pháp đã nhận được, để điều khiển cộng đoàn.

Vấn đề là: phải quan niệm như thế nào về *quyền bính* ở trong Giáo hội.

## 2. Quyền bính trong Giáo hội

Tân Ước dùng từ *exousia* (ἐξουσία) hoặc là từ tương tự *exemi* (ἐξέμι), để chỉ quyền bính. Ý nghĩa chung là quyền được có hoặc dùng một cái gì; tựa như “nhân quyền” thường được nói đến trong thời nay. Vì quyền của một người thường chịu giới hạn do quyền của người khác, nên *exousia* cũng hàm ngụ ý niệm trách nhiệm. Quyền tối cao là quyền của Thiên Chúa (x. Lc 12:5; Cv 1:7), nhưng Người đã thông ban toàn quyền cho Đức Kitô (x. Mt 28:18; Ga 13:3). Vậy nếu Đức Kitô sai phái các tông đồ “như Cha đã sai phái Ngài,” thì Ngài cũng dùng chính toàn quyền đã nhận được ấy mà sai phái họ đi để, với quyền của Ngài, họ chu toàn sứ mạng mà Ngài đã trao phó. Thế thì quyền đó là “quyền để xây dựng chứ không phải để đánh đổ” (2Cr 10:8; 13:10).

### 3. Quyền bính của Đức Kitô

Đức Kitô là nguồn gốc và kiểu mẫu của mọi quyền bính trong Giáo hội. Ngài có quyền vì vốn là Thiên Chúa (x. Ga 13:13), nhưng Ngài không dùng quyền ấy để giữ cho mình một địa vị ưu đãi trong xã hội. Ngài đã nói rõ: “Tôi đến để phục vụ chứ không phải để được phục vụ” (Mc 10:35) và “Trò thì không hơn thầy...” (Mt 10:24t): vinh dự của môn đồ là được nên giống thầy mình.

Trong Giáo hội Đức Kitô, bao giờ cũng có quyền bính, vì Ngài hằng ở với Giáo hội (x. Mt 28:20); vì thế, khi sứ đồ thi hành nhiệm vụ, thì luôn có Chúa cùng hoạt động với (x. Mc 16:20). Trong Giáo hội, một “viên chức” trước hết phải là một môn đồ của Đức Giêsu, một môn đồ không bao giờ “tốt nghiệp môn đồ” để tự lập tách khỏi thầy mình, tức không được dùng quyền như là “quyền của riêng mình.” Môn đồ trước hết là người biết bỏ mọi sự mà theo Thầy (x. Mc 1:17-20), là người không coi bất cứ một điều gì quan trọng hơn là việc theo Thầy (x. Lc 9:57-62), dù có phải vác thập giá mà theo (x. Lc 14:27). Thứ đến, môn đồ là người tội tở, người phục vụ: tội tở Đức Kitô (x. Rm 1:1) để phục vụ Tin mừng của Đức Kitô. Và, môn đồ là người được ủy thác một sứ mệnh tựa như của người quản gia trung tín (x. Lc 12:41-48).

### 4. Dùng quyền bính theo mẫu gương Đức Kitô

Đức Giêsu nhấn nhủ các môn đồ đừng bắt chước các vua chúa trần gian, đừng tìm kiếm ưu thế, danh vọng; trái lại, phải noi theo gương của Ngài để “sống giữa anh em như là

người phục vụ” (Lc 22:24-30); vì người trên phải biết sống hạ mình xuống (x. Ga 13:12-15). Tông đồ Phaolô đã từng rửa khuôn, theo sát gương Thầy mình, nên hằng sẵn sàng chịu người đời coi như “trò cưỡi, rác rưởi” vì Chúa mình (x. 1Cr 4:9-13).

Đức Giêsu đã nói rõ: “Anh em gọi Thầy là ‘Thầy,’ là ‘Chúa,’ phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy là Chúa. Vậy, nếu Thầy là Chúa là Thầy mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em” (Ga 13:13-15). Nói tiếp về tội tở và sứ giả của Ngài, Đức Giêsu cho biết: làm như vậy là mưu cầu hạnh phúc cho chính họ. Chuẩn tắc cho các lãnh tụ trong Giáo hội nhắm theo là chính Đức Giêsu; thánh Phêrô đã nhận định và khuyên nhủ như thế (x. 1Pr 5:1-4). Công đồng Vaticanô II cũng khuyên các giám mục như vậy (LG 17c).

## 5. Phẩm trật

Mầm giống Đức Giêsu gieo và các tông đồ tưới, đã nhờ Thánh Thần mà mọc lên thành cơ cấu trưởng thành của Giáo hội. Cơ cấu này được gọi là phẩm trật.

Giáo luật khẳng quyết: “Do sự thiết lập của Thiên Chúa, giữa các tín hữu trong Giáo hội có các thừa tác viên chức thánh, được gọi theo luật, là các Giáo sĩ; còn các người khác thì được gọi là Giáo dân” (điều khoản 207 §1). Các “giáo sĩ” ấy làm thành “phẩm trật” gồm ba bậc: giám mục, linh mục

và phó tế.<sup>12</sup>

Từ ghép “Phẩm trật” là từ dịch của chữ ‘Ἱεραρχία’ trong Hy ngữ; còn La ngữ thì chuyển âm chữ Hy lạp ấy ra thành *Hierarchia*. Qua lối ngữ cuốn sách tựa đề *Phẩm trật Giáo hội*<sup>13</sup> của Diônisiô “Nghị sĩ Giả,” từ “Phẩm trật” đã đi vào ngôn ngữ Giáo hội học. Ý nghĩa là: ‘thánh trị,’ ‘thánh quyền’ hoặc ‘thánh nguyên lai,’ và ám chỉ đến vai trò của chức tư tế trong Giáo hội.<sup>14</sup> Truyền thống hiểu “phẩm trật” là toàn bộ những quyền bính (hoặc những thừa tác viên có quyền bính) để hướng dẫn Giáo hội đi về mục đích của mình là ơn cứu độ. Là “trật tự” mà Đức Kitô đã thiết đặt cho Giáo hội Ngài,<sup>15</sup> phẩm trật đóng giữ chức năng thay mặt Đức Kitô là Đầu. Thần học thường phân biệt giữa phẩm trật thánh chức và phạm trật tài phán: phẩm trật thánh chức điều hành tất cả những gì liên quan đến Thánh Thể (và các bí tích); còn phẩm trật tài phán thì điều hành mọi việc liên quan đến Nhiệm Thể (Dân Chúa). Tự gốc, chỉ có một phẩm trật duy nhất phát sinh từ bí tích chức thánh.

Xét theo thần quyền, phẩm trật thánh chức gồm có ba

<sup>12</sup> Các tu sĩ không thuộc phẩm trật; *Sách Giáo lý* viết: “Tuy không nằm trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội, thì cũng không ai chối cãi được là bậc sống tuyên khấn các lời khuyên Phúc âm, mật thiết gắn chặt với đời sống và sự thánh thiện của Giáo hội” (số 914)

<sup>13</sup> Diônisiô Arêôpagita là một tác giả ở vào thế kỷ 5, nhưng suốt nhiều thế kỷ người ta tưởng ông là Diônisiô hội viên Arêôpagô, môn đồ của thánh Phaolô (Cv 17:34); ông đã viết hai cuốn sách: *Phẩm trật Nước Trời* và *Phẩm trật Giáo hội*; xem *Patrologia Graeca* (Migne) 3. 119tt, và 370tt.

<sup>14</sup> *Hierarkhes* có nghĩa là Thượng tế, xem Dollhagaray, B., “Hiérarchie” trong *Dict. de Théol. Cathol.* 6 (1920) 2362-2382.

<sup>15</sup> Xin xem Benoit, P., *Les origines apostoliques de l'épiscopat selon le Nouveau Testament: L'Evêque dans l'Eglise du Christ*, Paris 1963.



bậc: giám mục, linh mục và phó tế, như công đồng Trentô đã định tín; xét theo giáo luật, thì ngày trước, đã có những chức: cắt tóc, giữ cửa, đọc sách, trừ quỷ, giúp lễ và phụ phó tế. Còn phẩm trật tài phán xét theo thần quyền thì gồm có giám mục đoàn, giáo hoàng và giám mục. Giám mục lãnh nhận quyền năng tài phán qua chức thánh, nhưng cần phải có việc ủy thác hợp luật (*missio canonica*) thì mới được hành sử quyền ấy (x. LG 27, CD 8). Giáo luật ghi rằng:

“Các giám mục, nhờ chính việc thụ phong giám mục, nhận lãnh cùng với nhiệm vụ thánh hóa, cả các nhiệm vụ giảng dạy và quản trị nữa. Tuy nhiên nhiệm vụ giảng dạy và quản trị, theo bản tính, chỉ có thể hành sử trong sự hiệp thông phẩm trật với thủ lãnh và với mọi phần tử tập đoàn” (điều khoản 375 §2).

Vì ấn tích của chức thánh không tẩy xóa được, nên giám mục mãi mãi là giám mục; tuy nhiên, vì việc ủy thác hợp luật có thể bị bãi bỏ, nên các ngài có thể bị cất chức.

Từ quyền chức giáo hoàng phát sinh ra nhiều tác vụ và chức vụ khác, như: các bộ trong giáo triều Rôma, các chức hồng y, thượng phụ (trong Giáo hội công giáo Rôma), tổng giám mục, giáo chủ, đại diện tông tòa, giám quản, viện phụ biệt hạt, giám chức tông thổ, bề trên tổng quyền miễn trừ, v.v... Từ quyền chức giám mục phát sinh ra các chức vụ như: linh mục tổng đại diện, linh mục quản hạt, linh mục chánh xứ.

Trọng tâm của phẩm trật Giáo hội là bí tích giám mục; cũng nên lưu ý là các “viên chức” thượng cấp (giáo hoàng, thượng phụ, giáo chủ, giám mục chính tòa), đều là đầu của một Giáo hội địa phương, vì Giáo phận là hiện thân của Hội thánh phổ quát tại một nơi; còn giám mục đoàn thì được cù



thể hóa ở trong công đồng chung.

Mục đích của phẩm trật là thay mặt Đức Kitô, Đầu của Giáo hội, và phục vụ Dân Thiên Chúa như Ngài đã từng làm. Vaticanô II dạy rằng: “Nhiệm vụ Chúa đã trao phó cho các chủ chăn của dân Người quả là một công tác phục vụ, mà Kinh Thánh gọi rõ là *diakonia*, nghĩa là thừa tác vụ” (LG 24a).<sup>16</sup> Vì thế, từ thời thánh Grêgôriô Cả trở về sau, các giáo hoàng thường dùng danh xưng *servus servorum Dei* (“tôi tớ của các tôi tớ Thiên Chúa”) để chỉ về mình. Vì phẩm trật là hiện thân của hiệp thông, nên dịch vụ đầu tiên là đảm bảo sự hiệp nhất trong Giáo hội. Vì phẩm trật gồm các chủ chăn, nên có nhiệm vụ giáo huấn và nuôi dưỡng Dân Chúa bằng giáo lý và các bí tích.

Trong một chương viết sau, thiên khảo luận sẽ bàn chi tiết hơn về các điểm vừa đề phác trên đây.

---

<sup>16</sup> Sách Giáo lý viết: “Phục vụ là đặc tính gắn liền một cách nội tại với bản chất bí tích của thừa tác vụ giáo hội. Chính thế, đều hoàn toàn tùy thuộc vào Đức Kitô là Đấng trao ban sứ mạng và uy quyền, các thừa tác viên quả là ‘những nô lệ của Đức Kitô’ (Rm 1:1), theo mẫu gương của chính Ngài là Đấng đã tự nguyện ‘mặc lấy thân người nô lệ’ (Pl 2:7) vì chúng ta. Bởi vì, lời và ân sủng mà họ là thừa tác viên, không phải là của họ, nhưng là của Đức Kitô và đã được Ngài ủy thác cho họ nhằm phục vụ những người khác, nên họ sẽ tự nguyện làm nô lệ cho mọi người” (số 876).

## II

### CÁC THỪA TÁC VỤ TRONG GIÁO HỘI

Giáo hội của Đức Kitô có một cơ cấu quản trị và chỉ đạo: Truyền thống gọi cơ cấu ấy là phẩm trật. Nhưng Tân Ước cho thấy là còn có nhiều hạng thừa tác viên khác nữa, với những tên gọi riêng; vậy, thử xem cho biết các danh xưng ấy mang ý nghĩa gì, và được xếp hạng theo trật tự nào.<sup>1</sup>

#### 1. Những danh hiệu

Giáo hội sơ khai, tựa như một người sơ sinh, chưa tỏ rõ hết các chức năng, chưa phân biệt hết các chức vụ của mình; vậy, cũng như một cơ quan sống động: càng lớn lên thì càng tỏ rõ tài lực và chức năng của mình. Giáo hội cũng thế.<sup>2</sup>

Có những danh hiệu Tân Ước dùng đến, có thể được gọi là chung, vì áp dụng được cho tất cả; chẳng hạn như danh xưng *doûlos* ("nô lệ, tôi tớ") hoặc *diákonos* ("người phục vụ"),

---

<sup>1</sup> Xem "The Ministry in the New Testament. Recent Research," *Bibl.Theol. Bull.* 3 (1973) 133-176; Collins, J. N., *Diakonia, Re-interpreting the Ancient Sources*, Oxford U.P. 1990

<sup>2</sup> Xin xem McKenzie, J., "The Ministerial Structures in the New Testament," *Concilium* 1972/8, 13-22; *Le ministère et les ministères, selon le Nouveau Testament*, Paris, Seuil 1974; Bartlett, David, *Ministry in the New Testament*, Fortress: Minneapolis 1993.

mà chính Đức Giêsu cũng đã nói đến (x. Lc 17:7). Mười hai tông đồ tự xưng là “tôi tớ” (x. Cv 4:29), và thánh Phaolô đã dùng danh xưng ấy để giới thiệu mình (x. Rm 1:1). Còn phận sự phục vụ nói chung thì được gọi là *diakonía* (“dịch vụ”), như thường đọc thấy trong Tân Ước (x. Cv 1:17.27; 20:24; 21:19; Rm 11:13, v.v.). Những thừa tác viên ngoài nhóm sứ đồ cũng được gọi như thế: Apollos là *diákonos* (x. 1Cr 3:5) cũng như Tykchicos (x. Cl 4:7; Ep 6:1). Timôtêô và Êrastô là *diákonoi* của Phaolô (x. Cv 19:22). Timôtêô là *doũlos* (x. Pl 1:1) và là *diákonos* của Thiên Chúa (x. 1Ts 3:2), rồi cũng còn được gọi là *ergátês* (“người thợ:” 2Tm 2:15; x. 1Cr 16:10), là “binh sĩ” (x. 2Tm 2:3), như chính Phaolô đã nói về mình (x. 2Cr 10:3). Lúc đầu, các danh xưng này chưa mang một ý nghĩa chuyên môn; nhiều lúc chỉ được dùng theo lối ẩn dụ.

## 2. Các Thừa tác vụ

Khi đề cập đến các nhiệm vụ trong cộng đoàn, để “Nhờ đó, các thánh được chuẩn bị mà làm công việc phục vụ, là xây dựng thân thể Đức Kitô” (Ep 4:12), thánh Phaolô đã dùng đến một số danh hiệu rút từ truyền thống Do thái mà lược kê ra.<sup>3</sup> Ngài chỉ dựa theo nhu cầu cụ thể mà kể ra, chứ không có ý liệt kê đầy đủ tất cả. Thường thì các danh hiệu ấy được chia ra làm ba loại như sau:

---

<sup>3</sup> Xin xem 1Cr 12:28-31; Rm 12:6-8; Ep 4:11; 1Pr 4:10-11 cũng có danh sách tương tự.

### a. Thừa tác vụ lời nói

Thánh Phaolô đặt các nhiệm vụ này ở đầu danh sách, vì đời sống kitô bắt đầu bằng đức tin và đức tin đón nhận được nhờ lời nói (x. Rm 10:17). Sau “tông đồ” thường là đến các *tiên tri*,<sup>4</sup> tức là những người khuyến bảo cộng đoàn (x. Cv 15:32) và giải nghĩa những điều Thiên Chúa mạc khải.<sup>5</sup> Bên cạnh đức ái, đoàn sủng hay nhiệm vụ này được Phaolô ca tụng nhiều nhất, vì đóng vai tích cực xây dựng Giáo hội (x. 1Cr 14:1-5) và được Chúa đặt cùng với các tông đồ, làm nền móng của “nhà Thiên Chúa” (x. Ep 2:20; 3:5). Vậy, đứng đầu là thừa tác vụ sứ đồ, vì sứ đồ làm chứng cho Đức Kitô phục sinh và rao giảng *kerygma*; thứ đến là các tiên tri có phận vụ đào sâu “mẫu nhiệm” trong cộng đoàn. Mọi tín hữu đều có thể được ơn tiên tri, bởi đó là một đặc sủng căn bản. Tân Ước còn nêu lên trường hợp các nữ tiên tri (x. 1Cr 11:5), như bốn cô con gái của Philipphê (x. Cv 21:9). Giáo hội đã có các tiên tri như thế trong những thế hệ đầu. Trong thời sách Đidakhê (đầu thế kỷ 2), xem ra là các tiên tri đã cùng với các tiến sĩ, đóng giữ vai trò quản trị cộng đoàn (x. Cv 10:15; 11:3.7-12; 13:1.3.6) và cử hành lễ bẻ bánh (x. Cv 10:1).

Các *tiến sĩ* (διδάσκαλος) là những thầy dạy giáo lý.<sup>6</sup> Họ được liệt kê cùng với các tiên tri và các vị chăn chiên (x. Ep 4:11), và dường như họ thuộc về cơ chế của cộng đoàn. Là những người biết dạy dỗ, biết diễn dịch và gìn giữ giáo lý,

<sup>4</sup> 1Cr 12:28; Rm 12:6; Ep 4:11, cũng như trong Cv 11:27; 13:1; 21:10 và sách Đidakhê.

<sup>5</sup> 1Cr 14:6.26.30; Ep 3:5; Cv 13:1.

<sup>6</sup> 1Cr 12:28; Ep 4:11; Rm 12:7, cũng như trong Cv 13:1 và sách Đidakhê 13,2.



họ quả là tổ tiên của các giáo lý viên và các nhà thần học. Các *giảng viên Tin mừng* (ευαγγελιστής; Ep 4:11) có lẽ là những người làm việc thừa sai, như Philipphê (x. Cv 21:8) và Timôtêô (x. 2Tm 4:5).

Các danh hiệu trên đây không chỉ về một chức vụ đặc biệt, nhưng là về một tác vụ, bởi một tông đồ có thể làm tất cả các công tác ấy, và mặt khác, những nhiệm vụ khác nhau cũng được gọi bằng các tên gọi đó (x. Cv 13:1). Một tông đồ cũng là tiến sĩ (x. 1Tm 2:7; 2Tm 1:11), là tiên tri (x. Cv 2:16tt) và là giảng viên Tin mừng (x. 1Cr 1:17).

### ***b. Thừa tác vụ cứu tế từ thiện***

Thánh Phaolô nói đến chức vụ này trong câu 1Cr 12:28 (αντιλημμις): đó là nhiệm vụ của trợ tá (x. 1Tm 3:8-12). Lúc đầu, chính các tông đồ lo việc từ thiện, nhưng sau đó, các vị đã ủy thác cho các trợ tá (x. Cv 6); sau này, Phaolô vẫn còn coi đó là nghĩa vụ của mình (x. 2Cr 8:4; 9:6). Những *diákonoi* này là những nhân viên – hoặc là nam hay là nữ (x. Rm 16:1) – lo việc phân phát của cải cho người nghèo (x. Rm 12:8). Những *diákonoi* đầu tiên cũng có thể giảng lời Chúa như Philipphê và Stêphanô. Lịch sử cho thấy là nhiệm vụ này đã biến thành tác vụ phó tế.

### ***c. Thừa tác vụ quản trị***

Những cộng đồng kitô dù là sơ khai thì cũng không phải là những đám đông “vô trật tự,” nhưng đã được tổ chức như các cộng đồng tương tự đương thời, nhất là như các cộng



đồng hội đường Do thái. Phaolô đã nói về κυβερνησις, việc “quản trị,” tổ chức “hành chánh” (x. 1Cr 12:28), hoặc là về những người “đứng đầu” (προιστάμενοι),<sup>7</sup> cũng như đã đề cập đến những kẻ chặn dất các giáo hữu.<sup>8</sup> Dường như các “của đầu mùa” (những người đầu tiên gia nhập cộng đoàn kitô) nhắc đến trong 1Cr 16:15-16, cũng có nhiệm vụ này. Thư Do thái nhủ các tín hữu phải vâng lời những “lãnh đạo” của họ (x. Dt 13:7.17), nghĩa là những người điều khiển cộng đoàn. Phổ biến nhất là danh hiệu kỳ mục (πρεσβύτερος: trưởng lão), gặp thấy lần đầu tiên ở Giêrusalem, khi cộng đoàn tại đây trở thành một đoàn thể dưới sự lãnh đạo của thánh Giacôbê.<sup>9</sup> Những kỳ mục cũng xuất hiện trong các Giáo hội do Banaba và Phaolô sáng lập (x. Cv 14:23; 20: 17), và trong hai ba thế hệ sau, chức vụ này đã rộng rãi có mặt ở khắp nơi.<sup>10</sup> Tuy nhiên, danh xưng này không hẳn chỉ về một chức vụ xác định, vì tông đồ Phêrô cũng tự xưng là “đồng kỳ mục” (*sympresbýteros*: 1Pr 5:1) hệt như tác giả của các thứ hai và thứ ba của Gioan.

Nhiệm vụ kỳ mục là: *chăn chiên Chúa* (1Pr 5:1; Cv 20: 28), *coi sóc* (1Pr 5:2 = *episcopéô*, x. Cv 20:28), *chủ tọa cộng đoàn* (1Tm 5:17). Hình như họ hoạt động không theo kiểu riêng biệt nhưng là theo đường lối tập đoàn, vì thánh Phaolô thường dùng số nhiều để nói về họ, hệt như khi nói về các *episcopoi* và *diakónoi* (1Ts 5:12; Pl 1:1).

<sup>7</sup> Rm 12:8; 1Ts 5:12-13.

<sup>8</sup> Ep 4:11; Cv 20:28; x. 1Pr 5:2, Ga 21:16.

<sup>9</sup> Xin xem Cv 11:30; 12:17; 15:2-6.22; 16:4; 21:8.

<sup>10</sup> Xin xem Geb 5:14; 1Tm 5; Tt 1:5; 1Pr 5:1-5; 2Ga 1, 3Ga 1; và Campbell, R.A., *The Elders: seniority within earliest Christianity*, Edinburgh, T&T Clark 1994.

Tình huống Giáo hội đã từ từ biến đổi như đọc thấy ở trong các thư mục vụ: tác giả nói về *những* kỳ mục, trong khi chỉ nói về *một* giám sư (*episcopos*) duy nhất trong cộng đoàn.<sup>11</sup> Nhân vật này phải biết *dạy dỗ* (x. 1Tm 3:2; Tt 1:9), giữ phận vụ *chủ tọa* (x. 1Tm 3:4-5), và được gọi là quản lý (*oikonómios*) của Thiên Chúa (x. Tt 1:7) như chính Phaolô và Apôllô (x. 1Cr 4:1) vậy. Tổ chức của Giáo hội ngày càng rõ ràng và quy củ hơn, tựa như tình trạng thánh Inhaxiô Antiokia miêu tả hồi đầu thế kỷ thứ hai.

Các nhiệm vụ trên đây đều tiến hành hoạt động trong các cộng đoàn địa phương. Nhưng bao lâu còn sống, thì các tông đồ (ít nhất là thánh Phaolô) vẫn tiếp tục – hoặc là trực tiếp hay là gián tiếp qua ủy viên như Timôtêô và Titô – coi sóc các Giáo hội họ đã sáng lập. Về phận sự và quyền hạn của các chức vụ ấy thì chưa ai biết được gì rõ; chỉ biết là viên chức ấy thông phần vào phận vụ của các tông đồ tùy hoàn cảnh và tùy từng cá nhân. Nhưng, với thời gian thì càng thấy rõ là có một quy củ chung, chứ không phải chỉ để tùy sáng kiến của mỗi cộng đoàn. Quả vậy, từ rất xa xưa, các cộng đoàn kitô vẫn hằng cần trọng trung thành bước theo đường lối của “truyền thống” (x. 1Cr 11:23; 15:3).

Hãy thử xem phận sự của những nhiệm vụ chính.

### 1). Tông đồ

Trong tất cả các danh sách liệt kê các nhiệm vụ, bao giờ *tông đồ* (*ἀπόστολος*) cũng đứng đầu; tất thấy các nhiệm vụ khác đều phát sinh từ tác vụ tông đồ (sứ đồ).

<sup>11</sup> Xin xem 1Tm 5:17-22; Tt 1:5tt; 1Tm 3:1-7; Tt 1:7-9.

Nhưng, ai là “*tông đồ*”? Trong Tân Ước, có thể nhận ra hai cách quan niệm: đối với Luca, tông đồ là *chứng nhân*; còn Phaolô thì quan niệm tông đồ là *thừa sai*. Thánh Luca hiểu Nhóm Mười Hai là nhóm các tông đồ, và làm như chính Đức Giêsu cũng đã gọi họ bằng danh hiệu ấy (x. Lc 6:13).<sup>12</sup> Thực ra, trước ai hết, Phaolô đã nhận các vị là tông đồ (x. Gl 1:17. Sách Khải huyền cũng tán đồng với Luca khi dùng đến cách xưng hô “mười hai tông đồ” (Kh 21:14). Tuy nhiên, dường như danh hiệu này chỉ xuất hiện sau khi Đức Giêsu đã lên trời.

Ngoài “mười hai môn đệ” ra, Tân Ước còn nói đến một số “tông đồ” khác. Phaolô kể ra những tông đồ lưng danh nhất (x. Gl 1:17-19; 2:8-9) là Phêrô, Gioan và Giacôbê (Giacôbê này không thuộc Nhóm 12). Sau đó thì có Phaolô và Bana-ba (x. 1Cr 9:5; Cv 14:14). Vì *apóstolos* có nghĩa là *sứ giả*; thế nên, Tân Ước đã nói về các sứ giả của Đức Kitô và những sứ giả của các Giáo hội (x. 2Cr 8:23): như Êpaphrôditô (x. Pl 2:25). Thánh Phaolô coi Andrônícô và Giunia là những người “xuất sắc trong các tông đồ” (Rm 16:7; dù có lẽ nên dịch câu này là: “xuất sắc *cho* các tông đồ”) Danh hiệu “tông đồ” được dùng rộng rãi – và cả lạm dụng nữa – trong những thế hệ sau (x. Kh 2:2): sách Didakhê và thánh Clémentê nói về những tông đồ còn hoạt động trong các Giáo hội; Clémentê Alêxandria († 215) gọi Clémentê thành Rôma († 96) là tông đồ.<sup>13</sup> Mía mai, thánh Phaolô đã lấy tên “siêu sứ đồ” (2Cr

<sup>12</sup> Luca không gọi Phaolô là “tông đồ” trừ ra trong Cv 14:14; L. Cerfaux cho đó là “*cest une distraction.*” Xin xem thêm Agnew, F., “The Origin of the New Testament Apostle-Concept: A Review of Research,” *Journ. of Bibl. Lit.* 105 (1986) 75-96.

<sup>13</sup> Xin xem *Stromata* 4.17.



11:5; 12:11) mà đặt cho các “sứ đồ giả” (2Cr 11: 13). Vì thế, nếu chỉ đơn thuần dựa theo danh hiệu “tông đồ” mà thôi, thì không thể biết rõ được địa vị và phận vụ của những người được gọi như thế ở trong Giáo hội. Đặc tính của các tông đồ “hàng đầu” hay nghĩa hẹp, là:

— Đã tận mắt nhìn thấy Đức Kitô phục sinh, và được gọi là “chứng nhân” (Cv 1:2t; 1Cr 15:5-7). Luca còn đòi hỏi thêm là đã từng “đồng hành” với Đức Giêsu sinh tiền;

— Đã được Chúa phái đi rao giảng Tin mừng (x. Rm 1:1; 1Cr 1:1-2; 2Cr 1:1; Cl 1:1; Ep 1:1; Gl 1:15-16);

— Đã được phái đi với quyền của Ngài (x. Mt 28:18t; Mc 16:16; Lc 24:27; Ga 13:20; 20:21-3);

— Làm nên móng của Giáo hội (x. Ep 2:20).

*Nhiệm vụ của các tông đồ cốt tại ở công tác rao giảng Tin mừng, vì đó là nhu cầu số một trong giai đoạn sáng lập Giáo hội; rồi còn phải rửa tội và thiết lập cộng đoàn. Trong Giáo hội, các ngài chủ tọa, tức là huấn dụ các tín hữu, đứng đầu các bữa bẻ bánh và coi sóc việc từ thiện. Diễn đạt theo lối thần học, thánh Phaolô gọi đó là thừa tác vụ hòa giải (x. 2Cr 5:18).*

## 2). *Những hợp tác viên của các tông đồ*

Quá trình thành tựu phẩm trật của Giáo hội bắt đầu với các tông đồ; rồi sau đó, các ngài chia sẻ phận vụ của mình với một số người hợp tác; như vậy, phận sự tổng quát duy nhất của các tông đồ được chia thành nhiều phận vụ riêng biệt khác nhau; và cuối cùng, khi các ngài vắng mặt hoặc mất đi, thì những người hợp tác ấy kế nhiệm vào những

phận vụ riêng biệt này.<sup>14</sup>

Trong cộng đoàn Giêrusalem, các tông đồ đã chia sẻ một phần của nhiệm vụ của mình cho bảy vị trợ tá (x. Cv 6:6). Khi Giáo hội bị bách hại lần đầu (x. Cv 8:1), các môn đồ di tản và nhiều cộng đoàn được sáng lập. Nhưng các tông đồ vẫn đảm nhận trách nhiệm về họ (x. Cv 8:14t), dù các cộng đoàn ấy đã có người đứng đầu; chẳng hạn như ở Đamát có Anania (x. Cv 9:10). Một số năm sau, Giáo hội Giêrusalem có cả một đoàn kỳ mục dưới quyền lãnh đạo của Giacôbê, người “anh em” Đức Giê-su. Đó là thể chế gốc hay mẫu của các địa phận: đặt dưới quyền cai quản của một giám mục với sự hợp tác của một linh mục đoàn.

Các kỳ mục xuất hiện trong nhiều Giáo hội. Trước hết là tại Giêrusalem (x. Cv 11:30); sau đó, Barnaba và Phaolô bổ nhiệm kỳ mục trong Giáo hội lương dân (x. Cv 14:23), dù có lẽ với danh hiệu khác. Thời các thư mục vụ, những kỳ mục là thành phần trong cơ chế của các Giáo hội địa phương.<sup>15</sup> Những “giám sự” (*episkopos*) được giới thiệu lần đầu tiên ở Cv 20:28, dù có lẽ chính Phaolô chưa dùng đến danh xưng ấy. Nhưng Phaolô đã gọi họ như thế ở trong Ph 1:1. Trong tiếng Hy Lạp, từ *episkopos* được dùng để gọi những người giám sát. Nhưng chắc chắn là trong Giáo hội, từ ấy mang ý nghĩa lấy từ thế giới Do thái. Trong Cựu Ước (bản LXX), *episkopos* chỉ về một phụ tá cai quản một nhóm (x. Tl 9:28).

<sup>14</sup> Lemaire, A., *Les Ministères aux origines de l'Église. Naissance de la triple hiérarchie: évêques, prêtres, diacres*, Paris, Cerf 1971; Congar, Y., *Ministère et communion ecclésiale*, Paris, Cerf 1971; Lohfink, G., *L'Église que voulait Jésus*, Paris, Cerf 1985.

<sup>15</sup> Inbaxiô Antiôkia nói về họ ở Tiểu Á, cũng như Clémentê thành Rôma nói về họ ở Côrintô, và phái giả thiết là cả ở Rôma nữa.

hoặc là một tướng tá (x. 31:14), hay là người trông nom (x. 2V 11:18). Thời các tông đồ, phái Êssênìô có chức vụ gọi là *mebaqqer* (Hy bá), tức *episcopos* (Hy lạp), là viên giám sự quản trị một cộng đoàn. Đương nhiên là về mặt đó, Giáo hội đã chịu ảnh hưởng của tổ chức này. “Giám sự” mà các thư mục vụ giới thiệu thì rất giống “giám mục” của truyền thống kitô; và nhiệm vụ *episkopê* (“giám sát”) lại được miêu tả hết giống nhiệm vụ của một tông đồ (x. Cv 1:20) hoặc của một niêm trưởng (x. 1Pr 5:2), tức là nhiệm vụ điều khiển cộng đoàn. Lúc đầu, tướng chừng như hai danh hiệu này mang cùng một ý nghĩa, chỉ được dùng thay nhau tùy chỗ, nhưng dần dần rõ ràng là “giám sự” đã được dành để chỉ người có phận vụ lãnh đạo cộng đoàn, tức là “giám mục.”

*Diákonos* là tên gọi chung, có nghĩa: “tôi tớ, người hầu;” nhưng vào giữa thế kỷ thứ nhất, thư Philipphê 1:1 đã liệt kê các *diákonoi* – mà thường được dịch ra là những *phó tế* – cùng với các *episcopoi*. Vì thường đi liền theo sau các “giám sự,” trong những bản liệt kê, nên các *diákonoi* được coi là thuộc viên của “giám sự.” 1Tm 3:8-13 cũng nói là các “phó tế” ấy ở dưới quyền của giám mục. Họ cũng làm thành một đoàn thể; nhưng thời ấy họ giữ phận vụ gì thì không ai rõ.<sup>16</sup>

### 3. Thể chế quản trị cộng đoàn

Giáo hội sơ khai có một thể chế tập đản.<sup>17</sup> Đức Giêsu

<sup>16</sup> Xem Lecuyer, J., *Le diacre dans le monde et l'Église d'aujourd'hui*, Paris, Cerf 1966, tr. 20-23.

<sup>17</sup> Xem Lyonnet, S., “La collégialité épiscopale et ses fondements scripturaires,” trong Barauna, G. (ed), *L'Église de Vatican II*, Paris, Cerf 1966, tr. 829-846.



triệu tập Nhóm 12 tông đồ như một đơn vị riêng biệt; sau phục sinh, Mátthia thay thế Giuda. Phêrô có một địa vị đặc thù, nhưng không dùng quyền cai quản các tông đồ khác. Toàn nhóm “Mười Hai” thiết lập bảy trợ tá (x. Cv 6:2); “các tông đồ” cử Phêrô và Gioan đi Samaria (x. Cv 8:14) và sau vụ Cornêliô, Phêrô minh trình sự việc và cách xử sự của mình trước “các tông đồ và các anh em” (x. Cv 11:1t). Cung cách làm việc tập đoàn như thế tỏ lộ trong cuộc họp gọi là công đồng Giêrusalem: “các tông đồ và các kỳ mục” triệu tập, xét xử và quyết định (x. Cv 15:2.4.6.22.23; 16:4). Giáo hội Antiôkia cũng đã làm việc theo cung cách tập đoàn như vậy, nhưng lại không có tông đồ; thế nên “Giáo hội” đã phái gửi Barnaba và Phaolô đến, sau khi đặt tay trên họ (x. Cv 13:2-3). Các văn kiện luôn luôn nói về các kỳ mục và giám sự trong số nhiều,<sup>18</sup> như là thuộc về cùng một đoàn nhóm, một trật bậc.

Thể chế tập đoàn này phát nguồn từ gốc Do thái. Thành ngữ “các tông đồ và các kỳ mục” là một dạng song song của cách nói “các thượng tế và các kỳ mục” (x. Cv 23:14; 25:15). Vì thế, có thể giả thiết là mỗi tập đoàn có một vị đứng đầu. Hình như “giám sự” là kỳ mục được chọn làm chủ tịch, nơi thì lần lượt hoặc theo nhiệm kỳ ngắn, nơi thì trong một thời gian dài hơn. Lúc đầu, “phẩm trật” chỉ có hai bậc: kỳ mục hay giám sự và trợ tá; và trong thời các thư mục vụ, thì đã thấy có ba bậc: giám sự, kỳ mục và trợ tá, dù những phận vụ của họ chưa phân định cho rõ lắm. Đầu thế kỷ thứ hai, ba bậc ấy đã được phân biệt rõ, và đó là các bậc: giám mục, linh mục, và phó tế.

<sup>18</sup> Về những kỳ mục: Cv 20:17; 21:18; Tt 1:5; Dt 11:2; Geb 5:14; 1Pr 5:1.5; 1Tm 4:14 có cả *presbyterion* (hàng kỳ mục); về các giám sự Cv 20:28; Pl 1:1.

Như thế, Giáo hội sơ khai đã có một phẩm trật sơ khai. Lúc đầu, trọng tâm là rao giảng Tin mừng, thứ đến mới lo đến việc tổ chức; và cơ cấu tổ chức biến phát cho đến thời trưởng thành, khi trong Giáo hội thấy xuất hiện rõ phẩm trật ba bậc. Chẳng thế mà L. Cerfaux đã chia quá trình tiến phát của Giáo hội ra ba giai đoạn như sau: “Giáo hội của sứ điệp; Giáo hội được tổ chức và quản trị, Giáo hội có phẩm trật.”<sup>19</sup>

#### 4. Cơ cấu đoàn sủng của Hội Thánh

Hội Thánh là thân thể có “linh hồn” và, vì thế, cùng với cơ cấu phẩm trật cũng có cơ cấu thiêng liêng. Nếu so sánh phẩm trật với cốt cách của Dân Thiên Chúa, thì những đoàn sủng giống như bộ xương của Nhiệm thể. Công đồng Vaticanô II nhận định:

“Thánh Linh không chỉ thánh hóa và hướng dẫn Dân Thiên Chúa bằng các bí tích và các thừa tác vụ, cùng trang bị họ bằng các nhân đức, nhưng Ngài còn ban phát các ân sủng đặc biệt cho mọi cấp bậc các tín hữu ‘phân chia ân huệ cho mỗi người theo ý Ngài’ (1Cr 12:11), khiến người lãnh nhận các ân sủng ấy có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo hội...” (LG 12b).<sup>20</sup>

Ngày nay, Giáo hội học không thể lảng tránh mà không

<sup>19</sup> Cerfaux, L., *La théologie de l'Église suivant Saint Paul*, 378-379.

<sup>20</sup> Vanhoye, A., “The Biblical Question of ‘Charisms’ After Vatican II,” trong Latourelle, R. (ed) *Vatican II: Assessment and Perspectives*, New York: Paulist 1988, I tr. 439-468.

bàn đến các đoàn sủng trong Giáo hội.<sup>21</sup> Thường thì Giáo hội học công giáo ít lưu ý tới khía cạnh này; có lẽ vì dựa quá đáng vào sách Công vụ Tông đồ và các Thư mục vụ, mà lại không quan tâm đủ đến 1Côrintô, cho nên Giáo hội học làm như mắc phải óc duy giáo sĩ và nệ pháp lý. Vaticanô II đã đề cập đến vấn đề. Sau đây xin được bàn rộng thêm về điểm vừa nói.<sup>22</sup>

*Đoàn sủng* là gì? Là – theo thần học định nghĩa – *gratia gratis data*, tức là một ơn Chúa ban nhưng không, cho một cá nhân vì “lợi ích chung” (x 1Cr 12:7). Nhưng ý nghĩa Tân Ước gợi muốn nói lên qua ý niệm đoàn sủng thì rộng hơn:<sup>23</sup> có thể đi đôi với một tài năng, chức năng hoặc nhiệm vụ, hoặc là được ban cho một người để chu toàn một sứ mạng đặc biệt; cũng có thể là Chúa ban ơn ấy vì một ích lợi riêng mà thôi (x. 1Cr 14:4). Đoàn sủng thường được coi như ơn của Thần Khí. Ngày nay, đoàn sủng được quan niệm như một ơn thiêng liêng, thường đi đôi với một kinh nghiệm sâu xa lạ thường, và có ảnh hưởng trên cuộc đời của cá nhân nhận ơn cùng của người khác. Đoàn sủng có thể là của một cá

<sup>21</sup> Xin xem Rahner, K., *The Dynamic Element in the Church* (Questiones disputatae 12) 1964; idem, *The Spirit in the Church*, New York: Seabury 1979; Küng, H. “The Charismatic Structure of the Church,” *Concilium* 4 (1965) 23-33; idem, *L'Église*, I, Desclé de Brouwer 1968, trg 248tt; Dockx, S. (ed), *L'Esprit Saint et l'Église*, Paris 1966; Grasso, D., *I carismi nella Chiesa*, Brescia 1982; Sullivan, F.A., *Charisms and Charismatic Renewal*, Ann Arbor MI, 1982; Bermejo, L., *The Spirit of Life: The Holy Spirit in the Life of the Christian*, Chicago: Loyola U.P. 1989.

<sup>22</sup> Xin xem Shürmann, H. “Les charismes spirituels,” trong Barauna, G. (ed), *L'Église de Vatican II*, Paris, Cerf 1966, tr. 541-573.

<sup>23</sup> Hemphill, K.S., *The Pauline Concept of Charisma*, Cambridge 1977. Koenig, J., *Charismata: God's Gifts for God's People*, Philadelphia: Westminster 1978.



nhân hay của một nhóm; dù sao, đoàn sủng cũng phải được đức ái hoạt hóa thì mới quả là đích thực.

Dù có được nói đến nhiều tại Còrintô, thì các đoàn sủng cũng đã có mặt khắp nơi trong Giáo hội sơ khai; tựa như trường hợp của phẩm trật: dù tại Giêrusalem thể chế này hình thành rõ rệt trước,<sup>21</sup> nhưng đã hiện diện trong tất cả các Giáo hội. Trong Tân Ước, khái niệm “đoàn sủng” chưa kết tinh rõ ràng. Từ *σύνισμα* (“ơn, biệt sủng”) xuất hiện 17 lần ở trong Tân Ước: 16 lần trong các văn bản Phaolô, một lần ở trong 1Pr 4:10, và không bao giờ mang ý nghĩa đối nghịch với chức vụ. Thường thì từ ấy mang ý nghĩa chung (= “ơn”), và chỉ trong ba đoạn là có ý nghĩa gần như “đoàn sủng” (x. Rm 12:6; 1Cr 12:4-31; 1Pr 4:10). Còn thánh Luca thì không dùng từ “đoàn sủng,” nhưng lại nói đến thực tại của các ơn ấy.

Ơn này của Thần Khí xuống trước hết trên “các tông đồ” và những ai đang ở với các ngài trong ngày lễ Ngũ Tuần, khiến nhóm “mầm giống” ấy lớn mạnh lên trở thành Giáo hội. Kinh nghiệm Hiện xuống ấy (x. Cv 2:1-4) là yếu tố cấu tạo Giáo hội. Như thế, có nghĩa là những lời tiên tri (x. Ed 36:25-27; Ge 3:1-4) đã ứng nghiệm, và “Ítraen mới” đã được tràn đầy Thần Khí. Giáo hội là một tạo vật mới, sinh ra bởi nước và Thánh Thần, đã được xúc dầu bằng Thần Khí (x. Rm 8; Gl 5; 1Ga 2:20-7). Giáo hội là một cộng đoàn linh hoạt nhờ Thần Khí hiện diện; vì thế, hoạt động của Giáo hội phải hùng hồn biểu lộ sự hiện diện ấy. Đoàn sủng của Thánh Linh là sinh khí của Giáo hội gốc Do thái (x. Cv 2:2) cũng

<sup>21</sup> Xin xem Campenhausen, H. von, *Ecclesiastical Authority and Spiritual Power in the Church of the First Three Centuries*, 1967.

như của các Giáo hội gốc dân ngoại (x. Cv 10:44), để làm cho mọi khác biệt trở thành một tổng thể hiệp thông duy nhất (x. Ep 4:3-7).

Thần Khí ban phát những đoàn sủng cho các tín hữu tùy ý Ngài, và để mưu ích cho cộng đoàn (x. 1Cr 12:7). Trong Giáo hội Côrintô, đã có những đặc sủng lạ lùng, như nói tiếng lạ mà thông thường không ai hiểu; Phaolô ca tụng đặc ân này (chính ngài cũng đã nhận được: 1Cr 14:18), nhưng lại đặt nó dưới “ơn tiên tri,” vì đặc ân ấy cần nhờ đến “ơn giải thích” thì mới xây dựng cho cộng đoàn được. Còn đặc ân “xuất thần” hoặc những hiện tượng lạ (πνευματικά: 1Cr 12:1; 14:1) thì nên đề phòng vì dễ bị lừa bịp: dân ngoại cũng có những hiện tượng tương tự. Vì vậy, Phaolô nhấn mạnh đến việc cần phải biết “nhận định thần loại” theo hai tiêu chí: một là đức tin chính thực (x. 1Cr 12:3), hai là chủ ý mưu ích chung (x. 12:7; 14:26). Nguyên tắc chung là phải quý trọng các đoàn sủng: “Đừng dập tắt Thần Khí; chớ khinh thường ơn nói tiên tri. Hãy cân nhắc mọi sự: điều tốt thì giữ, còn điều xấu dù là dưới bất cứ hình thức nào, thì phải lánh cho xa” (1Ts 5:19-22). Vì thế, cần phải đặt quy tắc cho hoạt động của các đoàn sủng (x. 1Cr 14).

Bên cạnh những đoàn sủng lạ lùng, cũng có những ơn đơn sơ mọi người kitô đều có thể nhận được để sống đạo hằng ngày (x. 1Cr 12:12-13). Chẳng thế mà thánh Phaolô nói về “ơn khôn ngoan,” “ơn hiểu biết,” “ơn nhận định các thần loại,” tức là khả năng giúp anh em giải quyết những thắc mắc trong cuộc sống; hoặc là “ơn chữa bệnh” cũng có thể đưa đến chỗ làm phép lạ, hay “ơn quản trị” là nền tảng của phận vụ cai quản (x. 1Cr 12:28). Tương tự như các “ơn gọi” mà thời nay thường nói đến, Phaolô cũng liệt kê những

đoàn sùng có tính cách dịch vụ, như là: làm thầy dạy, làm người khuyến khích, chủ tọa, săn sóc, lo việc từ thiện, v.v. (x. Rm 12:6-9; 1Cr 12:27-28; Ep 4:11). Thật ra, trong ánh sáng đức tin, hết thảy các nhiệm vụ, chức năng, địa vị, v.v. đều là ơn của Chúa, và được ban cho để xây dựng Giáo hội (x. 1Cr 7:7.17.18-20, v.v.).

Phaolô còn đặc biệt nêu bật và nhấn mạnh đến “một con đường trời vượt hơn cả” là “đức mến” (x. 1Cr 12:31ff). Phải chăng Giáo hội có một cơ cấu tình yêu?

## 5. Đoàn sùng và Giáo phẩm

Vì các đoàn sùng được Thần Khí ban xuống cách tự do, không ai kiểm soát được; thế nên, có người cho rằng trong Giáo hội, thể chế “quân chủ” và đoàn sùng kị nhau.<sup>25</sup> Nếu “quân chủ” được quan niệm như cực quyền quyền chế, thì quả đúng; nhưng đó không phải là thể chế trong Giáo hội. Sự khác nhau giữa các đoàn sùng đòi phải có sự hiệp nhất trong thân thể, và thân thể thì chỉ có một đầu. Dù sao, nếu không ý tứ cho đủ thì có thể xảy ra xung đột giữa đoàn sùng với quyền bính, như thánh Phaolô đã thể nghiệm tại cộng đoàn Côrintô, và như lịch sử của Giáo hội đã tỏ rõ.

Trước hết, nên lưu ý là giữa các đoàn sùng cũng có một loại trật bậc. Thánh Phaolô viết là trong Giáo hội, *trước hết* có các tông đồ, thứ đến là các tiên tri, sau đó là các thầy dạy, rồi đến những người được ơn làm phép lạ, chữa bệnh, v.v. (x. 1Cr 12:28). Các tiên tri cùng với các tông đồ được đóng

<sup>25</sup> Hans Küng viết: “Cơ cấu đoàn sùng loại trừ hệ thống quân chủ” trong *L'Église*, I, tr. 258.



giữ vai trò làm nền móng của Giáo hội (x. Ep 2:20); thật ra, đoàn sủng này là dấu hiệu của thời đại cánh chung (x. Cv 2:7t). Tiên tri là người chuyển lời của Thần Khí cho cộng đoàn để biết đường mà đi trong những cảnh ngộ đặc biệt.<sup>26</sup>Ơn tiên tri làm cho được thông phần vào chức năng tiên tri của Đức Kitô để làm chứng cho Tin mừng trước mặt thiên hạ. Ít hay nhiều, mọi kitô hữu đều được thông phần vào ơn này, như Vaticanô II đã dạy (LG 31; AA 10; PO 2a, v.v.). Cựu Ước cho thấy là thường có những vụ xung đột giữa các tiên tri với giới cầm quyền trong dân Do thái; trong Giáo hội cũng có thể xảy ra như vậy.

Đặc sủng là ơn Thiên Chúa ban cho để có khả năng mà thi hành một sứ mạng – hay “ơn gọi” – hầu mưu ích cho cộng đoàn; vì thế, Giáo hội công nhận và khuyến khích là những ai được Thiên Chúa ban đặc sủng cho, thì không những có quyền mà còn có bổn phận thực thi ơn ấy cho đầy đủ: Vaticanô II nói rõ rằng vì đã nhận ơn ngôn sứ, nên các giáo hữu có *jus et officium* (“quyền lợi và bổn phận”) làm việc tông đồ (CD 16e; AA 3a). Tuy nhiên, vì có nhiều ơn và phải giữ dây hiệp nhất, nên cần phải nhận định cùng xếp đặt làm sao để các đoàn sủng sinh hoạt trong trật tự, và phải biết loại trừ những “đoàn sủng giả.” Tân Ước cảnh cáo chống lại “những tiên tri giả.”<sup>27</sup> Những ơn lạ có thể “đánh lừa” chính kẻ linh chúng, như Đức Giêsu đã từng nghiêm ngặt cảnh cáo (x. Mt 7:2-23).

<sup>26</sup> Xin xem Cv 11:27-8; 13:1; 21:10-11; 1Tm 4:14, v.v.

<sup>27</sup> Các truyền thống khác nhau đều lên tiếng cảnh cáo: Mt 7:15; 24:11.24; Mc 13:22; Lc 6:26; Cv 3:6; 2Pr 2:1; 1Ga 4:1; Kh 16:13. Phaolô nói về “tông đồ giả.” 2Cr 11:13, và Phêrô về “thầy giả.” 2Pr 2:1; và còn có những “Kitô giả.” Mt 24:24; Mc 13:22, hoặc “phân kitô.” 1Ga 2:18.22; 4:3; 2Ga 7.

Trong Giáo hội, phẩm trật có trách nhiệm chăm lo cho toàn thể các tín hữu, cách riêng là để gìn giữ hiệp nhất và bảo toàn kho tàng mạc khải. Đôi lúc có người quên đi rằng phẩm trật cũng có đoàn sủng. Cựu Ước cho thấy là đoàn sủng cũng có thể gắn liền với một nghi thức, như nghi thức đặt tay (trường hợp của Giôsuê: Đnl 34:9) hoặc xúc dầu (cho Davít chẳng hạn: 1Sm 16:13). Tân Ước cũng thế, chẳng hạn như trường hợp của Timôtêô (x. 1Tm 4:14; 2Tm 1:6), mà Giáo hội coi như là nghi thức truyền chức thánh. Là người kế nhiệm các tông đồ, các giám mục thông phần vào *diakonia toũ pneumatos* (“dịch vụ của Thần Khí”: 2Cr 3:6.8), nghĩa là làm trung tâm ban Thần Khí cho cộng đoàn, và như chính thánh Phaolô, các giám mục cũng có nhiệm vụ thiết đặt lễ lối cho sinh hoạt của các tín hữu có đoàn sủng [đặc biệt], trong cộng đoàn Giáo hội mình. Vaticanô II dạy rằng: “Các vị thủ lãnh trong Giáo hội có thẩm quyền phán quyết về tính cách chân chính và việc sử dụng hợp lý các ơn lạ ấy: đặc biệt, các ngài có nhiệm vụ khảo sát tất cả, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để trắc nghiệm và giữ lại những điều thiện hảo (1Ts 5:12.19-21)” (LG 12b). Vì tất cả những đoàn sủng (cả trong phẩm trật lẫn ngoài) đều phát sinh từ một Thần Khí, nên tất cả đều phải cùng nhau xây dựng sự hiệp nhất của thân thể duy nhất là Giáo hội.<sup>28</sup>

Giáo hội là một thể chế gồm nhiều loại đoàn sủng thông thường và phi thường. Buổi đầu, thì có nhiều đoàn sủng phi thường; sau đó, các ơn phi thường ngày càng hiếm đi; theo đà ấy, Giáo hội cũng ngày càng cậy dựa nhiều hơn vào các đoàn sủng cơ chế. Thần Khí sẽ luôn luôn tự do ban đoàn

<sup>28</sup> Vela, L., “Biện chứng trong Giáo hội: Đoàn sủng và Giáo luật,” *Hợp Tuyển Thần Học* số 3(1992) 13-57.

sùng cho Giáo hội để sửa chữa những sai lầm và đổi mới những gì cũ kỹ, cũng như để bảo toàn kho tàng mạc khải Thần Khí đã giao phó cho Giáo hội.<sup>29</sup>

## 6. Kết luận

Nhờ Thần Khí, Đức Kitô đã thiết đặt Giáo hội mình ở giữa lịch sử loài người như một xã hội có trật tự. Bên trong, Thần Khí ban năng lực thiêng liêng, tức là những ơn thông thường và phi thường; bên ngoài, Ngài làm cho xuất hiện những thừa tác vụ để điều khiển dân Thiên Chúa. Lúc sơ khai, các cơ quan còn chưa lộ dạng rõ và còn mang tính chất đa trị, nhưng dần dần đã kết tinh trong những thừa tác vụ như đang thấy ngày nay. Nhìn vào Giáo hội sơ khai, có kẻ phân biệt ra nhiều dạng mẫu Giáo hội, như: “Giáo hội của Phêrô” (*ecclesia petrina*), “Giáo hội của Phaolô” (*ecclesia paulina*); hoặc là dạng chuyên quyền như Giáo hội Giêrusalem dưới sự lãnh đạo của Giacôbê, hay là dạng “dân chủ” như cộng đồng Côrintô do Phaolô điều khiển.

Chắc hẳn lúc đầu, Giáo hội Giêrusalem đã hoàn tất quá trình hình thành trước hết, và giống theo thể chế của các hội đường Do thái (chứ không theo kiểu của Đền thờ). Giáo hội này cũng đã có những đoàn sùng (chẳng hạn như: làm phép lạ: Cv 3:6; 8:13, đoàn sùng tiên tri: Cv 11:27). Các Giáo hội do Phaolô sáng lập, đã tổ chức theo kiểu Hy Lạp (dân sự, chứ không theo tổ chức tôn giáo của dân ngoại), và có “giám sự” hoặc “người đứng đầu.” Trong cả hai cách tổ chức, đều

<sup>29</sup> Xin xem Howell, P.J. và Chamberlain, G., *Empowering Authority: The Charisms of Episcopacy and Primacy in the Church Today*, Kansas: Sheed and Ward 1990.



thấy có các kỳ lục. Và, không kém gì Giacôbê ở Giêrusalem, Phaolô cũng đã thẳng thắn dùng “quyền bính” tông đồ của mình. Cuối cùng, cả hai dạng thể chế ấy (và có lẽ cả các dạng thể chế khác không được biết đến, như ở Bắc Phi, Tây Âu, Armênia, v.v.) đã phối hợp để thành thể chế “công giáo” duy nhất của Giáo hội kể từ thế kỷ thứ hai trở đi.<sup>30</sup>

---

<sup>30</sup> Wagner, W.H., *After the Apostles: Christianity in the Second Century*, Westminster: Fortress 1994.

### III

## GIÁO HỘI TÔNG TRUYỀN

Trong kinh Tin kính, chúng ta tuyên xưng: “Tôi tin kính một Hội Thánh... tông truyền.” Đặc tính này nêu bật mối liên hệ giữa Giáo hội hiện tại và Giáo hội của các tông đồ. Liên quan đến tín điều này, có những vấn đề đặt ra khá phức tạp: Giáo hội ngày nay có phải là Giáo hội sơ khai, hay chỉ là một Giáo hội đã đổi khác đi? Đức tin, các bí tích, các thừa tác vụ đang thấy bây giờ có phải là những điều “xa lạ” đối với Giáo hội ngày xưa, hay vẫn là những gì nằm trong cơ cấu do chính các tông đồ đã để lại? Thần học thường nêu ra ba khía cạnh của “tông truyền tính” (*apostolicitas*): 1) nguồn gốc: các tông đồ là nguồn gốc của Giáo hội hiện tại; 2) giáo lý: Giáo hội bảo toàn giáo lý (đức tin) các tông đồ để lại; 3) thừa tác vụ: sứ mạng và các thừa tác vụ hiện có đều phát nguyên từ các tông đồ.

### 1. Giáo hội bất khả khuyết

Khi quả quyết Giáo hội không thể bị hủy diệt, là muốn nói lên niềm tin kiên vững vào lời hứa bất thành bất bại của Đức Giêsu, là Thiên Chúa trung thành.

Trong lịch sử Giáo hội, không thiếu chi những người hay những phong trào chủ trương Giáo hội của Đức Kitô không

còn là nguyên trạng, hoặc nếu có thì chỉ tồn tại ở trong giáo phái của họ. Thí dụ như phái Đônatô hồi thế kỷ 5-6, mà thánh Âugutinô đã mạnh mẽ lên tiếng chống lại, hoặc như phong trào Fratricelli (tiểu đệ: thế kỷ 14) là phái cho rằng Phúc âm đã mất, nhưng họ đã tìm thấy được ở trong Giáo hội thiêng liêng đích thực (DS 911, 915). Thời cải cách Tin lành, phái Soccinus († 1604) chủ trương là Giáo hội có thể mất đi; thật ra, có thể nói là toàn bộ phong trào Tin lành vẫn coi là Hội thánh toàn vẹn không còn nữa, mà chỉ có những tên phái còn mang nhiều ít bản chất của Giáo hội Đức Kitô. Thời thế kỷ 18, Hội đồng Pistoia (Ý, năm 1786) chủ trương rằng Giáo hội đã mất nhiều yếu tố căn bản của giáo lý Đức Kitô, và đã bị đức Piô VI kết án là lạc giáo (DS 2601).

Ngoài ra, cũng có những trào lưu đi theo khuynh hướng thiên quang luận (*illuminiſmus*) và cho rằng họ nhận được một mạc khải mới, coi Kinh Thánh và Giáo hội như là đã lỗi thời. Thời xưa, đã có các phái Mani (Âugutinô thời trẻ đã theo phái này) và Môtanô (Tertullianô về già đã nhập phái này), tự xưng là thông ngôn của Thánh Linh và đã lập một Giáo hội gọi là “thuần túy.” Thời thế kỷ 13, một số nhân vật có tiếng (như viện trưởng Joachim de Fiore († 1202), Amalric thành Paris († 1207) và đặc biệt là Phêrô Gioan Oli-vi († 1298), dòng Phanxicô, đã đề xuất một học thuyết cho rằng sau mạc khải của Chúa Cha (Cụm Ước), và của Chúa Con (Tân Ước), thì sẽ tới mạc khải của Thánh Linh hoặc là “Tin mừng trường cửu.” Tương tự như vậy, trong các thế kỷ 19 và 20, cũng đã có những tác giả nghĩ rằng sau Giáo hội của Phêrô (là Giáo hội công giáo, dựa vào hành vi và quyền thế) và Giáo hội của Phaolô (Tin lành, đặt nền tảng trên đức tin và tự do), thì đến thời Thánh Linh sẽ đưa dẫn



lời Giáo hội của Gioan, là Giáo hội của tình yêu (giả thuyết của Dollinger, công giáo, † 1890).

Trong dòng lịch sử trải dài, cũng đã xuất hiện những tôn phái tự xưng là “Giáo hội mới” (nghĩa là Giáo hội *khác* và *đích thực*), như phái Tái tẩy (*Anabaptista*: thế kỷ 16, ở Đức), phái *Quakers* (thế kỷ 17, ở Anh), *Mormons* (thế kỷ 19, ở Hoa kỳ), và *Moon* (thế kỷ 20, ở Đại Hàn); tất cả đều cho rằng Giáo hội Đức Kitô sáng lập đã bị hư hỏng mất rồi, và họ là những người phục hồi Giáo hội ấy, hoặc thiết lập một Giáo hội mới.

— Nói Giáo hội *bất khả khuỵt* là thần học muốn biểu đạt sự việc Giáo hội đã và sẽ mãi mãi tồn tại giữa lịch sử nhân loại, cũng như sẽ mãi mãi trung thành với sứ mạng siêu nhiên Đức Kitô đã giao phó. Đó là điều công đồng Vaticanô I khẳng định rõ: “Vì muốn công cuộc cứu độ hằng hiện diện với nhân loại, [Đức Kitô] Vị Mục tử muôn thuở và là Giám sự của linh hồn chúng ta, đã quyết định xây dựng Hội thánh” (DS 3050); công đồng cũng nhất mực xác quyết là không bao giờ lại không có người kế vị thánh Phêrô trong nhiệm vụ tối thượng quyền (DS 3058). Nhờ Thánh Thần, Đáng mà Đức Kitô hứa là sẽ ở lại mãi mãi (Ga 14:16), Giáo hội sẽ chu toàn sứ mạng cho đến cùng, như Đức Lêô XIII viết trong thông điệp *Divinum illud munus* (DS 3328). Vaticanô II cũng đã nhắc lại giáo lý này, đặc biệt là qua Hiến chế về Giáo hội: từ đoàn thể những người tin vào Đức Giê-su,

“Thiên Chúa... đã lập thành Giáo hội, để Giáo hội trở nên bí tích hữu hình của sự hiệp nhất cứu độ cho toàn thể và cho mỗi người. Với sứ mạng phải triển phát trong khắp thế giới, Giáo hội đã đi sâu vào giữa lòng lịch sử nhân loại, cho

dù đồng thời, có mang bản chất siêu việt vượt hẳn lên trên biên giới thời gian và không gian của các dân tộc. Tiến bước giữa cám dỗ và khổ đau, Giáo hội được củng cố kiên vững bởi ơn Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã hứa ban, để dẫu phải chịu yếu hèn trong thân phận xác thịt, Giáo hội vẫn sống không những không chút khiếm khuyết (*non deficiat*), mà còn như một hiền thể xứng đáng của Chúa mình, và không ngừng đổi mới chính mình dưới tác động của Chúa Thánh Thần cho đến ngày nhờ thánh giá mà đạt đến ánh sáng không hề tắt” (LG 9 cuối).

Do lời hứa ấy, *dân Chúa* sẽ mãi mãi gắn bó với đức tin một cách bất khả khuyết (*indefectibiliter*; LG 12a). Còn về *giáo phẩm*, thì công đồng vững tin rằng “Chúa Thánh Thần hằng duy trì thể thức cai quản do Chúa Kitô đã thiết lập trong Giáo hội” (LG 27b). Giáo lý này thuộc nội dung đức tin của Hội thánh.

— Trong Kinh Thánh, Giáo hội xuất hiện như là giai đoạn cánh chung của toàn bộ kế hoạch cứu độ, như Đức Giêsu đã muốn ngầm chỉ qua dụ ngôn về cỏ lùng (x. Mt 13:24-30): suốt trong thời gian lịch sử, Satan sẽ cố không ngừng gây cản trở chặn đường sứ mạng của Giáo hội cho tới lúc “mùa gặt” đến, tức là hồi thế mạt (x. Mt 13:36-43). Ý Đức Giêsu là Giáo hội phải bẻ bánh “cho đến khi Chúa lại đến,” và vì gắn bó với “những sự việc cuối cùng,” nên Giáo hội phải tồn tại cho đến cùng.<sup>1</sup> Đức Giêsu đã khai mở “thời đại cuối cùng” và phái gửi Thánh Thần như ân huệ ban xuống cho “Ítraen cánh chung,” v.v.; vì thế, thời gian lịch sử của Giáo hội là thời đại chung quyết trong chương trình cứu độ

<sup>1</sup> Thánh Tôma viết: “Không quy chế nào có thể kế tiếp quy chế Luật mới... Vì không thể có cái gì gắn cùng đích hơn là cái dẫn đến tận cùng đích” (*Tổng Luận*, 1-2, q.106, a.4).

của Thiên Chúa. Thư Do thái nhắc đi nhắc lại là Đức Kitô đã chu toàn công cuộc cứu chuộc “chỉ một lần là đủ” (εφάπαξ):<sup>2</sup> “Ngài đã hoàn thành việc cứu chuộc muôn đời” (Dt 9:12), và “đã đổ máu mình ra để thiết lập giao ước muôn đời” (Dt 13:20), giao ước mà Thánh lễ hằng không ngừng hiện tại hóa cho đến Chúa lại đến (x. 1Cr 11:26). Căn cứ theo Tân Ước mà nghiệm xét, thì chờ đợi một giao ước khác là điều thật vô lý: “Không ai có thể đặt nền móng khác ngoài nền móng đã đặt sẵn là Đức Giêsu Kitô” (1Cr 3:11).

Ý của Đức Giêsu phục sinh là muốn ở với Giáo hội “mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20), và Ngài lấy toàn quyền mà hứa như vậy! Ý định và lời hứa ấy đã thành hiện thực qua sự việc Thánh Thần hằng không ngừng ở với các tín hữu (x. Ga 14:16tt). Vì vậy, dù về phần nhân loại, Giáo hội có thể lâm nguy, song bao giờ cũng được cánh tay hùng mạnh của Thiên Chúa đỡ nâng bảo toàn để vững bước tiến tới trên đường tương lai. Không một đối phương nào – kể cả thần chết,<sup>3</sup> và mọi thứ quỷ thần hay bất cứ một liên minh nào của chúng – phá hủy được Giáo hội, vì Đức Giêsu đã hứa: “quyền môn âm phủ sẽ không thắng nổi” (Mt 16:18). Hẳn là Giáo hội sẽ bị bách hại, nhưng Đức Giêsu căn dặn là: “Đừng sợ,”<sup>4</sup> vì Ngài hằng ở với Giáo hội trong thế của “người mạnh hơn” (x. Lc 11:22). Tuy nhiên, xét về phần loài người và về mặt hiện diện cùng hiệu năng tiến phát, nhất là tại các địa phương, Giáo hội cần phải biết gãm suy về lời

<sup>2</sup> Xin xem Dt 7:27; 9:12; 10:10; Rm 6:10.

<sup>3</sup> Về thành ngữ này, xin xem Is 38:10; Kn 16:13; G 38:17; Tv 9:15; 106:18; Lc 2:26. Trong Tân Ước, “cửa âm phủ” cũng một ý nghĩa như “quyền quỷ thần;” xem Ep 12:17.

<sup>4</sup> Xin xem Mt 5:11; 10:16-31; Ga 15:20.



hứa ấy với một lòng khiêm hạ sâu thẳm, vì trong Cựu Ước, cũng có lời hứa tương tự như thế đối với Giêrusalem (x. Is 60:11), đối với Đavít (x. 2Sm 7:12-16; Tv 89:4. 29tt), hoặc là với chức tư tế nhà Aaron (x. 1Sm 2:30; Xh 29:9; Ds 25:13).

Bất hủy tính của Giáo hội phát nguyên từ sự việc Giáo hội là cơ chế bí tích cứu độ: Đức Kitô dùng Giáo hội như khí cụ để hòa giải loài người với Chúa Cha. Chắc hẳn là trong tình trạng lữ hành, Giáo hội có thể bị đánh phá nhưng sẽ không bị đánh bại;<sup>5</sup> có thể phạm tội đến độ suy đốn, nhưng sẽ không bị suy vong, sẽ hồi phục và “phải cải thiện luôn mãi” (UR 6). Là Hiền thê Đức Kitô, Giáo hội tất được đảm bảo Ngài sẽ mãi mãi trung thành với mình cho đến cùng; là Thân thể, Giáo hội sẽ không bao giờ có thể bị tách biệt khỏi Đầu, là Đức Kitô: Đầu còn – hôm qua cũng như hôm nay – tất Thân thể cũng vẫn còn nguyên. Tóm lại: Giáo hội ngày nay vẫn là Giáo hội duy nhất của các tông đồ ngày xưa, là Giáo hội tông truyền vậy.

## 2. Giáo hội tông truyền

Trải dài qua các thế kỷ, tính chất tông truyền nêu rõ căn tính của Giáo hội về phương diện đức tin, phụng tự và cơ cấu tổ chức...

Ngày nay cũng như ngày xưa, thân thể Giáo hội vẫn mãi sống nhờ sinh khí siêu nhiên mà Chúa Kitô đã trao phó cho các tông đồ. Đức tin khởi phát từ Lời Chúa, và Lời Chúa đã kết tinh trong Kinh Thánh. Nhưng Kinh Thánh lại là lời của các tông đồ, đã được Giáo hội ghi lại và gìn giữ cho đến

<sup>5</sup> Thánh Augustinô nói: “pugnari potest, expugnari non potest,” PL 40.635.

ngày nay. Trong phụng vụ, như thánh Giustinô nói, Giáo hội đọc lại “những kỷ niệm của các tông đồ” và tuyên xưng: “Đó là Lời Chúa.” Giáo hội gọi phụng vụ Lời Chúa trích từ Kinh Thánh là “bàn Lời” để nuôi dưỡng đức tin, tương tự như “bàn bánh” (Thánh Thể) để nuôi sống Giáo hội. Khi cần đối phó với những lạc giáo và các phái ly khai, Giáo hội triệu tập các công đồng chung để xác định và tuyên xưng đức tin của các tông đồ; vì thế, đức tin của cộng đồng Giáo hội bây giờ chính là đức tin mà các Giáo phụ đã biểu đạt qua các tín khoản hay các công thức tuyên tín, từ công đồng Nixêa (DS 125) cho đến kinh tin kính của Đức Phaolô VI.<sup>6</sup>

Các bí tích cũng nằm trong toàn bộ của những gì các tông đồ đã truyền giao lại cho Giáo hội. Trước hết là bí tích tổng quát tức là chính Giáo hội; nhiều nhà thần học quan niệm “bí tích tính” của Giáo hội như là được chia sẻ và hiện diện ở trong từng bí tích cá biệt. Phúc âm minh nhiên nói đến Phép rửa (x. Mt 28:19), Thánh Thể (x. Lc 22:19), và quyền tha tội (x. Ga 20:23). Bí tích Thêm sức lúc đầu được quan niệm như là thành phần của Thánh tẩy; nhưng sau đó, dựa theo Cv 8:14tt, huấn quyền đã nhận ra đó là một bí tích cá biệt do các tông đồ truyền lại, và việc ban phát được dành riêng cho thừa tác vụ giám mục (DS 785). Cả *Confessio Augustana* của Tin lành (năm 1530) cũng đã dựa vào đoạn Cv ấy mà chủ trương là các tông đồ đã thiết lập bí tích Thêm sức, chứ không phải chính Đức Kitô. Dù Đức Kitô có gián tiếp – tức là qua các tông đồ (nhờ Thánh Thần) mà – sáng lập bí tích này, thì cũng phải nhận đó là một nghi thức tông truyền. Bí tích Xức dầu được dự biểu tiên trưng trong hoạt động của các tông đồ mà Mc 6:13 trình thuật; rồi lại được

<sup>6</sup> *Professio Fidei*, AAS 60 (1968) 436-445.

thánh Giacôbê giới thiệu (x. Gcb 5:14); còn truyền thống thì coi bí tích xúc dầu như nghi thức các tông đồ đã truyền lại. Không ai phủ nhận nghi thức đặt tay, tức phong chức, (dù có nhận đó là bí tích hay không) đã được các tông đồ sử dụng và để lại (x. 1Tm 4:14; 5:22; 2Tm 1:6). Bí tích hôn phối hằng được quan niệm như một điều thánh (x. Mc 10:9; Ep 5:32), và được gọi là bí tích một khi ý niệm bí tích đã thành rõ ràng.

Tông truyền tính, trước hết, là tư chất của toàn thể Giáo hội,<sup>7</sup> hiện thân của mẫu nhiệm trung gian trong kế hoạch cứu độ: ơn cứu độ đến với loài người qua con đường lịch sử và xã hội, cũng như qua cung cách con người. Là Đức Kitô nói dài, nhóm tông đồ lại được tiếp tục nói dài bởi nhóm kế vị mình để xây dựng Nhiệm thể và nối kết Đức Kitô  $\alpha$  với Đức Kitô  $\omega$ , tức là bảo toàn mối liên tục từ thời khai sáng cho đến hồi quang lâm.

Nhưng, nói về “tông truyền,” là thần học nghi ngay đến việc “kế nhiệm các tông đồ,” bởi đó là trọng tâm của vấn đề.

### 3. Kế nhiệm các tông đồ

Theo nghĩa hẹp, “kế nhiệm các tông đồ” là sự kiện phẩm trật của Giáo hội ngày nay kế nhiệm các tông đồ trong sứ mạng Đức Kitô đã giao phó cho; nói cách khác, thừa tác vụ trong Giáo hội bây giờ là chính thực, vì phát nguyên từ các tông đồ, nhờ Chúa Thánh Thần.

<sup>7</sup> Xin xem Remers, “La succession apostolique de l’Église entière,” trong *Concilium* 34 (1968) 37-49.



thông thường. Ở Hy Lạp, các trường triết học, các thể chế xã chính trị, v.v., đều biết đến ý niệm này. Cựu Ước cũng đã nói đến việc: Môsê chọn những người kế vị mình (x. Ds 27: 15tt), các thượng tế kế nhậm nhau trong từng gia đình, các thừa tác vụ được truyền lưu, v.v.; còn Đức Giêsu nhắc đến sự việc các kinh sư ngồi trên tòa của Môsê. Vì thế, dĩ nhiên là các tông đồ đã phải nghĩ đến những người sẽ tiếp tục sứ mạng của mình. Đức Giêsu thiết lập nhiệm vụ tông đồ và xây dựng Giáo hội trên nền móng ấy; nhưng, Giáo hội không phải là một ngôi nhà “tĩnh vật,” mà là được xây dựng với “những hòn đá sống động;” thế nên, nền móng vẫn mãi sống động cho đến cùng: Giáo hội vinh quang thời cánh chung vẫn còn có mười hai tông đồ làm nền tảng (Kh 21:14).<sup>11</sup>

Trong hoạt động của các tông đồ, các nhà chú giải phân biệt hai giai đoạn: lúc đầu, vì tin Đức Giêsu sẽ sớm trở lại, các vị đã không nghĩ nhiều đến vấn đề tổ chức cộng đoàn cho một tương lai lâu dài; nhưng khi ý thức biến cố quang lâm hầy còn xa, các ngài đã bắt đầu xếp đặt các cơ cấu cộng đoàn cho chính tể hơn.

Không có việc kế nhiệm Nhóm Mười Hai hiểu theo nghĩa hẹp, tức đơn thuần theo tư thế là Nhóm Mười Hai. Con số 12 mang ý nghĩa nền móng đối với Ítraen, và do đó, mang ý

---

<sup>11</sup> Về chủ đề này, xin xem Congar, Y., *Le Sait Esprit et le corps apostolique*, 1953; Ehrhard, A., *The Apostolic Succession in the First Three Centuries of the Church*, 1953; Dix, G., “The Ministry in the Early Church” trong Kirk, K. E., (ed) *The Apostolic Ministry* (1957, 2nd ed.), tr. 183-303; Rahner, K., Ratzinger J., *The Episcopate and the Primacy* (*Quaestiones Disputatae* 4) 1962; Congar, Y - Dupuis B.-D., *L'Épiscopat et l'Église universelle*, 1962; Colson, J., *L'Épiscopat catholique*, 1963; McKenzie, J., L., *Authority in the Church*, New York: Paulist 1966; O'Meara, Th., F., *Theology of Ministry*, New York: Paulist 1983.

nghĩa chuyển tiếp, đánh dấu bước quá độ đi dần từ Ítraen cũ qua Ítraen mới. Sau phục sinh, Matthia thay thế Giuda để bổ túc số 12; nhưng, các điều kiện ứng viên phải hội đủ thời đầu (x. Cv 1:15tt) không còn giống với những gì đọc thấy sau này ở nơi thân thể của một vị tông đồ (Phaolô đã không gặp mặt Đức Giê-su sinh tiền). Cũng thế, Nhóm 12 đã có uy thế tại Giêrusalem và trong các cộng đoàn Giáo hội gốc Do thái; nhưng khi Giáo hội đón nhận lương dân, thì uy thế ấy cũng từ từ chuyển di qua “các tông đồ” khác. Vì vậy, khi Giacôbê Cả tuần đạo (khoảng năm 43), Nhóm 12 đã không cử người thay thế. Trong cuộc bách hại đó, Nhóm 12 đã tản mác; và từ đó, sách Công vụ không còn đề cập đến các vị nữa.

Số các tông đồ làm việc truyền giáo cho lương dân thì nhiều hơn là Nhóm Mười Hai ấy (ít là có thêm Phaolô và Bana-ba). Nhiệm vụ của họ khá phức tạp; J. Colson miêu trình tóm tắt như sau: “Ngoài việc xếp đặt giáo lý (*kerygma* và *didakhê*),<sup>12</sup> là phận sự cơ bản của chức vụ tông đồ với tư cách là chứng tá, tác vụ của các ngài gồm có việc chính thức giải thích Kinh Thánh cho trung thực,<sup>13</sup> phận vụ giáo dục và huấn luyện cho đời sống cộng đồng (x. Cv 4:42), phận vụ rửa tội (x. Mt 28:19) và phụng tự (x. Lc 22:19; 1Cr 11:24-5), rồi cuối cùng là chức vụ cai quản cộng đoàn, tổ chức, hướng dẫn, đặt định quy chế.”<sup>14</sup> Chức năng phức tạp ấy được chia sẻ với nhiều người.

<sup>12</sup> Xin xem Cv 1:21-22; 2:32; 3:15; 4:33; 5:32; 10:39-42; 13:31; 22:15; Ga 15:27; Lc 1:1.

<sup>13</sup> Cv 2:17. 22tt; 3:12tt; 4:8tt; 1Cr 15:1tt....

<sup>14</sup> Cv 2:44; 4:32.34.35; 5:1-11; 6:1tt; 1Cr 6:1tt; 2Cr 8. X. Colson, J., “L'organisation ecclésiastique aux deux premiers siècles de l'Église” trong *Problemi di storia della chiesa*, Milano 1970, tr. 56-57.



Đối với những người mà các ngài chia sẻ chức năng cho, các tông đồ xử sự theo tư thế là Thầy: trước hết, các vị mời gọi họ hợp tác vào trong công việc tông đồ; rồi sau đó, phái gửi họ đi và trao phó các cộng đoàn cho họ trông nom. Luca viết sách *Công vụ* sau khi các tông đồ đã mất (trừ ra Gioan) và nói đến vấn đề này: Phaolô bổ nhiệm những kỳ lục và trao cho họ trách nhiệm điều hành các cộng đoàn trong thời gian ngài vắng mặt (x. Cv 14:23; 20:17-35). Trong các Thư mục vụ, tác giả đã nghĩ tới lúc vị tông đồ qua đời và thời gian sau đó của các Giáo hội.<sup>15</sup> Tông đồ (Phaolô) cũng đã khuyên người hợp tác với mình (Timôtêô) lo cẩn trọng bảo toàn kho tàng đức tin (x. 1Tm 4:20) và tiếp tục truyền đạt cho những người hợp tác với mình (x. 2Tm 2:2). Nguyên tắc và thể thức kế nhiệm được trình bày rõ ràng: Tông đồ (Phaolô) thiết lập các Giáo hội tại Êphêsô và Crêta, rồi phó thác trách nhiệm cho Timôtêo (x. 1Tm 1:3) và Titô (x. Tt 1:5); tông đồ đặt tay trên ứng viên (x. 1Tm 4:14; 2Tm 1:6) như Nhóm 12 đã làm khi lập một chức vụ mới (x. Cv 6:6). Những “thiên thần của các Giáo hội” mà sách Khải huyền nhắc đến (x. Kh 1-3) hình như là các giám mục. Thế là chức năng điều khiển Giáo hội quả đã được truyền ủy lại cho những người kế vị.

Khoảng cuối thế kỷ thứ 1, thánh Clémentê, giám mục Rôma viết như sau: “Các tông đồ đã giảng tin mừng bởi Chúa cho chúng ta. Đức Giêsu Kitô bởi Thiên Chúa mà đến. Vậy, Thiên Chúa đã sai Đức Kitô đến và Đức Kitô đã sai các tông đồ; nghĩa là cả hai hành động phái gửi đều do ý muốn của Thiên Chúa. Các tông đồ nhậm lệnh... đi giảng đạo qua thôn quê và thành thị và, sau khi thử thách tinh thần họ, các ngài đã chọn những quả đầu mùa làm giám

<sup>15</sup> 2Tm 4:6; 3:1-5, 14-17; 4:3-4.



mục và phó tế của những ai sẽ đón nhận đức tin... Các tông đồ cũng biết... họ sẽ tranh giành nhau về bậc giám mục; vì thế các ngài đã xếp đặt trước cho thời gian sau, để một khi các ngài đã qua đời, thì sẽ có những người khác đầy kinh nghiệm kế nhiệm hầu tiếp tục thừa tác vụ của các ngài."<sup>16</sup> Quả vậy, khi các tông đồ qua đời, các Giáo hội địa phương đều có những thừa tác viên có đủ thẩm quyền, tiếp tục sứ mệnh của các ngài.

Thánh Inhaxiô tử đạo là một chứng nhân ngoại hạng về các sự kiện nói trên. Trong các thư viết khoảng năm 107-110, ngài huấn thị là chỉ có một Hội thánh, và trong mỗi Giáo hội địa phương chỉ có một giám mục với quyền cai quản cộng đoàn, ngoài ra còn các kỳ mục và phó tế là những trợ tác viên của giám mục; ngài biết rõ tình trạng tại Siri và Tiểu Á. Một vài thế hệ sau, khái niệm "kế nhiệm các tông đồ" (*successio apostolica*) xuất hiện rõ hẳn với Hêgêsypô và Irênêô: Giáo hội nhận ra và tin vững các giám mục là những người kế vị các tông đồ.

Một sự kiện chắc chắn là vào cuối thế kỷ 2, mỗi Giáo hội đều có một giám mục. Khi Clémentê viết thư cho Giáo hội Côrintô (khoảng năm 96), cộng đoàn ấy chưa phân biệt cho rõ được giữa giám sự và các kỳ mục; nhưng 60 năm sau, Hêgêsypô đã gặp giám mục Primô tại đó.<sup>17</sup> Chừng năm 185, Irênêô soạn cuốn *Adversus Hereses*, và trình bày giáo lý về các giám mục kế vị các tông đồ, như là giáo lý phổ biến.<sup>18</sup> Năm 200, Tertullianô xuất bản cuốn *De praescriptione haereticorum*, và lấy nguyên tắc "kế nhiệm các tông đồ" làm lý

<sup>16</sup> *IClementis* 42.44.

<sup>17</sup> Trong Eusêbiô, *Historia Ecclesiastica*, PG 20.278t.

<sup>18</sup> *Ad. Haer.* III.3.1-3, PG 7.848; IV.26.2; 33.8

lẽ chống lại lạc giáo.<sup>19</sup> Trong thế kỷ 3, nguyên tắc này đã trở thành giáo lý chung của Giáo hội. Thánh Cyprianô viết: “Chúng tôi phải ra sức gìn giữ sự hiệp nhất mà qua các tông đồ, Đức Kitô đã trao cho chúng tôi là những người kế vị các ngài.”<sup>20</sup> Phái Đông phương, Firmilianô cũng viết như vậy.<sup>21</sup> Giám mục biểu hiện và bảo đảm sự hiệp nhất của Giáo hội; dù coi trọng các đoàn sủng, thánh Inhaxiô cũng vẫn nhấn mạnh nhiều đến vai trò của giám mục; sở dĩ ngài làm thế là vì có những người khoe khoang về các đoàn sủng, gây chia rẽ; ngài trích dẫn Ep 4:5 “Một Thiên Chúa, một niềm tin, một Phép rửa” và còn khẳng quyết thêm: “một giám mục.” Công thức này được dùng đến nhiều trong các tác phẩm của Irênêo và Cyprianô. Trong thế kỷ 4, khi hoàng đế Constantinô dự định bổ nhiệm hai giám mục cho Rôma, dân chúng mạnh mẽ phản đối, hô to rằng: “duy chỉ có một Thiên Chúa, một Đức Kitô, một giám mục.” Tiến trình ý thức và tổ chức tại các Giáo hội đều dẫn đến thể chế “giám mục quân chủ.” Giáo hội tin rằng nếu điều đó đã xảy ra thì chính là do Chúa Quan phòng xếp đặt.

## 5. Những nhân tố chủ yếu

Việc kế nhiệm các tông đồ không chỉ là một sự kiện: sự kiện của việc liên tục kế vị một tông đồ hoặc một cộng tác viên của các tông đồ (hay một giám mục chính tòa), tại một ngôi tòa giám mục, trong chức năng cai quản một cộng đoàn

<sup>19</sup> *Patrologia Latina* (Migne) 2.44, 49.

<sup>20</sup> *Epistola* 66.

<sup>21</sup> *Epistula ad Cyprianum* (năm 256), PL 3:1168.

Giáo hội;<sup>22</sup> nhưng hơn nữa, còn phải bao gồm cả việc bảo toàn đức tin chính thống và mối hiệp thông với Giáo hội phổ quát. Việc kế nhiệm ấy cũng không cốt tại ở sự hữu hiệu của bí tích truyền chức thánh (thần học gọi đó là “kế nhiệm cử sự” (*successio materialis*): quả vậy, có kẻ lầm tưởng là việc kế nhiệm các tông đồ được “tự động” chuyển thông qua việc tấn phong vào chức giám mục. Kế nhiệm tông đồ là được trao phó và tiếp nhận sứ mệnh và nhiệm vụ cùng với đức tin và hiệp thông: đó là “kế nhiệm chính thức” (*successio formalis*). Để nói lên mối hiệp thông Giáo hội, công đồng Arles (năm 314) cũng như giáo luật ngày nay, quy định cho việc tấn phong giám mục là phải được tiến hành với sự tham dự và đồng tấn phong của ít nhất là hai giám mục khác.<sup>23</sup>

Việc kế nhiệm tông đồ mang tính cách bí tích,<sup>24</sup> và được thực hiện qua nghi thức tấn phong và đặt tay, như Hippolytô († 236) trình tả<sup>25</sup> và như Cornêliô († 253) làm chứng.<sup>26</sup> Nhiệm vụ tông đồ không chỉ là ngồi trên tòa mà dạy, nhưng

<sup>22</sup> Những “*viri apostolici*,” như Clémentê nói; thí dụ Alêxandria là “tông tòa” vì coi thánh Marcô như là vị sáng lập.

<sup>23</sup> Giáo luật: “Trừ khi có phép của Tòa Thánh, trong lễ phong chức giám mục, giám mục chủ phong phải có ít là hai giám mục trợ phong; hơn nữa, cùng với các vị ấy, tất cả các giám mục hiện diện cũng nên cùng tấn phong người được tuyển chọn” (điều khoản 1014).

<sup>24</sup> Sách *Giáo Lý* mới dạy: “Chúa Kitô phục sinh đã ban Chúa Thánh Thần cho các tông đồ và trao cho các vị quyền năng thánh hóa của Ngài. Các vị đã trở thành những dấu hiệu bí tích của Chúa Kitô. Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, các vị trao uy quyền này lại cho những người kế nhiệm mình. Việc ‘kế vị tông đồ’ này là cơ cấu của toàn bộ sinh hoạt Phụng vụ của Giáo hội: nó mang tính chất bí tích, và được truyền lại qua bí tích ‘Truyền chức thánh’ (số 1087).

<sup>25</sup> *Traditio Apostolica*, 2.

<sup>26</sup> Trong Eusêbiô, *Historia Ecclesiastica* VI.43.10.



còn là lên bàn thờ mà tế lễ nữa. Uy thế của các vị là do Đức Kitô trao cho (qua bí tích), chứ không phải là do cộng đồng. Năng lực của chức vụ các vị là do Thần Khí thông ban qua dạng đoàn sủng đặc thù.

Mục đích chủ chốt và trọng yếu của việc kế nhiệm tông đồ là bảo toàn đức tin (x. 2Tm 2:2). Để nêu bật điểm này, các Giáo phụ đã đề cập đến “Huấn quyền” (*magisterium*) và “Ngôi tòa” (*cathedra*). Thời thế kỷ thứ hai, biểu trưng duy nhất của chức giám mục là tòa giảng.<sup>27</sup> Giám mục có bốn phận phải trung tín với giáo lý của các tông đồ, bằng không, các tín hữu buộc lòng phải phản đối;<sup>28</sup> bởi lẽ, nếu tín hữu có bốn phận vâng phục các vị, thì chính là vì các vị đã được đón nhận “đoàn sủng chân lý” (*charisma veritatis*). Vậy, giám mục kế vị các tông đồ trong nhiệm vụ giảng dạy, tư tế và quản trị.

Việc kế nhiệm tông đồ cũng mang tập thể tính, nghĩa là không phải mỗi giám mục kế vị một tông đồ, mà là giám mục đoàn kế vị tông đồ đoàn; vì thế, hiệp thông với giám mục đoàn, và đặc biệt với Đầu của giám mục đoàn, tức với Giáo hoàng, là điều tất thiết trong Giáo hội.

## 6. Giám mục đoàn

“Cũng như, theo sự ấn định của Chúa, thánh Phêrô và các Tông đồ khác làm thành một tông đồ đoàn duy nhất; thì cũng vậy, Giáo hoàng Rôma, đáng kế vị thánh Phêrô, cùng với các giám mục là những người kế vị các Tông đồ, liên kết

<sup>27</sup> Xin xem Maccarrone, M., “Lo sviluppo dell’idea dell’episcopato nel II secolo...” trong *AAVV Problemi di storia della chiesa*, tr. 85-206.

<sup>28</sup> Xin xem Irênêô, *Ad. Haer.* IV.26.2; PG 7.1053.

với nhau thành một tổng thể” (LG 22a).

Ngày xưa, thần học cũng đã từng sôi nổi tranh luận về giáo thuyết “đoàn thể tính” (*collegialitas*) của Giáo hội, nói chung, và của phẩm trật, nói riêng. Công đồng Vaticanô II đã có dịp xác định rõ hơn về điểm giáo lý này.<sup>29</sup> Công đồng đã nêu ra một số nhân tố biểu hiện đặc tính ấy như sau: a) sự kiện đối chiếu một bên là nhóm tông đồ và Phêrô, với bên kia là giám mục đoàn và giáo chủ Rôma; b) mối hiệp thông giữa các giám mục với nhau trong bác ái và bình an; c) những hội nghị địa phương; d) các công đồng chung; e) nghi thức tấn phong giám mục. Lý do thần học là “đại diện tính” (*vicarietas*) của thừa tác vụ trong Giáo hội: trong thân thể (Giáo hội), Đầu (Đức Kitô) hiện diện và hoạt động qua khí cụ đại diện Ngài là phẩm trật.

Như đã thấy, *Nhóm Mười Hai* là một tập thể đặc thù, và Phêrô giữ một địa vị đặc biệt, sẽ được bàn tới sau. Tân Ước bao giờ cũng giới thiệu Nhóm 12 như một tập thể: cả đến khi Giuda không còn nữa, cũng vẫn được gọi là [nhóm] “Mười Hai” (1Cr 15:5).

Từ rất xa xưa, các giám mục hằng thông tin cho nhau để giới thiệu những giám mục mới hay những đồng nghiệp đã rơi vào lạc giáo. Các giám mục thường trao cho các giáo sĩ

---

<sup>29</sup> Về điểm này [trong Vaticanô II], xin xem Philips, G., *L'Église et son mystère au deuxième concile du Vatican. Histoire, texte et commentaire de la Constitution "Lumen Gentium"*, 2 cuốn, Tournai, Desclée 1967. X. thêm Congar, Y., *La collégialité épiscopale*, Paris, Cerf 1965; Ratzinger, J., “La collégialité épiscopale. Développement théologique” trong Barauna, G., (ed.), *L'Église de Vatican II*, tr. 763-790; *ibid.* Dejaifve, G., “La collégialité épiscopale dans la tradition latine” tr. 871-890; *ibid.* Lyonnet, S., “La collégialité épiscopale et ses fondements scripturaires” tr. 829-846.

Vaticanô II đã bỏ sót một điểm khi bàn về tập đoàn tính trong Giáo hội: công đồng đã không bàn đến vai trò giáo dân trong tổng thể tập đoàn Giáo hội. Dù sao, cũng nên xác cho rõ là “tập đoàn tính” của Giáo hội thì khác hẳn với tất cả những gì tương tự gặp thấy trong các tập đoàn thế tục; bởi tập đoàn tính của Giáo hội mang bản chất siêu nhiên, phát sinh từ Đức Kitô và sinh động bởi Thánh Linh.

## 7. Công đồng chung

Công đồng chung thể hiện tiêu biểu nhất tập đoàn tính của Giáo hội: “Quyền bính tối cao của giám mục đoàn trên toàn thể Giáo hội được hành sử cách trọng thể trong công đồng chung. Nhưng không bao giờ có công đồng chung nếu không được đáng kể vị thánh Phêrô phê chuẩn hay ít ra chấp nhận” (LG 22b).<sup>37</sup> Bởi tự bản chất, Giáo hội là “công đồng” vì được Thiên Chúa “triệu tập.”<sup>38</sup> Vì thế, cơ chế công đồng là rất hữu ích và xứng hợp đối với cuộc sống Giáo hội, nhưng không bởi “thần quyền” song bởi “Giáo luật.” Công đồng là cuộc đại hội nghị của các giám mục hoặc trong một giáo tỉnh (công đồng tỉnh), hoặc trong một vùng (công đồng miền);<sup>39</sup> cũng có những công đồng do Thượng phụ triệu tập. Sắc lệnh của các công đồng phải được giáo hoàng chuẩn y.

<sup>37</sup> Về các chi tiết liên quan đến việc triệu tập, đến các thành viên và thủ tục tiến hành: xin xem Giáo luật, các khoản 338-341.

<sup>38</sup> Congar, Y., “The conciliar structure of the Church,” *Concilium* 167 (1983) 3-9.

<sup>39</sup> *Concilium plenarium*: ngày xưa, các giám mục trong một nước; ngày nay, các giám mục trong lãnh vực của một Hội đồng giám mục (đ 439); về các c.đ địa phương khác nhau, xin xem Giáo luật, đ 439-446.



Quyền triệu tập công đồng chung là quyền của giám mục Rôma; hội đồng giám mục có quyền triệu tập công đồng miền; còn tổng giám mục thì công đồng tỉnh với sự đồng ý của đa số giám mục trong tỉnh. Thành viên của công đồng miền hay tỉnh là các giám mục đang tại chức trong miền hay tỉnh ấy, nhưng cũng có thể mời các giám mục khác; tất cả các vị này đều có quyền biểu quyết. Có thể mời các thành phần khác trong cộng đoàn Giáo hội, cả đến giáo dân, tham dự các công đồng địa phương, dĩ nhiên là chỉ với quyền tư vấn.

Lịch sử thời xưa cho thấy là các công đồng chung đầu tiên đều do hoàng đế triệu tập và giám mục Rôma gửi đại diện đến tham dự.<sup>40</sup> Thời ấy, không ai nghĩ là giám mục Rôma có quyền trên công đồng, đến nỗi công đồng Constantinôp III (năm 681) đã đi đến chỗ kết án giáo hoàng Honorius I là lạc giáo. Truyền thống thường sắp các công đồng chung theo một thứ trật bậc: bốn công đồng đầu tiên có uy thế đặc biệt; thứ đến là các công đồng chung trước biến cố ly khai Đông-Tây. Thật ra, cho đến thế kỷ 9-10, thần học mới bắt đầu phân biệt công đồng chung với công đồng địa phương, nhưng chẳng có một tiêu chí nào rõ ràng. Giáo hội công giáo đếm được 21 công đồng chung, với những tầm giá trị khác nhau. Thời Trung Cổ, tại Âu châu, các công đồng thường là do nhà vua triệu tập; nhưng từ thời Đức Grêgôriô VII († 1085), Rôma dành riêng quyền triệu tập công đồng.

Trong thế kỷ 13, xuất hiện một học thuyết chủ trương công đồng có tối thượng quyền và có cả quyền truất phế giáo hoàng, nếu ngài rơi vào con đường lạc giáo chẳng hạn; xem

---

<sup>40</sup> Dvornik, *The Ecumenical Councils*, 1961.

ra các văn kiện của công đồng Constance (1414-17) chấp nhận “công đồng thuyết” ấy.<sup>41</sup> Vì thời ấy Giáo hội đang gặp khủng hoảng (đã từng có ba giáo hoàng cùng một lúc), nên nhiều người nghĩ rằng chỉ công đồng chung mới có thể giải quyết được vấn đề. Công đồng Basel (năm 1439) tuyên bố thuyết này là “chân lý đức tin.” Nhưng, học thuyết này đã bị công đồng Firenze kết án (DS 1309), dù vẫn còn lưu lại với nhiều dấu vết đọc thấy trong chủ nghĩa Pháp giáo (*Gallianism*: DS 2281t), trong học thuyết của Fêbrôniô (*Febro-nianism*: DS 2592t) hay trong những học thuyết tương tự. Công đồng Vaticanô I đã chung quyết kết án học thuyết nói trên.

---

<sup>41</sup> Thierney, B., *Foundations of Conciliar Theory*, 1955.

## IV

# THỪA TÁC VỤ CỦA PHÊRÔ

### 1. Nhập đề

Như đã thấy, Giáo hội phát sinh từ Đức Kitô, và được cai quản theo thể chế phẩm trật, bởi những người kế vị nhóm tông đồ. Và phẩm trật ấy của Giáo hội dành một địa vị đặc biệt cho giám mục Rôma. Ngoài ra, giám mục Rôma, tức là giáo hoàng, còn đặc thủ tối thượng quyền trong Giáo hội, và đó là do “thần luật,” vì lẽ ngài kế vị thánh Phêrô trong phận vụ Đức Kitô đã trao phó.<sup>1</sup>

Các Giáo hội không công giáo phủ nhận lập trường trên đây, nhưng là theo những cách thức và trong những mức độ khác nhau. Chính Đức Phaolô VI cũng nhận rằng trở ngại lớn nhất đối với phong trào đại kết là tòa giáo hoàng. Vì vậy, nên thử tìm hiểu xem giáo lý công giáo dựa vào đâu mà dạy như thế, và phải hiểu như thế nào về giáo lý ấy.<sup>2</sup>

---

<sup>1</sup> Miller, J.M., *The Divine Right of the Primacy in Recent Ecumenical Theology*, Analecta Gregoriana, Roma 1980.

<sup>2</sup> Có rất nhiều tác phẩm viết về vấn đề này, chẳng hạn: Batiffol, P., *Cathedra Petri*, Paris 1938; Thils, G., *La primauté pontificale*, Paris, Gembloux 1972; Lecler, J., *Le Pape ou le concile? Une interrogation de l'Eglise médiévale*, Lyon, Le Chalet 1973; ; Scheffczyk, L., *Il ministero di Pietro*, Torino 1975; Dionne, J.R., *The Papacy and the Church. A Study of Praxis and Reception in Ecumenical Perspective*, New York, Philosophical library 1987; Tillard, J.-M.R., *L'Évêque de Rome*, Paris, Cerf 1987; D'Onorio, J.-B., *Le Pape et le gou-*



Trong Tân Ước, sau thánh danh Giêsu Kitô, danh xưng “Phêrô” được nhắc đến nhiều nhất: 154 lần gọi riêng, cộng thêm 27 gọi chung với “Simon;” điều đó cho thấy là Simon-Phêrô giữ một địa vị có một không hai trong Giáo hội; và thế tất, địa vị độc đáo ấy phải mang một ý nghĩa lớn đối với đời sống Giáo hội.

## 2. Phêrô trong Phúc Âm

Bốn Phúc âm đều ghi lại một số chi tiết về tiểu sử của Phêrô: tên riêng và tên hiệu, vai trò trong nhóm tông đồ và trong cuộc đời rao giảng của Đức Giêsu, nhất là cung cách cư xử và được cư xử trong cuộc thương khó và phục sinh.

— *Phúc Âm Nhất Lãm*: dù mỗi tác giả tổ chức bố cục và trình thuật theo một nhãn quan riêng, thì cả ba đều viết về nhân vật Phêrô một cách thật trung thực, thẳng thắn và rất đáng tin cậy.<sup>3</sup> Trước hết, Simon là môn đồ Đức Giêsu gọi từ lúc đầu cùng với em là Anrê; họ làm nghề đánh cá; Đức Giêsu kêu gọi họ: “Hãy theo tôi!” và hứa: “tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá” (Mc 1:16-18); họ bỏ mọi sự và theo Ngài. Luca đặt trình thuật Đức Giêsu gọi Phêrô trong khung cảnh “thần hiển,” tức là phép lạ bắt được mẻ cá lớn, như để làm bằng cho lời hứa về sứ mạng tương lai (x. Lc 5:1-11). Tính cách đặc thù và tầm trọng yếu của các

---

*vernement de l'Église*, Paris, Fleurus-Tardy 1992; Schatz, K., *La Primauté du pape. Son histoire, des origines à nos jours (1990)*, Paris, Cerf 1992.

<sup>3</sup> Xin xem Rigaux, B., “Saint Pierre et l'exégèse contemporaine,” *Concilium* 17, 1967 129-152; Blank, J., “Typologie néotestamentaire de Pierre et ministère de Pierre,” *Concilium* 83, 1973, 39-50; Garofalo, S., *Pietro nell'Evangelo*, Roma 1964; Brown, R.E. et alii, *Peter in the New Testament*, 1973.

biến cố ấy cũng được phản ánh rõ qua việc xếp tên trong bốn danh sách của mười hai tông đồ: Phêrô đứng đầu, và Mt 10:2 còn nhấn mạnh hơn nữa: “đầu tiên” (πρῶτος) là Phêrô. Việc dành cho Phêrô địa vị đặc thù và nổi bật như thế là do ý muốn của chính Đức Giêsu.

Hơn nữa, Phêrô được liên kết với Đức Giêsu cách đặc biệt. Ngài vào nhà của Simon và chữa bà gia của ông (x. Mc 1:29-31). Phêrô cũng đứng đầu nhóm ba môn đồ được Đức Giêsu đem theo mình trong những trường hợp đặc biệt: khi làm cho con gái ông Giaia sống lại (x. Mc 5:37), khi “biến hình” trên núi (x. Mc 9:2-8), và khi cầu nguyện trong vườn Ghết-sêmani (x. Mc 14:33tt). Cũng nên lưu ý là sau phục sinh và sau khi Giacôbê (anh của Gioan: Cv 12:2, trong “bộ ba”: Mt 17:1) bị giết, nhóm “bộ ba” vẫn còn (x. Gl 2:9), nhưng là với Giacôbê “anh em Đức Giêsu” (Gl 1:19), người đứng đầu Giáo hội Giêrusalem.

Trong nhiều đoạn, Phêrô được giới thiệu như là “người phát ngôn,”<sup>4</sup> hoặc như là thủ lĩnh của nhóm: “Simon và các bạn...” (Mc 1:36), “Phêrô và đồng bạn...” (Lc 9:32); sáng ngày phục sinh, thiên thần báo tin cho các bà và khuyên: “Hãy đi nói với các môn đồ và với Phêrô...” (Mc 16:7); những người ngoài nhóm môn đồ thì coi Phêrô như là đại diện của nhóm (x. Mt 17:24).

Phúc âm Matthêu nêu bật vai trò của Phêrô bằng cách kết liền ông với con người và hành động của Đức Kitô: khi Đức Giêsu bước đi trên mặt nước, Phêrô được mời cùng đi với Ngài (x. Mt 14:28-31); trong vụ nộp thuế cho đền thờ, Đức Giêsu truyền cho Simon làm một việc lạ tựa như là một biểu

<sup>4</sup> Xin xem Mc 11:21; Mt 15:15; 18:21; Lc 8:45; 12:41.

tượng chỉ về hành động của các tiên tri thời xưa: bắt một con cá và dùng cùng một đồng tiền lấy trong miệng cá để nộp thuế cho phần Ngài và phần của Phêrô (x. Mt 17:24-27).

Tóm lại: trong Ítraen mới, do bởi ý muốn của Đức Kitô, Phêrô xuất hiện như môn đệ đứng đầu, kết liên đặc biệt chặt chẽ với con người và hành động Đức Kitô.

Tâm điểm của Phúc âm nhất lãm là cuộc Simon tuyên xưng đức tin ở Cêsarêa. Đức Giêsu hỏi các môn đệ: "Người ta nói Thầy là ai?" (Mc 8:27). Và họ trả lời như dư luận nghi. Đức Giêsu hỏi một lần nữa: "Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai? Ông Phêrô thay mặt trả lời: "Thầy là Đấng Kitô" (Mc 8:29; Mt 16:16-19).<sup>5</sup> Sau đó Đức Giêsu "dạy cho các ông biết Con Người phải chịu đau khổ nhiều" (Mc 8:31), sẽ bị giới cầm quyền Giêrusalem loại bỏ và giết chết. Simon tỏ ra lo lắng, không chịu nhận, vì cho đó là trái với quan niệm chung về Đấng Mêsia, và ông còn "trách Ngài" (x. Mc 8:32). Đức Giêsu phản ứng mạnh: Ngài cũng trách Phêrô và gọi ông là "Satan" tức kẻ thù (x. Mc 8:33). Rồi Đức Giêsu dạy cho họ biết giáo lý về "thập giá." Nghĩa là, Simon được miêu tả như người môn đồ điển hình của các môn đồ: hứng khởi thì có, gặp khó lại chẳng hiểu, thấy điều linh liễn trốn chạy.

*Khủng hoảng* trầm trọng nhất xảy ra trong thời gian Đức Giêsu chịu thương khó. Ngài loan báo trước là tất cả sẽ vấp ngã vì Ngài, nhưng Phêrô cũng cứ đồng dục quả quyết: "Dù tất cả có vấp ngã đi nữa, thì con cũng nhất định là không!" Đức Giêsu nói rõ hơn: "Chính đêm nay, trước khi gà gáy, anh sẽ chối Thầy ba lần" (Mc 14:29). Phêrô cũng chưa chịu

<sup>5</sup> Grelot, J., "Sur cette pierre je bâtirai mon Église," *Nouv. Rev. Théol.* 109 (1987) 641-659; Claudel, G., *La confession de Pierre*, Paris, 1988.



tin. Trong vườn Ghết-sê-mani, Đức Giêsu đem riêng Simon, Giacôbê với Gioan đi theo đến gần nơi Ngài câu nguyện, và khuyên họ câu nguyện; nhưng họ lại ngủ, vì thế khi bị cám dỗ họ đã sa ngã. Phêrô theo Đức Giêsu vào nhà thượng tế và chối Thầy ba lần; nhưng sự nhớ lại lời Thầy tiên báo nên “oà lên khóc” (Mc 14:72).

*Sau Phục sinh*, lời tiên báo của Đức Giêsu ứng nghiệm: Phêrô trở lại và củng cố các anh em mình (x. Lc 22:31-32), tức Phêrô thắng thế Satan, như đã được chính Ngài khẳng định trong đoạn Mt 16:17-19: “con là đá... và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi.” Rồi, rõ ràng và tích cực hơn, Đức Giêsu hứa: “Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa nước Trời: dưới đất anh cấm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cấm buộc như vậy; dưới đất anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16:19). Hai ẩn dụ “đá” và “chìa khóa” tượng trưng cho vai trò của Phêrô trong Giáo hội. “Đá” là để củng cố và thống nhất những yếu tố cấu thành ngôi nhà; “chìa khóa” chỉ về chức vụ quản lý trong nhà vua (x. Is 22:22; Kh 1:19).

Kết luận: Phúc âm nhất lãm đã giới thiệu một Simon-Phêrô rất sát thực, rất cụ thể, rất con người, không chút lý tưởng hóa hay thần thánh hóa; và ngoài ra, còn giúp cho nhận ra rõ Phêrô không chỉ là mẫu mực của môn đồ, mà còn là đại diện của cộng đoàn tín hữu.

— *Trong truyền thống Gioan*, “Phêrô” không những được giới thiệu dưới những dạng nét tương tự như trong Phúc âm nhất lãm,<sup>6</sup> mà hơn nữa còn được phác họa theo một cách

<sup>6</sup> Tavares de Lima, J., *Tu serás chamado Kephas. Estudo exegetico sobre Pedro no Quarto Evangelho*, Analecta Gregoriana, Roma 1994.

kiểu đặc biệt. Gioan cũng nói đến tên hiệu *Phêrô*, cho hiểu Phêrô là một trong Nhóm Mười Hai, và đồng thời cũng cho thấy rõ vai trò nổi bật của Phêrô trong đời sống Đức Giêsu. Nhưng có điều đặc biệt là Gioan giới thiệu Phêrô như người phát ngôn của Nhóm Mười Hai trong cuộc khủng hoảng do vụ tranh luận về bánh hằng sống gây ra, khi trình thuật cho thấy Phêrô đại diện Nhóm để tuyên xưng: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đi với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Ga 6:68-69). Tuyên ngôn này tương tự như lời tuyên xưng ở Cêsarêa Philippi. Đối với Gioan, Phêrô là tín hữu số một. Phêrô cũng được giới thiệu như bạn đồng hành, như người đối tác, như phần bổ túc của môn đệ Chúa thương (x. Ga 13:23tt; 18:15-16; 20:3-8; 21:7t): Gioan tin trước, nhưng Phêrô có địa vị ưu tiên; Gioan được yêu, nhưng Phêrô lại yêu “ba lần,” và vì thế Chúa Giêsu bảo ông: “Hãy chăm sóc chiên con và chiên mẹ của Thầy” (Ga 21:15-17), tức là được quyền tiếp tục chức năng mục vụ của Đức Giêsu. Chức năng của Gioan là làm chứng cho sự thật của truyền thống; mà trong truyền thống ấy, Phêrô lại được Đức Kitô phục sinh đặt làm người đại diện chính Ngài để chấn dất toàn bộ đoàn chiên của Ngài.

### 3. Phêrô trong Giáo hội sơ khai

Văn liệu về điểm này là sách Công vụ Tông đồ của Luca, văn bộ Phaolô và truyền thống Phêrô.<sup>7</sup>

<sup>7</sup> *Saint Pierre dans le Nouveau Testament (Lectio Divina 79)* Paris, Cerf 1974.

— *Công vụ Tông đồ* đã trình thuật với nhiều chi tiết về vai trò của Phêrô trong Giáo hội Giêrusalem: các chương từ 1 đến 15 nhắc đến “Phêrô” 56 lần. Theo kế hoạch của Đức Giêsu (x. Cv 1:8), thì phải rao giảng Tin mừng ở Giêrusalem trước, rồi đến Samaria, và cuối cùng là trong khắp thế giới, “cho đến tận đất;” Phêrô là người phụ trách công cuộc này. Để làm cầu nối tiếp giữa Đức Giêsu sinh tiền, Đức Kitô phục sinh và tương lai, Phêrô đã đề xuất sáng kiến khôi phục Nhóm Mười Hai (x. Cv 1:15t). Ngày Hiện xuống, Phêrô loan báo Tin mừng “điển hình,” làm mẫu mực cho tương lai (x. Cv 2:14-36), và thành lập cộng đồng đầu tiên (x. Cv 2:39-41). Phêrô làm phép lạ nhân danh Chúa Giêsu (x. Cv 3:1t), làm chứng về Ngài trước tòa Do thái (x. Cv 4:19-20), và tuyên bố nguyên tắc của người tông đồ: “Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người phàm” (Cv 5:29). Trong cộng đồng Kitô, Phêrô phán xét vụ Khanania và Saphira (x. Cv 5:1t). Trong những bước tiến phát của Giáo hội thời đầu, Phêrô đóng giữ một vai trò đặc biệt: cùng với Gioan, Phêrô đi “thêm sức” cho các tín hữu Samaria đã chịu phép rửa từ tay Philipphê (x. Cv 8:17), và kết án Simon phù thủy (x. Cv 5:18t). Quan trọng hơn nữa, Phêrô được Chúa chọn để mở cửa Giáo hội cho dân ngoại: Phêrô giảng Tin mừng cho Cornêliô và ban phép Thánh tẩy, mà không bắt buộc theo luật Do thái (x. Cv 10:34-48), rồi sau đó, đã giải thích về thái độ hành động ấy trước Giáo hội gốc Do thái (x. Cv 10-11). Khi Paolô và Barnaba sáng lập những Giáo hội giữa dân ngoại, vấn đề lại được đặt ra, vì thế, trong công đồng Giêrusalem, Phêrô lên tiếng bảo vệ cùng một nguyên tắc như Phaolô: “Anh em biết: ngay từ những ngày đầu, Thiên Chúa đã chọn tôi giữa anh em, để các dân ngoại được nghe lời Tin mừng từ miệng tôi và tin theo...” (Cv 15:7t). Luca



còn thuật là khi Phêrô bị bắt, Giáo hội đã khẩn thiết cầu nguyện cho ông (x. Cv 12:5), và một thiên thần đã đến giải phóng ông, “rồi ông ra đi, đến một nơi khác” (Cv 12:17)...

— *Các thư của Phaolô* là những văn kiện xưa nhất của Tân Ước, và vì thế, có thể giúp hiểu nhiều về tình trạng của những thế hệ kitô đầu tiên.<sup>8</sup> Chừng năm 56, Phaolô gửi thư cho cộng đồng Côrintô và nói về “truyền thống” chính mình đã lãnh nhận về Chúa sống lại, được đảm bảo bởi những chứng nhân chính thức là, trước hết, “Kêpha, rồi Nhóm Mười Hai” (x. 1Cr 15:3-5). Đáng chú ý là Phaolô gọi Phêrô bằng tên trong tiếng Aram là *Kepha* (x. Cr 9:5), bởi cả các tín hữu người Hy Lạp cũng đã quen với cách gọi như thế; và còn cho thấy vai trò của Phêrô được coi là quan trọng đến độ trong một Giáo hội do Phaolô sáng lập, cũng có một “phe” tự xưng là “thuộc về Kêpha” (1Cr 1:12). Cả đến những Giáo hội hẻo lánh ở vùng Galatia cũng biết đến Kêpha. Và khi cần củng cố “uy thế tông đồ” của mình thì, Phaolô trưng dẫn việc mình đã gặp ông Phêrô ở Giêrusalem (x. Gl 1:18-19), hoặc nói là mình đã “lên Giêrusalem một lần nữa” để trình bày giáo ý và công việc của mình với “những vị có thế giá,” tức “Giacôbê, Kêpha và Gioan, những người được coi là cột trụ,” “vì sợ rằng” mình “ngược xuôi, và đã ngược xuôi vô ích” (x. Gl 2:1-9). Tại Antiôkia, Phaolô đã “cự lại” Phêrô, vì thấy Phêrô không theo “chân lý Phúc âm” mà lại tạm sống theo những phong tục Do thái bởi nể “những người của Giacôbê” (x. Gl 2:11-12).<sup>9</sup> Tóm lại: dù Phaolô có xác tín mình là tông

<sup>8</sup> Lohse, D.E., “St. Peter’s Apostleship in the judgement of St. Paul, the Apostle to the Gentiles,” *Gregorianum* 72 (1991) 419-435.

<sup>9</sup> Xin xem Kieffer, R., *Foi et justification à Antioche. Interprétation d'un conflit*, Paris 1982.

đồ “bởi Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô, chứ không do loài người” (Gl 1:1), thì cũng vẫn coi Phêrô là “tông đồ làm mốc quy chiếu,” làm tiêu chí cho một sứ đồ.

— *Truyền thống Phêrô* gồm có hai bức thư (1Pr, 2Pr); tác giả tự giới thiệu là: “Simêon Phêrô, tôi tớ và tông đồ của Đức Giêsu Kitô” (1Pr 1:1), gửi cho “những ai đang sống tản mác” (*diáspora*: 1Pr 1:1). Phêrô xuất hiện như là vị tông đồ có uy thế phổ quát, như là chứng nhân và là mục tử (1Pr 5:1-4). Còn thư thứ hai thì cho thấy Phêrô trong tư cách là vị tông đồ bảo đảm truyền thống đích thực của Giáo hội (2Pr 1:8, 16-7).<sup>10</sup>

#### 4. Nhiệm vụ của Phêrô

Khi giải thích các dữ liệu nêu trên, các nhà chú giải và các thần học gia thường hay bị những thành kiến chi phối. Phía Tin lành thường cho rằng những đặc ân của Phêrô chỉ là chuyện riêng tư của cá nhân Simon; ông chết, thì nhiệm vụ biến mất. Phía Chính thống công nhận Phêrô là tông đồ số một, nhưng chẳng có một nhiệm vụ gì đặc biệt để truyền lại; dù sao ông cũng không có quyền trên các tông đồ khác. Còn Giáo hội Công giáo thì đọc thấy nơi các danh hiệu của Phêrô những nhân tố làm nên toàn bộ quyền bính của giám mục Rôma. Ngày nay, nhờ công cuộc đối thoại đại kết, các lập trường khác nhau đã xích lại gần nhau rất nhiều.

— “Kêpha,” *Đá*, đã trở thành tên của Simon, hết như “Kitô” đã trở thành tên riêng của Đức Giêsu. Nghĩa là phận

<sup>10</sup> Xin xem Grappe, Ch., *Images de Pierre aux deux premiers siècles*, Paris, P.U.F. 1995.

vụ Đức Kitô dành riêng cho Simon là làm “Đá.” Có kẻ chủ trương “Đá” ấy không phải là Simon, mà là “đức tin của Simon.” Nhưng, theo văn mạch, nếu tách Phêrô khỏi Simon, thì cũng phải tách Kitô khỏi Giêsu, là điều hoàn toàn phi lý; ngoài ra, trong Kinh Thánh, khi Thiên Chúa đổi tên ai thì chính là để chỉ về sứ mệnh hoặc số phận của người ấy.<sup>11</sup>

Đức Giêsu hứa xây Giáo hội Ngài trên Đá ấy. Đá làm nền móng tuyệt đối chủ yếu là chính Đức Kitô (x. Ep 2:20; 1Pr 2:4); nhưng Simon là Đá hữu hình, đại diện cho Đá vô hình. Xây trên đá là bảo đảm cho nhà đứng vững kiên cố, vì nền tảng ấy sẽ không rung chuyển trước mọi cuồng phong bão tố (x. Mt 7:24-7; Lc 6:47-9). Đức Kitô là nhà kiến trúc dựng xây Giáo hội, và Ngài chia sẻ với các môn đệ sứ mệnh ấy (rao giảng Tin mừng); thì cũng thế, Ngài chia sẻ với Simon phận sự làm đá tảng hầu, qua mối hiệp nhất và hiệp thông, nối kết các phần tử (những viên đá) thành một ngôi nhà vững chắc mà “cửa âm phủ” cũng không thể nào phá nổi.

— “Chìa khóa nước trời” là ẩn dụ quen thuộc và mang ý nghĩa hiển nhiên đối với người Do thái.<sup>12</sup> Cựu Ước kể lại sự việc tiên tri Isaia chuyển sấm Đức Chúa cho Sépna, một công chức thối nát, nói rằng “Đức Chúa phán: “Ta sẽ tống người khỏi chức vụ, Ta sẽ đuổi người khỏi địa vị. Ngày ấy, Ta sẽ gọi tôi tớ Ta là Engiakim, con của Khinkigiahu. Áo thụng của người, Ta sẽ lấy mặc cho nó; cân đai của người, Ta sẽ đem thắt cho nó; quyền bính của người, Ta sẽ trao vào tay

<sup>11</sup> Abraham: St 17:5; Giacóp: St 32:28; 35:9; và Simon Phêrô. Khi Chúa đặt tên cũng vậy: Evà: St 3:20; Ismael: St 16:11; Emmanuel: Is 7:14; v.v. Caragounis, C.-C., *Peter and the Rock*, Berlin-New York: de Guyter, 1990.

<sup>12</sup> Xin xem Butler, S., (ed), *Jesus, Peter & the Keys: a scriptural handbook on the papacy*, Santa Barbara 1996.



nó; nó sẽ là cha đối với cư dân Giêrusalem và với nhà Giuđa. Chìa khóa nhà Đavít, Ta sẽ đặt trên vai nó. Nó mở ra thì không ai đóng được; nó đóng lại thì không ai mở được” (Is 22:19-22). Nghĩa là Engiakin được trao cho chức vụ chỉ huy cung điện, dưới quyền vua Êdêkia (x. 2V 18:18). Đức Kitô cầm giữ chìa khóa của Đavít (x. Kh 3:7), để đóng để mở (x. Kh 1:18); nhưng Ngài đã trao chìa khóa cho Phêrô như tôi tớ trung tín. Đức Giêsu cũng đã nói đến “chìa khóa của sự hiểu biết” (Lc 11:52) mà các thầy thông luật đã lạm dụng đem khóa chặt cửa Nước Trời không cho người khác vào (x. Mt 23:13). Ẩn dụ “chìa khóa” có nghĩa “trước tiên là quyền truyền dạy với uy thế những điều Thiên Chúa mạc khải; thứ đến là quyền xét xử những người đã gặp được mạc khải, nghĩa là quyền đón vào hay loại trừ khỏi Nước Trời.”<sup>13</sup>

— “Tháo buộc” là ẩn dụ chỉ về quyền cho phép hay cấm chỉ, cũng như quyền giải thích luật, như các *rabbi* thường làm, với kết quả là họ có thể trục xuất khỏi hoặc đón vào cộng đoàn. Vậy, như các *rabbi* có nhiệm vụ đối với Luật, Phêrô cũng có nhiệm vụ đối với kế hoạch của Đức Kitô: Phêrô được quyền lập luật, điều phối “kế hoạch cứu độ” trong Giáo hội.<sup>14</sup>

— “Chăn chiên” (Ga 21) là hình ảnh bố túc cho chương Mt 16. Như trong Ítraen cũ, các vua – chẳng hạn Đavít (x. 2V 5:2) hoặc các lãnh tụ khác (x. Gr 23:1-2; Ed 34) – được coi là những vị chăn chiên, thì cũng vậy, trong Ítraen mới,

<sup>13</sup> Betz, J., *Christus-Petra-Petrus*, trong *Église et tradition*, Le Puy, X. Mappus 1963, tr. 28-29.

<sup>14</sup> Schnackenburg, R., “Vollmachtswort von Binden und Lösen, traditionsgeschichtlich gesehen,” trong Mueller, P.-G., *Kontinuität und Einheit*, Freiburg 1981, 141-157.

Phêrô được Đức Kitô phục sinh ủy thác cho sứ mệnh chặn dất đoàn chiên của Ngài. Như trong Cựu Ước, Giavê là mục tử đích thực (x. Gr 23:2-3, v.v.), thì cũng vậy, trong Tân Ước, Đức Kitô là Đấng chăn chiên lành (x. Ga 10:11). Những vị chăn chiên khác chỉ chăm sóc các tín hữu của một cộng đoàn (x. Cv 20:28), còn Phêrô chăm sóc các tín hữu của Đức Kitô, tức là trọn cả đoàn chiên của Ngài.<sup>15</sup>

## 5. Từ Phêrô đến các Giáo hoàng

“Để hàng giám mục vẫn mãi là một và không phân chia, [Đức Kitô] đã đặt thánh Phêrô đứng đầu các tông đồ khác, cũng như đã thiết lập nơi chính ngài, nguyên tắc và nền tảng trưởng cửu và hữu hình của hiệp nhất đức tin và của hiệp thông” (LG 18b).

Liên quan đến vấn đề này, nhiều vấn nạn đã được đặt ra, cả về mặt lịch sử lẫn trong lãnh vực thần học. Những dữ liệu đọc thấy trong Tân Ước, chỉ như là “mầm giống” còn cần phải từng bước triển phát ra giữa dòng lịch sử, theo ý định và sự an bài của Thiên Chúa.<sup>16</sup>

### a. Kế nhiệm Thánh Phêrô

Giáo lý về sự kiện giám mục Roma kế vị thánh Phêrô là thuộc đức tin công giáo. Lý do là vì Đức Kitô đã muốn như

<sup>15</sup> Ghiberti, G., “Missione e primato di Pietro, sec. Gv 21,” *Atti della settimana biblica*, 13, 1967, 167-214; Marrou, St.B., *John 21-An Essay in Johannine Ecclesiology*, Rome, Greg.Univ. 1968.

<sup>16</sup> Schatz, Klaus, *Papal primacy: from its origins to the present*, Collegeville: A Michel Gazier Book, 1996.

thế. Phía Tin lành thường cho là không có ai mà cũng chẳng có chuyện kế vị Phêrô, vì nhiệm vụ của ngài là độc đáo dành riêng cho một mình cá nhân ngài.<sup>17</sup> Nhưng làm sao bỏ quên sự kiện này được là những văn liệu Tân Ước nêu bật vai trò của Phêrô đều được xuất bản sau khi Phêrô quá vãng. Cách riêng, Matthêu và Gioan quả đã muốn dạy những điều liên quan đến Giáo hội, chứ không chỉ để kể một số chi tiết về ông Simon. Nếu Giáo hội đã được xây trên Đá-Phêrô, thì bao lâu có Giáo hội, bấy lâu cũng phải có nền tảng! “Đá,” “chìa khóa,” “tác vụ chăn chiên” là những thành tố làm nên cơ cấu của Giáo hội, và vì thế các cấu tố ấy phải hằng tồn ở trong Giáo hội thì mới đảm bảo được toàn vẹn tính của Giáo hội.

Giai đoạn sơ khai của Giáo hội là giai đoạn quy phạm. Nhiều nhân tố phụ tùy trong cơ cấu đang trên đường hình thành của Giáo hội đã chịu ảnh hưởng của những hoàn cảnh địa phương như phong tục tập quán hay môi trường văn hóa chẳng hạn: đó là những nhân tố có thể biến mất hoặc phải thay đổi. Nhưng tổ chức cơ bản thì thuộc bản chất của Giáo hội, nên phải trường tồn và phải được bảo toàn, không chút đổi thay. Quả vậy, giờ đây, nhóm tông đồ với Phêrô làm đầu, vẫn đang tiếp tục tồn tại ở trong giám mục đoàn với giáo hoàng làm đầu.

Ai là người kế nhiệm Phêrô? – Giám mục Rôma! Không một ai khác đòi dành cho được chức năng này. Vaticanô I đã định tín như sau về sự kiện kế nhiệm ấy:

Công đồng kết án “bất cứ ai cho rằng Đức Kitô đã không xếp đặt – tức không nhận là do thần luật – cho thánh Phêrô mãi mãi có người kế vị trong chức đứng đầu trên toàn thể

<sup>17</sup> Cullmann, O., *Pierre, disciple, apôtre, martyr*, Neuchâtel 1952.



Giáo hội; hoặc bất cứ ai cho rằng giáo hoàng Rôma không phải là người kế vị thánh Phêrô trong chức đứng đầu ấy” (DS 3058).

Và Vaticano II cũng đã nhắc lại giáo lý này trong chương III của Hiến chế *Lumen Gentium*. Thánh Phêrô đã chịu tử đạo tại Rôma, thánh Phaolô cũng vậy. Nói cho đúng, Phêrô không phải là giám mục “tòa” Rôma, bởi các tông đồ không phải hay không chỉ là giám mục theo nghĩa thông thường;<sup>18</sup> nhưng Giáo hội Rôma giữ “tòa” – tức nhiệm vụ và địa vị – của Phêrô (và cả Phaolô); vì thế, vị đứng đầu Giáo hội này “ngồi trên tòa” của Phêrô (và Phaolô), tức làm người kế vị Phêrô. Vì thế, các giáo hoàng thường nhân danh Phêrô và Phaolô mà huấn dụ.<sup>19</sup>

Trong lịch sử – và cả trong vũ trụ – buổi khởi đầu của những thực tại tầm cỡ lớn thì khó mà đọc ra cho được. Địa vị của Giáo hội Rôma xuất hiện thực sự rõ trong thư của Inhaxiô Antiôkia (khoảng năm 107):<sup>20</sup> trong lời chào mở đầu, ngài long trọng gọi Giáo hội Rôma là “Giáo hội chủ tọa tại miền người Rôma;” như thế có lẽ là vì Giáo hội ấy có ảnh hưởng trên một vùng rộng hoặc trên toàn nước Ý; nhưng nên lưu ý là Inhaxiô không nhắc gì đến giám mục Rôma, trong khi trong các thư gửi cho các Giáo hội khác, bao giờ ngài cũng chào thăm giám mục. Lịch sử cho thấy

<sup>18</sup> Các tông đồ không phải là giám mục theo nghĩa thông thường ngày nay, mà là tổ tiên của các giám mục, là “nguồn” xuất phát của giám mục, linh mục và phó tế, tức là của chức linh mục trọn vẹn.

<sup>19</sup> Lanne, E., “L’Église de Rome, a gloriosissimis duobus apostolis Petro et Paulo Romae fundata et constituta Ecclesia”, *Irénikon* 49 (1976) 275-322; Farmer, W.R., *Peter and Paul in the Church of Rome: The ecumenical potentiality of a forgotten perspective*, Paulist Press, 1990.

<sup>20</sup> Thư gửi Rôma, trong PG 5.686.

là càng ngày uy thế của giám mục Rôma càng tỏ rõ. Năm 96, Đức Clémentê can thiệp vào vụ khủng hoảng của Giáo hội Côrintô để phục hồi hòa bình. Năm 180, thánh Irênêô thành Lyon viết: “Mọi Giáo hội phải giữ mối thuận hòa với Giáo hội Rôma, vì có thế địa vị lãnh đạo mới vững mạnh hơn,”<sup>21</sup> nghĩa là Giáo hội Rôma là quy phạm để nhận ra đức tin kitô. Độ năm 200, khi bàn về giám mục Rôma, Tertul-lianô đã cho hiểu ngài là người kế vị Phêrô, và nhận Giáo hội Rôma có uy quyền đặc biệt.<sup>22</sup> Khoảng năm 252, thánh Cyprianô thành Carthagô (Bắc Phi) gọi Giáo hội Rôma là “tòa của Phêrô và [là] Giáo hội dẫn đầu.”<sup>23</sup> Từ thế kỷ bốn trở đi, Giáo hội Tây phương công nhận uy thế của Rôma, dù giới hạn của quyền bính ấy vẫn chưa rõ ràng. Các công đồng chung Nixêa, Êphêsô, Cankhêđôn, và Constantinôp đã công nhận uy thế của Giáo hội Rôma, coi đó là tòa của thánh Phêrô; tuy nhiên, các Giáo hội Đông phương không chấp nhận là Giáo hội Rôma có *quyền bính trên họ*.

Chính giám mục Rôma cũng phải đi dần từng bước mới đạt đến chỗ ý thức rõ được về các khía cạnh của nhiệm vụ mình. Xin trưng dẫn một vài thí dụ: Đức Giáo hoàng Victor (189-198) can thiệp vào vụ tranh luận tại Tiểu Á về ngày tháng của Lễ Phục sinh. Đức Stêphanô (254-257) lấy tư cách là người kế vị Phêrô mà dàn xếp cuộc tranh luận về “tái thanh tẩy” ở Bắc Phi và Tây Á. Khi thánh Athanasiô

<sup>21</sup> P.G. 7.848: “Ad Romanam enim ecclesiam, propter potentio rem principalitatem, necesse est omnem convenire ecclesiam,” nguyên văn Hy Lạp đã mất, nên khó mà giải thích từ ngữ “*potentior principalitas*.”

<sup>22</sup> Xin xem *De Praescriptione*, PL 2.44,49; nhưng khi ông theo lạc giáo của Montanô thì phủ nhận tối thượng quyền của giám mục Rôma: *De Pudicitia* 21, PL 2.1024.

<sup>23</sup> *Epistula* 55, P.L. 3.818; xem P.L. 3.770; 4.33.

bị cách chức giám mục Alêxanđria (một tông toà), Đức Giuliô lên tiếng can thiệp và buộc phải trả ngôi tòa lại cho Athanasio (năm 341). Từ thời thế kỷ 5, giám mục Rôma thường khẳng quyết là mình có quyền phổ quát mà các Giáo hội khác có bốn phận phải tôn trọng;<sup>24</sup> nhất là từ thời thánh Lêô Cả (440-461), giám mục Rôma đã thực sự và cụ thể hành sử quyền phổ quát ấy – quyền tòa thánh – trên khắp Giáo hội.<sup>25</sup>

### **b. Chức năng của giáo hoàng**

Sứ mạng của đấng kế vị thánh Phêrô là một sứ mạng hết sức phức tạp. Nhiệm vụ làm “Đá Tảng” gồm có việc “làm cho anh em [mình] nên vững mạnh” (Lc 22:32) trong đức tin và hiệp thông. Nhiệm vụ này liên quan đến toàn thể “đàn chiên” của Chúa, bởi đó là phận sự chặn dất hết thảy mọi

<sup>24</sup> Xin xem Inôcentiô I, năm 417 (DS 217), Zozimô, năm 418 (DS 221), Bonifaciô I, năm 422 (DS 232), v.v.

<sup>25</sup> Vấn đề được đặt ra về khoản 28 của c.d. Calcêdônia (năm 451): Công đồng Nixêa (năm 325) chấp thuận khoản 6, là khoản dành quyền đặc biệt cho ba tông tòa lớn là Alêxandria, Antiokia và Rôma: thượng phụ quyền. Năm 381, c.d. Constantinôp thấy tình hình đã đổi (bấy giờ Constantinôp là thủ đô) và gán cho giám mục tòa ấy *honoris primatum post Romanum episcopum* (Mansi 3.558). Rôma từ chối vì coi việc làm đó là sai lầm: Rôma có địa vị đặc thù không phải vì là thủ đô của đế quốc, nhưng vì là tòa của Phêrô (DS 350); mặc dầu vậy, Constantinôp vẫn chiếm giữ địa vị và thi hành quyền thượng phụ ở Đông phương. Khi c.d. Canxêdon bắt đầu họp, thì có 185 nghị phụ (trong số 500 nghị phụ công đồng) đã mở khóa họp riêng và chấp nhận điều khoản gán cho Constantinôp quyền bình bằng Rôma (Mansi 7.357). Hôm sau, khóa họp chung đã phế bỏ điều khoản ấy. C.d. gửi thư báo cho Đức Lêô, và ngài cũng đã phủ nhận. (PL 54.1000). Sau đó chính thượng phụ Anatôliô đã xin lỗi giáo hoàng (PL 54.1048), và điều khoản ấy đã không được liệt vào tập các điều khoản.



“chiên con và chiên mẹ” (Ga 21:15-17), tức là, theo truyền thống hiểu, giáo dân và giáo sĩ. Đối tượng của tác vụ này là bảo toàn kho tàng đức tin và cổ vũ hiệp thông trong Giáo Hội. Nhưng không có nghĩa là một mình “Phêrô” phải làm toàn bộ công tác ấy, song là phải làm *trong* và *với* “tông đồ đoàn,” vì các tông đồ cũng có trách nhiệm tương tự như ngài. Nghĩa là chức vụ Giáo hoàng chỉ là một chức vụ giữa nhiều chức vụ khác.

Nói cho cụ thể, Giáo hoàng có nhiều chức vụ khác nhau: chức vụ căn bản là Giám mục Rôma; rồi do đó, ngài là Giáo chủ (*primatus*) của Ý đại Lợi; tiếp đến, ngài là Thượng phụ (*patriarcha*) của Tây phương; và cuối cùng là Giáo hoàng. Chức vụ cuối cùng này có thể phối hợp hoặc tiêu trừ các chức vụ khác. Chức vụ Giáo hoàng có thể được thi hành bằng nhiều cách: quân chủ, tập đoàn, dân chủ, v.v... Môi trường lịch sử và văn hóa đã ảnh hưởng sâu đậm đến và góp phần phải nói là lớn vào cung cách tổ chức các cơ cấu của giáo triều Rôma. Vấn đề là làm sao để “Đá” của Đức Kitô – dùng mà xây dựng hiệp nhất – khỏi trở thành “đá vấp ngã” của Satan – gây trở ngại cho thống nhất (x. Mt 16.23).<sup>26</sup>

### ***c. Biến chuyển của chức năng giám mục Rôma***

Khi ý thức rõ được về trách nhiệm của mình, giám mục Rôma bắt đầu ngày càng nói rộng thêm hơn phạm vi hành sử quyền bính của mình.<sup>27</sup> Đà nói rộng ấy khởi sự khi Đức

<sup>26</sup> Xin xem *Giáo luật*, dd 331-335.

<sup>27</sup> Colson, J., *L'Épiscopat catholique, collégialité et primauté durant les trois premiers siècles*, Paris, Cerf 1963; Warwick, D., “Centralisation de l'autorité ecclésiastique,” *Concilium* 91 (1974) 115-124; Tác phẩm tập thể, *Il Primato*

Victor đe dọa tuyệt thông các giám mục Tiểu Á, và Đức Stêphanô truyền cho thánh Cyprianô phải vâng lời. Đức Damasô gọi Rôma là “tông tòa” và cấm các Giáo hội khác dùng tước hiệu này, dù có được một tông đồ sáng lập. Đức Siriciô (399) mở rộng quyền cai quản ra toàn cõi nước Ý, rồi dẫn ra khắp thượng phụ tỉnh Tây phương, và đòi hỏi các thượng phụ Đông phương phục quyền giám mục Rôma. Innôcentiô I (407) đòi quyền phê duyệt những sắc lệnh của các hội nghị giám mục, và muốn các Giáo hội Tây phương phải theo phụng vụ của Rôma. Đặc biệt, thánh Lêô Cả lấy quyền mà can thiệp ở Tây ban nha, và ở trong công đồng Canxêđôn; còn tại Ý – vì tình trạng hỗn độn – ngài đã dùng đến quyền bính chính trị. Sau đó, cứ đà ấy, các giáo chủ Rôma (Felix II, Gêlasio, Symmacô, Hormisdas... ) tiếp tục củng cố và phát triển quyền cai quản của tòa Rôma.

Các vị này dựa vào Kinh Thánh để chứng minh quyền tối cao của Phêrô, và cho thấy rằng quyền ấy vẫn tồn tại nơi tòa Rôma. Trong chức vụ của giáo hoàng – như hiện thấy – khó mà phân biệt rõ được những gì do thần luật mà có, và những gì xuất phát từ nhân luật. Chắc hẳn là đã có những đòi hỏi quá đáng. Thời Trung cổ, Giáo hội học triển phát từ môi trường Giáo luật học; quyền bính tùy thuộc vào luật pháp. Thời Đức Nicola I, thế kỷ 9, xuất hiện một luật điển (mạo-Isidôrô) – *Decreta Pseudo-Isidoriana* – đặt mọi quyền bính vào tay giám mục Rôma, và đã trở thành luật chung trong Giáo hội Tây phương. Đà nói rộng quyền bính nói trên thấy được rõ nhất là qua cuộc Đức Grêgôriô VII (1073-1085) cải cách Giáo hội, nhằm giải phóng Giáo hội khỏi quyền của

các vua; và đồng thời tập trung mọi quyền bính vào trong tay của giáo hoàng: tài liệu điển hình là *Dictatus papae*,<sup>28</sup> ngài đã tuyệt thông hoàng đế, truất phế nhà vua, v.v.; việc tập quyền trung ương như thế đã giúp củng cố sự hiệp nhất, nhưng cùng lúc, các Giáo hội địa phương cũng đã bị lấy mất đi nhiều quyền cổ truyền. Đức Innôcentiô III (1198-1216) đã can thiệp trong khắp Âu châu, vào mọi việc cả tôn giáo lẫn dân sự. Từ đó, một giả thuyết thần học xuất hiện, cho rằng giáo hoàng có toàn quyền ở dưới đất; điển hình của lập trường này là trọng sắc *Unam sanctam* của Đức Bônifaciô VIII (1294-1303) dạy rằng các vua chúa là con dân của giáo hoàng, và định tín rằng “mọi tạo vật phải thần phục giáo hoàng để được cứu rỗi” (DS 873-875). Giáo hoàng được gọi là nguồn gốc của mọi quyền bính trong Giáo hội, và từ ngài, các giám mục lãnh nhận quyền được trao phó cho mình; giáo hoàng cầm giữ hai thanh gươm (quyền bính) trong tay: tôn giáo và dân sự;<sup>29</sup> vì thế, *Servus servorum Dei* đã trở thành *Summus Pontifex*.<sup>30</sup>

Đà biến chuyển ấy chắc hẳn là không cần thiết; nhưng tình trạng ấy đã được giáo luật cố định. Quyền bính trong

---

<sup>28</sup> “Papa” có nghĩa là “cha” và đó là tước hiệu thời xưa của các giám mục, viện trưởng, v.v; Đông phương cũng gọi các linh mục bằng danh xưng ấy. “Papa” là tước hiệu của thượng phụ Alexandria. Bên Tây phương, từ thế kỷ 6, “papa” được dành riêng cho giám mục Rôma. Về Đức Grêgôriô VII, xin xem Arquillière, X.H., *Saint Grégoire VII, Essai sur sa conception du pouvoir pontifical*, Paris 1934.

<sup>29</sup> Về lý thuyết “hai thanh gươm” xin xem Arquillière, H.X., “Origines de la théorie des deux glaives,” trong *Studi Gregoriani* 1, (1947) 501-521; Y. Congar, *Saint Église*, tr. 411-416.

<sup>30</sup> Về những tước hiệu dành cho Đức giáo hoàng, xin xem Congar, Y., “Titres donnés au pape” trong *Concilium* 108 (1975); Maccarrone, M., *Vicarius Christi. Storia del titolo papale*, Roma, Pont. Eth. Lateranense 1962.



Giáo hội được phân biệt thành: “quyền thánh chức” (*potestas ordinis*) và “quyền tài phán” (*potestas jurisdictionis*): về quyền thánh chức, không có một khác biệt nào giữa giám mục và giáo hoàng; nhưng vì toàn bộ thẩm quyền tài phán là thuộc giáo hoàng, nên giám mục cần được “phép” (ủy nhiệm) của giáo hoàng thì mới có thể dùng quyền của mình một cách hợp pháp (x. LG 24).

Những điểm lợi của việc tập quyền nói trên là: một mặt, giáo hoàng đảm bảo được hiệp nhất trong các Giáo hội Tây phương suốt nhiều thế kỷ sôi nổi, và mặt khác, trong hoạt động của mình, tòa Rôma – và các giám mục, nói chung – có nhiều tự do hơn đối với quyền bình dân sự; đồng thời, tòa Rôma được rộng tay hơn để mà cổ vũ công việc truyền giáo ở khắp thế giới. Còn những điểm bất lợi thì bắt đầu lộ diện khi thay vì phải hiểu như là “dịch vụ,” thì nhiệm vụ của Phê-rô được quan niệm với những phạm trù “quyền bính.” Tòa thánh giữ toàn quyền, khiến các giám mục và các Giáo hội địa phương mất đi những biệt nét của mình (ví dụ: trong cách chọn giám mục, trong lễ lối cử hành phụng vụ và thiết đặt giáo luật, v.v.). Nhiều giáo hoàng đã sống không xứng đáng, gây hại cho toàn thể Hội thánh, nhất là trong thời Phục hưng. Đối với nhiều kitô hữu, *petra unitatis* (tảng đá hiệp nhất) đã trở thành *petra scandali* (viên đá vấp phạm), khiến chức vụ giáo hoàng bị ngộ nhận, bị coi như là trở ngại lớn nhất trên đường đại kết.

#### **d. Tối thượng quyền**

“Nếu ai nói rằng Giám mục Rôma chỉ có nhiệm vụ coi sóc hoặc dẫn dắt, chứ không có quyền tài phán toàn vẹn và tối

cao đối với toàn thể Giáo hội, không những trong các vấn đề đức tin và luân lý mà còn cả trong các vấn đề tổ chức và quản trị Giáo hội tản mác khắp hoàn cầu, hoặc nếu ai nói ngài chỉ có phần lớn, chứ không có toàn vẹn quyền năng tối cao ấy ở mức viên mãn, hay cho rằng quyền năng ấy của ngài không phải là quyền thông thường và trực tiếp hoặc đối với mọi và mỗi Giáo hội, hoặc đối với mọi và mỗi vị chủ chăn cũng như tín hữu, thì kẻ ấy bị tuyệt thông” (DS 3064).

Năm 1870, công đồng Vaticanô I đã định tín sự kiện giám mục Rôma kế vị thánh Phêrô trong nhiệm vụ làm chủ chăn của Giáo hội; và dạy rõ là nhiệm vụ này bao hàm cả tối thượng quyền (DS 3059-64). Công đồng xác định rằng giám mục Rôma có quyền bính trên toàn thể Giáo hội, tức trên mỗi giáo dân và mỗi chủ chăn, trong phạm vi tôn giáo. Đó là quyền “thông thường”<sup>31</sup> nghĩa là có thể hành sử được bất cứ lúc nào và đối với bất cứ việc gì, không chỉ trong những “trường hợp ngoại thường” hay đặc biệt mà thôi, và đó là quyền do chính chức vụ mà có, chứ không do ủy nhiệm.<sup>32</sup> Quyền này cũng được gọi là “trực tiếp,”<sup>33</sup> nghĩa là có thể áp dụng thẳng cho mỗi tín hữu mà không cần phải qua bất cứ một trung gian nào khác. Cuối cùng, quyền ấy được xác định là “quyền giám mục,”<sup>34</sup> tức là quyền giáo huấn, thánh hóa và cai quản dân Chúa (khác với quyền của một tổng giám mục,

<sup>31</sup> Giáo luật định nghĩa: “Quyền cai trị *thông thường* là quyền được luật gắn liền với chức vụ” (điều 131 §1); điểm này kết án Fêbroniô, (DS 2592-2597; 3113).

<sup>32</sup> Trái với *potestas delegata* (quyền thừa ủy: điều 131)

<sup>33</sup> Chống “Pháp giáo,” *Gallicanismus* (DS 2281-2284): theo chủ thuyết này, lệnh của giáo hoàng phải được các giám mục ưng thuận và phải có *placet* của nhà vua, mới hợp pháp.

<sup>34</sup> Chống giả học thuyết của Tamburini và phái Jansênio: họ chủ trương rằng giáo hoàng chỉ có quyền kiểm soát.

chẳng hạn). Và đã là quyền “tối cao,” tất không phải phục một quyền nào cao hơn trong Giáo hội (nhưng công đồng chung cũng có quyền “tối cao”). Thế nên, tòa Rôma xét xử tối hậu mọi vụ tranh tụng, không ai có thể sửa đổi những phán quyết tối hậu ấy.<sup>35</sup>

Các kitô hữu ngoài Giáo hội công giáo phủ nhận giáo lý trên đây.

Trong lịch sử, đã có nhiều lập trường khác nhau đối với tối thượng quyền của tòa Rôma, và nhiều ít đối nghịch với giáo lý mà Vaticanô I đã định tín. Trước hết, có người chủ trương công đồng chung có quyền trên giáo hoàng, như J. Gerson, Pierre d'Ailly, v.v. thuộc Đại học Paris thời thế kỷ 14-15; sau đó, giả thuyết này được công đồng Pisa (1409), Constance (1415) và Basilea (1434) phê duyệt, nhưng giám mục Rôma không chuẩn y (DS 1445). Phái Pháp giáo (*Gallikanism*) đã từng đòi cho được một mức “độc lập” nào đó đối với Tòa thánh, nhất là từ thời vua Charles VII (1438), như đọc thấy được qua *La Déclaration du Clergé* (DS 2283), và qua lập trường của nhiều tác giả như Bossuet...<sup>36</sup> Các phái Jansênô (DS 2329) và Fêbrôniô cũng như hội đồng Pistoia đều phủ nhận tối thượng quyền của giám mục Rôma (DS 2592-7; 2603).

Kitô giáo Chính thống chấp nhận khoản 3 của công đồng Constantinôp (năm 381) và khoản 28 của công đồng Can-

<sup>35</sup> *Giáo luật*, đ 1404: Prima Sedes a nemine judicatur (Không ai có quyền xét xử Tòa tối cao). Vaticano I đã phải tránh hai học thuyết cực đoan, là *episcopalisimus* và *integritismus*; vì thế phải hiểu giáo điều này trong bối cảnh khủng hoảng ấy, và trong bầu khí của một dạng Giáo hội học còn quá pháp lý.

<sup>36</sup> Xin xem *Dictionnaire de Théol. Cathol.* IV, 197-201; *Catholicisme*, IV, 1731-1739.



khêdon (năm 451), về “địa vị ưu tiên danh dự” (*primatus honoris*) dành cho tòa Rôma; giám mục Rôma không nhận hai khoản ấy, bởi lý do đưa ra để giải thích tại sao Rôma có địa vị đặc thù chỉ đơn thuần dựa trên sự kiện Rôma là thủ đô đế quốc; trong khi Rôma khẳng quyết là nếu Rôma có tối thượng quyền trong Giáo hội, thì chính là vì giám mục Rôma kế vị ngôi tòa của Phêrô và Phaolô. Hơn nữa, “địa vị ưu tiên” không chỉ là chuyện nghi thức lễ phép, nhưng là phận vụ xuất phát tất thiết từ một *exousia* (chức năng) trong Giáo hội.<sup>37</sup>

Mặt khác, các công đồng Lyon II (năm 1274) và Firenze (năm 1439) với một số nghị phụ Đông phương tham dự, đã dạy giáo lý tương tự như Vaticanô I (DS 861; 1307): tức là xác quyết nhiệm vụ của giáo hoàng là do “Thiên Chúa thiết lập” (DS 3058).<sup>38</sup> Các nhà thần học công giáo nhận là giáo điều này không thể diễn dịch rõ ràng và đơn thuần từ Tân Ước mà thôi được, nhưng còn cần phải dùng đến suy tư thần học về lịch sử, cũng như về hoạt động của Chúa quan phòng đối với Giáo hội, thì mới có thể kết luận để nói đó là do “thần luật” theo nghĩa rộng.

Có thể giải thích giáo điều trên đây theo nghĩa hẹp hoặc theo một nghĩa dẹt dài hơn. Chắc hẳn “tối thượng quyền” không phải là quyền hành của một chế độ quân chủ tuyệt đối hoặc độc đoán. Như mọi người, Giáo hoàng cũng phải phục

<sup>37</sup> Xin xem Afanasiëff, N., “L’Église qui préside dans l’amour,” *La Primauté de Pierre dans l’Église Orthodoxe*, Neuchâtel, 1960; Daley, B.E., “Position and Patronage in the Early Church: The Original Meaning of Primacy of Honor,” *Journal of Theol. Stud.*, 44 (1993) 529-553.

<sup>38</sup> Thils, G., *Primauté et infaillibilité du pontife Romain à Vatican I et autres études d’ecclésiologie*, Leuven U.P. 1989.

tùng thiên luật và thần luật, không thể hoạt động ngược lại với Phúc âm được; chẳng hạn, ngài không thể bãi chức giám mục đi được, hoặc can thiệp vô lý vào nội bộ các địa phận. Giám mục Rôma phải thi hành nhiệm vụ Phêrô theo đúng mục đích của nó là mưu ích cho Hội thánh qua tác vụ gìn giữ niềm hiệp thông và rao giảng Tin mừng. Đặc quyền của giám mục Rôma là khí cụ Thánh Thần dùng nhằm bảo toàn hiệp nhất trong đức tin, và di sản các tông đồ để lại.<sup>39</sup>

#### **d. Bất khả ngộ**

“Chúa Cứu Thế đã muốn Giáo hội Ngài bất khả ngộ khi xác định giáo thuyết về đức tin và phong hóa: phạm vi của ơn bất khả ngộ đó trải rộng tùy theo tầm quang trường của kho tàng mạc khải cần được bảo toàn cho cần trọng và trình bày cho trung thực. Giám mục Rôma, vị thủ lãnh của giám mục đoàn, hưởng ơn bất khả ngộ đó do nhiệm vụ của mình khi lấy tư cách là chủ chăn và tiến sĩ tối cao của tất cả thầy các kitô hữu, có bốn phận củng cố anh em mình trong đức tin (x. Lc 22:32), ngài công bố một điểm giáo lý về đức tin hay về phong hóa bằng một phán quyết chung thẩm. Vì thế, tự bản chất của chúng, chứ không phải do sự đồng ý của Giáo hội, các phán quyết của ngài phải được nhận là không thể sửa đổi, vì đó là những phán quyết được công bố dưới sự bảo trợ của Chúa Thánh Thần, mà Chúa đã hứa ban cho ngài qua thánh Phêrô, nên không cần ai khác chấp thuận và không phải tuân phục bất cứ một thẩm cấp tài phán nào khác. Quả thế, giáo hoàng Rôma không phán quyết theo tư thế cá nhân, nhưng, lấy tư cách là thầy dạy tối cao của toàn thể Giáo hội, ngài trình bày và bảo vệ giáo lý đức tin công

<sup>39</sup> Xin xem Miller, J.M., *What are they saying about the Primacy?*, New York 1983.

giáo: ơn bất khả ngộ của chính Giáo hội hiện diện một cách đặc biệt ở nơi ngài” (LG 25c).

Chúa Thánh Thần hoạt động trong Giáo hội cách nhiệm mầu. Người bảo toàn chân lý của Đức Kitô trong toàn Nhiệm thể qua “cảm thức đức tin” của các tín hữu. Giám mục Rôma là “tín hữu” có trách nhiệm đặc thù, vì thế trong trường hợp đặc biệt hiếm có, ngài hưởng đặc sủng bảo trợ.<sup>40</sup> Đặc sủng bất khả ngộ khác với tác động linh ứng (đối với các tác giả Kinh Thánh), khác với mạc khải. Trước khi phán quyết, giáo hoàng có bốn phận phải nghiên cứu về chân lý, phải “nghe lời” của Chúa và của anh chị em tín hữu. “Tự bản chất,” các phán quyết bất khả ngộ không thể sửa đổi, bởi đã được công bố do ơn trợ giúp của Thánh Linh; nhưng vì mang tính chất lịch sử, nên bao giờ các công thức diễn đạt chân lý như thế cũng chịu giới hạn của ngôn ngữ và của hoàn cảnh cụ thể; chính vì thế, chúng có thể được tái cấu và thương thì cần được giải thích lại để ý nghĩa chúng hàm ngụ hiện rõ: xác thực và trọn vẹn, thích đáng với những hoàn cảnh mới.<sup>41</sup>

<sup>40</sup> Về vấn đề này, xin xem Thils, G., *L'infaillibilité pontificale*, Paris, Gembloux, 1969; Castelli, E. (ed.), *L'infaillibilité: Son aspect philosophique et théologique*, Paris, Aubier 1970; Chirico, P., *Infallibility: The crossroads of doctrine*, Winlington, M. Glazier 1983; Rebeiro, M., “The ongoing debate on infallibility. Hans Kung’s contribution” *Louvain Studies* 19 (1994) 307-349; Bermejo, Luis, *Infallibility on Trial*, Westminster, Md, 1992; Kung, Hans, *Infallible? - An unanswered enquiry*, NY: Continuum 1995.

<sup>41</sup> Xin xem *Giáo luật*, đd 749-750; Thánh Bộ Giáo Lý Đức tin đã công bố một tuyên ngôn về những khó khăn đang gặp phải liên quan đến điểm này: xem “*Mysterium ecclesiae*,” AAS 65 (1972) 396-408; Sullivan, F.A., *Creative Fidelity. Weighing and Interpreting Documents of the magisterium*, Dublin: Gill & Macmillan 1996.



## 6. Giáo Hoàng và các Giám mục

Công đồng Vaticanô I đã muốn xác định vai trò của các giám mục, nhưng vì bị chiến tranh làm gián đoạn, nên đã không thực hiện được ý định, và chỉ có thì giờ để gấp rút bàn luận về nhiệm vụ của giám mục Rôma mà thôi. Dù công đồng đã thực sự quan tâm bảo toàn chức vụ cổ truyền của các giám mục (DS 3061), thì Hiến chế *Pastor Aeternus* của công đồng cũng đã bị dư luận hiểu lầm, đến nỗi các giám mục Đức quốc đã phải lên tiếng giải thích (DS 3112-6). Một cách nào đó, Đức Piô IX đã chuẩn y việc giải thích ấy (DS 3117). Vaticanô II nhắc lại giáo lý về “thừa tác vụ Phêrô” (LG 22-27; UR 2; OE 3; CD 2, 4-5, 8-9, 11) và đồng thời trình bày giáo thuyết về chức giám mục. Chưa hẳn giáo thuyết ấy là nhất quán, bởi những gì công đồng trình bày liên quan đến giáo thuyết về chức giám mục và giáo lý về giáo hoàng, có đi song song với nhau, thì cũng chưa hòa hợp với nhau được. Cũng không đọc thấy có gì thay đổi đáng kể trong Bộ Giáo luật mới.

Dẫu vậy, một quan niệm mới đã lộ dạng trong các văn kiện của Vaticanô II. Sau đây là một vài điểm:

— *Hiến chế tín lý về Giáo hội* xếp đặt trước hết là mẫu nhiệm Giáo hội; rồi đến Dân Thiên Chúa; tiếp đó, Hiến chế cho thấy từ Dân mới xuất hiện phẩm trật: giám mục đoàn, và trong giám mục đoàn thì mới có giám mục Rôma.

— Mọi nhiệm vụ trong Hội thánh đều là những dịch vụ, theo tinh thần Đức Kitô (x. Lc 22:25-27).

— Hội thánh hiện diện trong Giáo hội địa phương; cho nên giám mục phải xử sự như là đầu thật sự của Giáo hội

ấy, và cá biệt tính của Giáo hội ấy (tức những khác biệt) có giá trị đích thực và đóng giữ một vai trò tích cực trong việc thể hiện công giáo tính của Hội thánh.

— Quyền của giám mục phát sinh từ bí tích chức thánh chứ không phải từ quyền của giáo hoàng; vậy, “chức giám mục” là một biệt sủng của Thánh Thần, chứ không chỉ gồm có quyền tài phán mà thôi (LG 21b).

— Đoàn thể các giám mục có quyền tối cao trong Giáo hội. Giáo hoàng là đầu của đoàn thể này;<sup>12</sup> đầu và thân thể phải gắn liền và hoạt động với nhau; và như giáo hoàng có quyền can thiệp vào từng địa phận, thì mỗi giám mục cũng có trách nhiệm đối với Giáo hội phổ quát.

— Thực trạng hiện nay cho thấy là quyền bính được tập trung quá nhiều tại Rôma; vậy, cần phải thực thi nguyên tắc phân nhiệm (*principle of subsidiarity*) cho đúng mức hơn, tức là những gì bề dưới có thể làm được, thì bề trên không nên nhúng tay vào, hoặc nói cách khác: giám mục Rôma chỉ can thiệp vào những gì then chốt, mang tầm trọng yếu lớn đối với cuộc sống Hội thánh.

Vaticanô II đã không giải đáp hết các vấn nạn: theo LG 22 và *Nota explicativa praevia* (Chú thích sơ khởi), đoàn thể (*collegium*) giám mục không có thể làm gì nếu giáo hoàng không phê chuẩn; còn giáo hoàng thì có thể hành động một mình. Theo lẽ, ngài có bốn phận phải hỏi ý kiến các giám mục, nhưng dù không làm như thế, hành động của ngài vẫn có giá trị pháp lý.

<sup>12</sup> Đã được Vaticanô II gọi là “nguyên lý và nền tảng vĩnh cửu cùng hữu hình của hiệp nhất đức tin và hiệp thông” (LG 18b, so với DS 3051); Antón, A., *Primado y colegialidad*, Madrid 1970 (với một thư mục phong phú).

Thần học và Giáo luật tự hỏi: Giáo hội chỉ có một hay là hai tòa tối cao: một bên là tòa giáo hoàng, và bên kia là tòa giám mục đoàn.<sup>43</sup> Đa số các tác giả nghĩ là chỉ có một quyền tối cao duy nhất, nhưng có hai cách hành sử: 1) cách đoàn thể, tức giám mục đoàn, hay 2) cách cá nhân, tức giáo hoàng như là đầu của đoàn: Nguồn gốc mọi quyền bính trong Giáo hội là Đức Kitô chứ không phải giám mục Rôma. Khi được tấn phong, giám mục trực tiếp lãnh nhận quyền năng từ Đức Kitô; nhưng để hành sử quyền ấy, thì phải được “bổ nhiệm theo giáo luật.” Việc bổ nhiệm này có thể được làm hoặc trực tiếp do giáo hoàng, hoặc theo những phong tục hợp luật, hoặc theo cách thức giáo luật chỉ định; và các cách thức này có thể thay đổi tùy thời đại và hoàn cảnh (LG 24b).

Tương quan giữa giáo hoàng và các giám mục được coi là tương tự (chứ không hoàn toàn giống) như tương quan giữa thánh Phêrô và các tông đồ; và dĩ nhiên là không giống như giữa Đức Kitô và các tông đồ. Dù giáo hoàng không chỉ là “*primus inter pares*” – số một giữa những anh em ngang nhau, tức có ưu vị danh dự – thì cũng không phải là một “siêu giám mục.” Mỗi tương quan ấy tế nhị và phải được nhận thức qua nhãn quan Phúc âm hơn là qua phạm trù pháp luật (dù giáo luật vẫn là cần thiết).

Vai trò của giám mục Rôma giữ một tầm trọng yếu then chốt trong Giáo hội; nhưng cách thể hiện vai trò ấy đã thay đổi nhiều. Không những chỉ có cách kiểu Rôma cậy dựa quá nhiều vào địa vị của mình như hiện đang thấy, gây ra cơ nguy chặn nghẹt con đường hiệp nhất với các Giáo hội khác

<sup>43</sup> Xin xem Chú thích Sơ khởi số 1 về ý nghĩa của “giám mục đoàn;” Rahner, K., “On Relationship Between the Pope and the College of Bishops,” *Theol. Invest.* 10, 1973, New York: Helicon Press, 50-70.



không thôi, mà cả cách quan niệm “tối thượng quyền” như một thực tại hầu như thuần túy pháp luật, cũng đã tác hại làm cho tình trạng bế tắc ấy càng thêm trầm trọng. Vậy, cần phải nhìn Giáo hội Rôma qua nhãn quan của mối hiệp thông các Giáo hội địa phương, và nên đặt vai trò của các giám mục vào trong bối cảnh ấy. Thay vì “quyền bính tài phán,” thì nên dùng thành ngữ “năng quyền mục vụ” như là phạm trù cơ bản. Vaticanô I xác quyết: quyền tối cao ấy là “để xây dựng chứ không để phá hoại” các Giáo hội địa phương; tức là mỗi Giáo hội phải được rộng rãi thụ hưởng quyền tự trị của mình trong niềm hiệp thông với và trong tập thể tính của các Giáo hội mà các giám mục là đầu.

Trọng tâm của vấn đề là làm sao giữ cho được thể quân bình thích đáng giữa địa vị giáo chủ Rôma và giám mục đoàn. Chủ hướng “tập đoàn” của Vaticanô II đã không được bộ Giáo luật mới cụ thể hóa: Rôma vẫn giữ quyền quyết định tất cả những gì có một tầm quan trọng đáng kể, và các giám mục thì chưa thể hiện được *sollicitudo catholica* (mối quan tâm đối với Giáo hội toàn thể). Có lẽ tổ chức cơ cấu của Giáo hội trong thiên niên thứ nhất đủ sức gợi lên những sáng kiến mới;<sup>44</sup> các hội đồng giám mục có thể trở thành những đơn vị tổ chức tương tự như các lãnh phận thượng phụ ngày xưa... Hình như Thần Khí đang kêu mời Giáo hội táo bạo đổi mới ngõ hầu các kitô hữu có thể trở nên một.<sup>45</sup>

---

<sup>44</sup> Xin xem de Vries, W., *Orient et Occident, les structures ecclésiastiques vues dans l'histoire des sept premiers conciles oecuméniques*, Paris, 1974.

<sup>45</sup> Balthasar, H.U. von, *The Office of Peter and the Structure of the Church*, San Francisco, Ignatius Press 1986; Granfield, P., *The limits of the Papacy*, New York, Crossroad 1990.

## NHỮNG THỪA TÁC VỤ KHÁC

### Nhập đề

Toàn thân Giáo hội là “một tổng thể dịch vụ” (*corpus ministeriale*), tức là một đoàn hội nhằm mục đích phục vụ: đối ngoại, Giáo hội phục vụ nhân loại; đối nội, các thành phần phục vụ lẫn nhau. Sứ mạng phục vụ ấy phát sinh từ các bí tích: bí tích Thánh tẩy biến con người thành kitô hữu, thành chi thể của “Tội tở Thiên Chúa” và, bởi thế, cũng trở thành “tội tở của con cái Thiên Chúa.” Bí tích Thánh chức biến kitô hữu thành “thừa tác viên” của Giáo hội, đặc trách những nhiệm vụ ủy đã được thác cho “phẩm trật,” tức là cho giám mục, linh mục và phó tế. Thừa tác vụ “Phêrô” chỉ là một dạng trách vụ độc đáo của chức giám mục: làm giám mục của “tòa đứng đầu” (*prima sedes*) với một nhiệm vụ đặc thù.

### 1. Giám mục

Các giám mục là những người kế vị các tông đồ trong nhiệm vụ chăm sóc và giám sát một Giáo hội địa phương (x. LG 20). “Nhờ Thánh Thần các ngài đã lãnh nhận, các giám mục trở thành thầy dạy đức tin, chánh tế, chủ chăn

thực thụ và chính thức” (CD 2b).<sup>1</sup>

Giám mục làm người đại diện Đức Kitô (*vicarius Christi*) theo hai cung cách: nhờ được kế nhiệm tông đồ, ngài liên kết với Đức Giêsu lịch sử; và nhờ nhận ơn thánh chức, ngài trở thành hiện thân của “Linh mục Thượng phẩm – Đức Kitô phục sinh – hàng hiện diện giữa cộng đoàn các tư tế của Ngài, và qua dịch vụ của họ, Ngài rao giảng Lời Thiên Chúa cho các dân nước và không ngừng ban phát các bí tích đức tin cho tín hữu...” (LG 21a).

### a. “Giám mục” là một bí tích

Không đọc thấy được trong truyền thống một giáo lý dạy rõ về bí tích thánh chức. Thánh Hiêrônimô († 420) nói rằng các giám mục chỉ là linh mục với vinh dự đặc biệt; vì thế nhiều nhà thần học thời Trung cổ chủ trương giám mục cũng chỉ chịu cùng một bí tích như các linh mục, chứ không phải là một bí tích khác. Công đồng Trêntô đã dạy là giám mục thuộc bậc cao hơn linh mục, nhưng chẳng nói rõ về phương diện nào; chỉ nói là các ngài “có quyền ban bí tích Thêm sức và phong chức thánh” (DS 1777). Bao giờ chức giám mục cũng được ban qua nghi thức “đặt tay;” vì vậy, nghiên cứu truyền thống sâu xa hơn, thần học đã dần dần đi đến chỗ chấp nhận bí tích tính của nghi thức ấy. Trong tông hiến *Sacramentum Ordinis* (năm 1947), Đức Piô XII giải thích rõ về bí tích chức thánh ba bậc, tức là giám mục, linh mục và phó tế (DS 3858). Còn Vaticanô II thì nhấn mạnh như sau: “Thánh Công đồng dạy rằng, khi được tấn phong, các Giám mục nhận lãnh trọn vẹn những gì bí tích Truyền chức thánh thông ban, tức là chức năng mà tập tục

<sup>1</sup> Rahner, K., *Bishops: Their Status and Function*, Baltimore, Helicon 1964; Betti, U., *La dottrina sull'episcopato del Concilio Vaticano II*, Roma, 1984.



phụng vụ của Giáo hội và các thánh Giáo phụ gọi là chức tư tế tối cao, là thực tại tốt bậc của tác vụ thánh.” (LG 21b). Giám mục không phải là phần “bổ túc” cho bí tích linh mục; trong lịch sử, đã có những giáo dân được trực tiếp tấn phong giám mục, mà không phải chịu chức linh mục trước đó.<sup>2</sup>

Bí tích là nguồn gốc của quyền bính giám mục. Do việc chịu bí tích truyền chức và hiệp thông với giám mục đoàn, một kitô hữu trở thành phần tử của giám mục đoàn và, do đó, có nhiệm vụ và trách nhiệm đối với toàn thể Giáo hội.

### **b. Nhiệm vụ phổ quát**

“Tất cả các giám mục, trong tư cách là thành phần của giám mục đoàn kế vị tông đồ đoàn, được thánh hiến không phải chỉ cho một giáo phận nào đó mà thôi, nhưng còn cho phần rỗi của toàn thể giới nữa” (AG 38a; x. LG 23b).

Vì Giáo hội địa phương là “công giáo,” nên giám mục phải biết mở tâm quan tâm của mình rộng ra cho toàn thể Hội thánh, trước hết là đối với sứ mệnh tông đồ, tức là truyền giáo (LG 23c):

“Nhất là giám mục phải lo lắng đến những miền trên thế giới chưa được rao giảng Lời Chúa, hay đặc biệt những miền mà chính vì quá ít linh mục, các kitô hữu đang sống trong nguy cơ xa lìa những huấn giáo của đời sống kitô giáo và mất cả đến đức tin” (CD 6)

Nhiệm vụ này đòi hỏi phải dành cho việc truyền giáo đầy đủ nhân sự và phương tiện, và phải luôn luôn phối kết các

<sup>2</sup> Wood, S., “The Sacramentality of episcopal consecration” *Theol. Stud.* 51 (1990) 479-496.

hoạt động theo đường hướng của Giáo luật chung.<sup>3</sup>

Giám mục cũng có nhiệm vụ cổ vũ niềm hiệp thông với các giám mục khác. Ngày xưa, các giám mục thường gửi cho nhau những bức “thư chúc hòa bình và hiệp thông.” Mỗi giám mục có bốn phận phải quan tâm đến các Giáo hội khác, và góp phần xây dựng để cho đức tin và quy luật chung được bảo toàn. Các ngài thi hành nhiệm vụ này đặc biệt là qua các hội nghị và công đồng. Hiện tại có nhiều tổ chức giúp chu toàn nhiệm vụ này, như: các cơ quan trung ương ở Rôma, các hội đồng giám mục, và bao nhiêu là những ủy ban của Giáo hội đặc trách về các vấn đề tôn giáo hay các công tác từ thiện.

### ***c. Ba chức năng của Đức Kitô***

Truyền thống đã phân biệt ba chức năng trong nhiệm vụ của Đức Kitô – và cũng là nhiệm vụ của các tông đồ và các vị kế nhiệm các tông đồ – đó là: tư tế, vương đế và tiên tri (hay là thầy dạy), tương ứng với các tác vụ thực tế là: thánh hóa, quản trị và giáo huấn. Chủ thể điển hình của ba chức năng này là giám mục.

#### ***1. Nhiệm vụ thánh hóa***

“Nhiệm vụ thánh hóa được thi hành trước hết do các giám mục, vì các ngài là những đại tư tế, những người phân phát chính yếu các mầu nhiệm của Thiên Chúa, và là những vị điều hành, cổ vũ và bảo toàn trọn bộ đời sống phụng vụ trong Giáo hội đã được ủy thác cho các ngài” (Giáo luật, đ

<sup>3</sup> Xin xem Bộ Giám mục, *Chỉ Nam cho các Giám Mục*, Vaticano 1973.

## 835 §1)

Giám mục trước hết là tư tế, nghĩa là thừa tác viên của Lễ Tạ Ơn: ở đâu giám mục dâng Lễ Tạ Ơn, thì ở đó có một Giáo hội địa phương.

“Mọi việc cử hành hợp pháp Lễ Tạ Ơn đều do giám mục điều khiển, bởi ngài là người đã được trao phó nhiệm vụ dâng lên Thiên Chúa uy linh nền phụng tự kitô giáo, và có phận sự điều hành việc phụng tự đó theo đúng huấn giới của Chúa và lề luật Giáo hội, lề luật mà ngài sẽ dùng phán quyết riêng để quy định thêm cho phù hợp với giáo phận mình” (LG 26b; x. CD 15).

Như xưa Inhaxiô Antiôkia đã nhận định là ngoài giám mục không ai có thể cử hành Thánh Lễ,<sup>4</sup> thì ngày nay cũng không có một buổi cử hành phụng vụ Tạ Ơn nào mà trong đó lại không đọc tên của giám mục. Giám mục điều khiển quy luật phụng vụ trong địa phận.

Giám mục thánh hóa dân Chúa nhờ cầu nguyện, nhờ các bí tích và gương sáng. Ngài cử hành các bí tích, hoặc trực tiếp hoặc nhờ các thừa tác viên khác. Ngài là thừa tác viên độc nhất của bí tích truyền chức thánh, và của việc thánh hiến dầu để dùng trong các bí tích; là thừa tác viên thường quyền của bí tích Thêm sức; ngài có quyền cử hành bí tích hòa giải trong khắp thế giới và ban năng quyền giải tội cho các linh mục trong địa phận của mình. Là chủ chăn, giám mục được Đức Kitô ủy thác nhiệm vụ nuôi dưỡng một phần của dân Ngài.

<sup>4</sup> Xin xem Thư gửi Smyrna, 8; PG 5.714.



## 2. Nhiệm vụ cai quản của giám mục

“Là đại diện và là sứ giả của Đức Kitô, các giám mục điều khiển Giáo hội địa phương Ngài đã ủy thác cho... bằng uy quyền cùng thánh quyền... Quyền bính các ngài đích thân hành sử nhân danh Đức Kitô, là quyền biệt hữu, thông thường và trực tiếp... các giám mục có nhiệm vụ đặt ra các luật lệ cho những người thuộc quyền, xét xử và quy định tất cả những gì liên hệ tới việc phụng tự và việc tông đồ... Không được coi giám mục như là đại diện của giáo hoàng Rôma, vì các ngài thi hành quyền bính riêng của mình và thực sự là thủ lãnh của các dân các ngài cai quản. Vì thế, quyền bính giám mục không bị quyền bính tối cao và phổ quát làm giảm bớt, nhưng trái lại, còn được nâng đỡ, củng cố và bảo đảm” (LG 27ab)

Giám mục là chủ chăn đã được trao cho quyền hành như vừa đề cập đến trên đây: ngài dùng quyền ấy để xây dựng như người tôi tớ.<sup>5</sup> Trong thực tế, việc thi hành quyền ấy còn tùy thuộc nhiều vào giáo hoàng. Giáo luật vẫn còn thiếu sót về điểm này. Thời xưa, giám mục được gọi là “*vicarius Christi*,” tức hiệu mà bây giờ chỉ được dành riêng cho một mình giám mục Rôma.

Cung cách giám mục cai quản không phải là cách kiểu “quân chủ tuyệt đối,” bởi một đảng, quyền giám mục chịu giới hạn do quyền tối cao (giáo hoàng, công đồng chung) và tùy phục Giáo luật; rồi đảng khác, quyền ấy nhằm chủ đích mục vụ và mang tính cách tập đoàn: phía trên, có quan hệ với giám mục đoàn – giáo hoàng, hội đồng giám mục, luật chung – phía dưới thì có những cơ cấu thành lập do luật định

<sup>5</sup> Mallet, J.F. *The Ministry of Governance*, (Canon Law Society of America) 1988

hay khuyên, như: công nghị giáo phận, phủ giáo phận, hội đồng linh mục, hội đồng tư vấn, hội đồng mục vụ, v.v.

Các kitô hữu trong địa phận (giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ) có bốn phận phải kính trọng giám mục và giữ niềm hiệp thông với ngài. Cát đứt hiệp thông với giám mục là rơi vào tội phạm ly khai. Giám mục có quyền tuyên kết và tuyệt thông, cấm chế, huyền chức và các hình phạt khác, vì trong địa phận thẩm phán sơ cấp là giám mục (đ. 1419). Nhưng công đồng Vaticanô II khuyên: “Được Cha sai đi cai quản gia đình mình, vị giám mục phải chiêm ngắm gương mẫu Chủ chiên lành; Người đến để phục vụ chứ không phải để được phục vụ...” (LG 27d).

### 3. *Nhiệm vụ Giáo Huấn*

Quyền giáo huấn hay huấn quyền thì khác với quyền tài phẩm; bởi mục đích của huấn quyền là nhằm bảo toàn chân lý và chuyển truyền chân lý với uy thế. Chân lý này là của Thiên Chúa chứ không phải là của Giáo hội; vì thế, giáo huấn ấy đòi hỏi người môn đệ phải biết giữ tư thế và ý thức về thân phận của mình: chăm chỉ lắng nghe và ra sức gắn bó với Thầy mình.

Giáo huấn (*Magisterium*, bởi từ *magister* = “thầy” mà ra)<sup>6</sup> phát sinh từ nhiệm vụ “tiên tri,” đặt nền tảng trên lời hứa của Đức Kitô, và hình thành do sự hiện diện trợ giúp của Thần Khí Ngài (x. Ga 16:13). Mọi kitô hữu đều được tham dự vào nhiệm vụ này theo những mức độ khác nhau, tùy tư

---

<sup>6</sup> Boyle, J.P., *Church Teaching Authority*, Univ. of Notre Dame Press, 1995; Gaillardetz, R.R., *Teaching with Authority: a theology of the magisterium in the Church*, Collegeville, 1997.

thế của mỗi người trong Giáo hội. Ở đây, chỉ xin bàn riêng về nhiệm vụ dạy dỗ của giáo phẩm. Quả vậy, nói đến giáo phẩm là phải nói đến giáo huấn, bởi trong lịch sử cũng như trong thần học, khái niệm “giáo huấn” bao giờ cũng đi đôi với ý niệm “kế nhiệm các tông đồ.” Lý do là vì cộng đồng kitô sống nhờ “giáo lý của các tông đồ” (Cv 2:42).

Trong lịch sử Giáo hội, đã từng có một cơ cấu giảng dạy giao và bảo toàn chân lý Phúc âm. Chính thế, là Dân Thiên Chúa, Giáo hội phải có một cơ quan để bảo toàn, giải thích, và chuyển truyền những biểu tượng, giáo thuyết, nghi thức, lề luật, và giá trị chung, thì mới có thể triển phát mà không mất đi căn tính. Vì nguồn gốc và cứu cánh của Dân Chúa – Bí tích cứu độ – là siêu nhiên, nên giáo huấn của Giáo hội mang bản chất đặc thù, khác hẳn với lý thuyết của những cơ quan tương tự trong xã hội về mục đích, phương pháp và uy thế. Đức Kitô là chân lý (x. Ga 14:6) và Lời Cha Ngài là chân lý để thánh hóa các môn đệ (x. Ga 17:17). Các môn đệ được sai đi khắp thế giới để loan báo chân lý ấy cho muôn dân được cứu rỗi. Vì thế, thánh Phaolô rao giảng “lời chân lý là Tin mừng cứu độ” (Ep 1:13), và đã phải chiến đấu để bảo vệ chống lại những ai bóp méo chân lý đó (x. Gl 2:5). Giáo huấn của Giáo hội cũng không nhằm một mục đích nào khác ngoài việc phục vụ và bảo vệ chân lý ấy (LG 25).

Giáo huấn làm chứng mạnh hơn và hữu hiệu hơn giáo sư, bởi có uy thế do sự việc được chính Thiên Chúa ủy thác, chứ không phải vì dựa vào những lý lẽ vững chắc khả dĩ thu phục người nghe. Đón nhận chứng từ ấy là được ở lãnh vực cứu rỗi; còn từ chối thì sẽ bị kết án (x. Mc 16:16). Cả đến một thiên thần cũng không thể thay đổi chân lý ấy được (x. Gl 1:8). Các tông đồ đã tỏ ra rất nghiêm khắc đối với những



ai không gìn giữ chân lý của Phúc âm.<sup>7</sup> Các Giáo phụ và các công đồng cũng đã giữ thái độ nghiêm cách như vậy đối với những lý thuyết lạc giáo.

— *Phận sự của Huấn quyền*

Bốn phận căn bản của nhiệm vụ giáo huấn là bảo toàn, giải thích, xác định, loan báo và chuyển truyền chân lý Đức Kitô đã trao phó cho Giáo hội. Giáo phẩm phải “thận trọng trong lời giảng dạy” để “bảo toàn giáo lý đã được giao phó” (1Tm 4:14; 6:20) ngõ hầu truyền lại nguyên vẹn cho “những người có khả năng dạy cho người khác” (2Tm 2:2).

Giáo hội là thầy giảng dạy, trước hết là cho các kitô hữu, rồi kế đến là cho muôn dân như Đức Kitô đã truyền chỉ (x. Mt 28:19-20). Đối với các tín hữu, thì Giáo hội dạy dỗ giáo lý; còn đối với lương dân, thì Giáo hội loan báo Tin mừng và mời gọi đón nhận Lời Chúa.

Chân lý của Đức Kitô vốn kết tinh trong Kinh Thánh. Mà vì nội dung Kinh Thánh lắm lúc cho thấy là rất phức tạp khó hiểu, cho nên cần phải được giải thích, và phải giải cho chính xác với uy thế; đó là chức năng và là sứ mạng của huấn quyền:

“Nhiệm vụ chính thức giải thích Lời Chúa viết thành văn hay lưu truyền, chỉ được ủy thác cho một mình huấn quyền sống động của Giáo hội, và Giáo hội thi hành quyền này nhân danh Chúa Giêsu Kitô. Tuy nhiên, quyền giáo huấn ấy không vượt trội trên Lời Chúa, trái lại, khiêm nhu phục vụ Lời Chúa qua việc đơn thuần giảng dạy những gì đã được

<sup>7</sup> Xin xem Mt 24:24; Mc 13:22; 2Cr 11:13; 1Tm 4:1t; 2Pr 2:1; 1Ga 4:1; 2Ga 10, v.v.

truyền lại” (DV 10b).

Một giả thuyết sai lạc có thể làm cho đức tin của nhiều người lâm nguy; huấn quyền có bốn phải giải rõ chân lý và kết án lạc giáo nhằm soi sáng và củng cố lòng tin của tín hữu. Lạc giáo lại còn gây chia rẽ. Thánh Phaolô đã từng lên tiếng mạnh mẽ cảnh cáo các tín hữu (x. 1Cr 11:18-19). Thư thứ hai của thánh Phêrô gắt gao kết án những giáo thuyết sai lệch ấy (x. 2Pr 2:1-4, 9-10). Các Giáo phụ cũng thường xuyên nhắc nhở các tín hữu phải lo cảnh giác với các thứ lạc giáo. Inhaxiô Antiôkia cảnh báo cho Giáo hội Trallia về lạc giáo ảo thần thuyết;<sup>8</sup> còn Irênêô thành Lyon thì lo soạn cuốn *Chống các lạc giáo*, và cho rằng người rôi đạo chỉ đi theo ý kiến của mình thay vì nghe theo Lời Thiên Chúa.<sup>9</sup> Muốn giữ đức tin chính thực thì phải sống trong Giáo hội hiệp nhất;<sup>10</sup> vì thế – theo thánh Ambrôsiô – kẻ rôi đạo là người ghét bỏ chân lý và đức tin. Lịch sử hình thành các tín điều là một thiên sử chiến đấu với lạc giáo. Lúc đầu đã phải nêu rõ những tín quy hay kinh tin kính; rồi tiếp đó, các công đồng đã phải định tín các chân lý bằng những công thức chính xác. Muốn cho con người hiểu được, thì chân lý phải mặc lấy hình thức mệnh đề, nhất là khi cần được phổ biến rộng trong cộng đồng lớn. Và cũng do vậy mà cần phải tái tục mãi công việc giải thích các tín điều, bởi lẽ: thứ nhất, nội dung là mầu nhiệm, tất không công thức nào có thể chứa đựng hết và diễn đạt trọn vẹn được; thứ hai, vì ảnh hưởng của văn hóa trên những phạm trù dùng để định tín giáo lý; thứ ba, vì Giáo hội phải dùng đến một ngôn ngữ loài người

<sup>8</sup> *Ad Trall.* 6.1.

<sup>9</sup> *Adv. Haer.* 3.12.11tt.

<sup>10</sup> Thánh Cyprianô, *De catholica Ecclesiae uniate.*

với nhiều giới hạn và biến đổi theo dòng thời gian, rồi vấn đề lại càng trở thành phức tạp hơn nữa khi cần phải dịch ra những thứ tiếng khác; và thêm vào đó, khi một điểm giáo lý nói chung được hiểu rõ thêm thì cũng có thể giúp cho việc hiểu tín điều được chính xác hơn. Ý thức rõ về tính cách lịch sử thường chuyển biến của mọi thực tại văn hóa, thần học đã biết giữ thái độ dè dặt đối với ý nghĩa của các mệnh đề ấy. Chân lý của các tín điều làm quy phạm cho đức tin của các tín hữu, nhưng vẫn còn có thể được đào sâu hơn, hiểu rõ hơn, linh hội đầy đủ hơn.<sup>11</sup>

— *Phẩm trật tỉnh của huấn quyền*

Như Giáo hội gồm có những thành viên khác nhau, với những đoàn sủng và trách nhiệm khác nhau, thì huấn quyền cũng vậy: quả là có một phẩm trật trách nhiệm trong tác vụ giảng dạy chân lý Phúc âm. Đó là giáo thuyết của Vaticanô I (DS 3074) cũng như của Vaticanô II (LG 25).

Chủ thể của huấn quyền tối cao là giám mục đoàn, trong tư cách là đoàn thể kế nhiệm tông đồ đoàn. Trong giám mục đoàn, là người kế vị Phêrô, giám mục Rôma có một địa vị đặc thù. Vì vậy, theo LG 25, huấn quyền có thể được thực thi qua ba cấp giáo huấn khác nhau:

- Giáo huấn của các giám mục rải rác trong khắp thế giới, thông hiệp với nhau và với giám mục Rôma.
- Giáo huấn của giám mục đoàn quy họp thành công đồng chung.
- Giáo huấn của giáo hoàng trong tư cách là đầu của đoàn

<sup>11</sup> Fransen, P.F., *Hermeneutics of the Councils and Other Studies* Leuven U. Press 1985.



thể các giám mục.

Giáo huấn này có thể được biểu trình qua hai dạng sau đây:

- Giáo huấn chính thức và bất khả ngộ, hoặc
- Giáo huấn chính thức và thông thường.

Huấn quyền bất khả ngộ có thể được thực thi qua ba dạng cách như sau:<sup>12</sup>

1. *Đặc huấn của công đồng chung*, tức là giáo huấn giám mục đoàn long trọng ban bố khi họp công đồng, và chung quyết coi đó là chân lý mạc khải của kho tàng đức tin; nói cách khác: đó là chân lý cần phải tin (LG 25)<sup>13</sup>

2. *Đặc huấn của giáo hoàng*, tức là giáo huấn mà *ex cathedra* (từ thượng tòa, dùng quyền tối thượng) giáo hoàng ban bố hay minh định một cách chính thức và long trọng, coi đó là chân lý mọi tín hữu phải tin.<sup>14</sup> Công đồng Vaticanô I minh định rằng định tín của giáo hoàng thì “bất khả biến dịch do tự nó (*ex sese*), chứ không do bởi sự việc Giáo hội ưng thuận” (DS 3074). Điều đó muốn nói rằng chân lý của mệnh đề được định tín không tùy thuộc vào một điều kiện pháp

---

<sup>12</sup> Khoản Giáo luật, số 750: “Phải tin nhận với đức tin thần linh và công giáo hết tất cả những gì hàm chứa trong Lời Chúa được ghi chép hay truyền tụng lại, nghĩa là trong kho tàng đức tin đã được ký thác cho Giáo hội; và đồng thời được công bố là đã được Chúa mạc khải do quyền giáo huấn trang trọng, hay quyền giáo huấn thông thường và phổ quát của Giáo hội được biểu lộ qua sự đồng thanh chấp nhận của các tín hữu dưới sự hướng dẫn của quyền giáo huấn. Bởi vậy, mọi người phải xa tránh những giáo thuyết nào trái ngược với những điều phải tin.”

<sup>13</sup> *Sách Giáo Lý Công Giáo*, 88; *Bộ Giáo luật*, d 749.

<sup>14</sup> *Sách Giáo lý* số 891; xem tuyên ngôn *Mysterium ecclesiae*, AAS 65 (1973) 399tt.

lý – như phái Pháp giáo chủ trương – là phải có Giáo hội ưng thuận trước đã, thì mới được chính thức chấp nhận. Nhưng bao giờ giáo hoàng cũng căn cứ vào đức tin của Giáo hội.

3. *Thường huấn phổ quát*, là giáo huấn mà hết thầy các giám mục hiệp thông với nhau trong khắp thế giới, liên tục truyền dạy về một chân lý đức tin hoặc luân lý, xác tín là mình rao giảng một chân lý thuộc kho tàng mạc khải.

*Huấn quyền chính thực và thông thường* là quyền giảng dạy mà giáo hoàng hoặc mỗi giám mục hành sử trong hoàn cảnh hay cuộc sống thường nhật; đặc tính của huấn quyền này là “chính thực,” nghĩa là nhân danh Đức Kitô (LG 25). Mục đích là để dẫn dắt Dân Chúa trong đời sống đạo hằng ngày. Giáo huấn của huấn quyền này có thể thay đổi tùy hoàn cảnh.

#### — Đối tượng của huấn quyền

Phạm vi của tác vụ giáo huấn là Lời Chúa, tức là giáo lý đức tin và phong hóa (DS 3018). Thần học phân biệt hai loại đối tượng: trực tiếp và gián tiếp. Đối tượng trực tiếp là những điều Thiên Chúa đã mạc khải để cứu rỗi loài người (DV 10); còn đối tượng gián tiếp là những chân lý dù không thuộc mạc khải nhưng lại liên hệ chặt chẽ với những mầu nhiệm đức tin đến nỗi lý trí con người cần dùng đến để giải nghĩa Lời Chúa (x. DS 3015, 3017); chẳng hạn như là những “khai đoạn đức tin” (*praeambula fidei*), nhiều chân lý của “luật tự nhiên,” hoặc là những “tín kiện” (*facta dogmatica*).<sup>15</sup>

<sup>15</sup> Thí dụ: một công đồng thật là công đồng chung đích thực, một giáo hoàng đã được bầu cử cách hợp luật, việc phong thánh, v.v.; xem *Sách Giáo Lý* số 2032-2038.

Tín hữu có bốn phận phải đón nhận giáo huấn của huấn quyền với những mức độ xác tín hơn kém tùy bản chất của sự việc.<sup>16</sup> Phải chấp nhận với đức tin thần khởi những chân lý Thiên Chúa mạc khải và Giáo hội long trọng loan bố hoặc huấn quyền thông thường xưa nay giảng dạy như giáo lý phải tin.<sup>17</sup> Phải lấy lòng phục tùng mà kiên quyết đón nhận những giáo thuyết huấn quyền dạy, dù nhiều điều còn có thể thay đổi, vì đa số các văn kiện giáo huấn ấy chỉ có tính cách kỹ luật và mục vụ.

— *Vấn nạn thời nay đặt cho huấn quyền*

Văn hóa thời nay thường thẳng thừng đặt vấn đề cho hết mọi thứ “quyền bính.” Đặc biệt hiện rõ trong lãnh vực trí thức là não trạng phê bình thực chứng, tức là không chịu chấp nhận những gì mình không “chứng minh” được, và chỉ một khi đã tìm thấy những lý chứng thuyết phục được mình thì mới chấp nhận. Trong Kitô giáo, phía Tin lành chỉ nhận một mình Kinh Thánh là có uy thế, và cho rằng Giáo hội (cả đến các giáo hoàng) đã từng sai lầm nặng nề; dù vậy, Thánh Thần hằng gìn giữ Giáo hội trong chân lý căn bản của Phúc âm. Tin lành cũng nghĩ rằng giáo lý công giáo đặt giáo quyền trên Lời Chúa.

Thần học công giáo xác định rõ là huấn quyền không những không vượt trội trên Lời Chúa, mà còn làm công cụ phục vụ Lời Chúa (DV 10b). Như đã hợp tác để xác định danh mục các sách chính lục Kinh Thánh, thì huấn quyền cũng có nhiệm vụ chủ chốt trong việc giải thích và truyền lưu

<sup>16</sup> Xii, xem *Professio fidei et iusjurandum fidelitatis*, AAS 81 (1989) 105.

<sup>17</sup> Xin xem chú thích số 11 trên đây.



Kinh Thánh. Giáo hội tông truyền đã từng hiểu như thế. Quả vậy, Kinh Thánh, Truyền thống và Huấn quyền phối kết với nhau để làm nên một tổng thể duy nhất bảo toàn kho tàng Lời Chúa (x. DV 10a).<sup>18</sup>

Thần học công giáo thường đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa huấn quyền và dân Chúa. Đặc ân “bất khả ngộ” là một khía cạnh trong “bất khả khuyết tính” của Giáo hội; điều đó muốn nói rằng đặc ân ấy là của toàn thể Dân Chúa.<sup>19</sup> Vì thế, Vaticanô II dạy rằng xét theo tư thế là toàn thể, Dân Chúa “không thể sai lầm trong đức tin” (LG 12a). Vì vậy, thần học đặt câu hỏi: Dân Chúa và huấn quyền có thể có những lập trường tương khắc nhau không? Vaticanô II trả lời là không, ít là trong những vấn đề đã được định tín (LG 25c). Nhưng đối với những vấn đề thuộc giáo huấn thường, dĩ nhiên là có nhiều bất đồng ý kiến trong Giáo hội như thường thấy. Hẳn là huấn quyền cần phải lưu ý nhiều hơn đến các luồng “dư luận” trong Giáo hội.

Như thế là thần học muốn ám chỉ đến thái độ tiếp nhận (*reception*) đối với một giáo lý: Dân Chúa có thể tiếp nhận hay từ chối một giáo huấn...<sup>20</sup> Thông điệp *Humanae vitae* của Đức Phaolô VI là một trường hợp điển hình: một số điểm trong văn kiện này đã gây nhiều phản ứng sôi nổi; một số

<sup>18</sup> Xin xem Rahner, K., “Teaching Authority after the Council” trong *Theological Investigations*, 9, New York, Crossroad Publ. 1972, 83-100; “The Dispute Concerning the Church’s Teaching Office” *Ibid.* 14, 1976, 86-97.

<sup>19</sup> Femiano, S., *Infallibility of the Laity*. New York 1967; Congar, Y., *Ministères et communion ecclésiale*, Paris, Cerf 1971, tr. 140-165; Sesboué, “Autorité du Magistère et vie ecclésiale” *Nouv.Rev.Théol.* 93(1971) 337-373.

<sup>20</sup> Congar, Y., “La ‘réception’ comme réalité ecclésiologique,” *Revue Scienc. Philo. et Théol.*, 56(1972) 369-403; Routhier, G., *La Réception d’un concile*, Paris, Cerf 1993.

vị trong giám mục đoàn đã cố giải thích cho dễ hiểu hơn, nhưng rốt cuộc rồi cũng chấp nhận thông điệp. Dù sao thì cũng chưa chắc hẳn là học thuyết ấy bất khả ngộ.<sup>21</sup>

Một vấn đề đặc biệt khác cũng đã được đặt ra: đó là vấn đề “giáo huấn của các nhà thần học.”<sup>22</sup> Trong lịch sử Giáo hội, giáo lý đã được các học giả giảng dạy và giải thích. Thời xưa, đa số các học giả này là giám mục, chẳng hạn như các Giáo phụ, nhưng cũng có linh mục (Ôrigênê, Tertullianô...), hoặc phó tế (Êphrem...) và cả giáo dân (Giustinô...); tất cả đều đã hưởng uy thế tương tự như nhau. Ngày nay, ai cũng hiểu thức được rằng giải thấu suốt và giải thích chính xác những văn kiện cổ xưa là việc khó, đòi hỏi nhiều tài năng và học tập: các chuyên viên này là những thần học gia.<sup>23</sup> Là tín hữu, nhà thần học cố công tìm hiểu về đức tin của mình cho sâu xa hơn, bằng cách dựa vào trí lực và các ngành khoa học; đó là thừa tác vụ phục vụ chân lý. Trong thời gian giữa hai công đồng Vaticanô I và Vaticanô II, thần học công giáo đã chú tâm quá nhiều đến việc bào chữa cho giáo lý của huấn quyền; vì thế mang quá nặng tính cách biện giáo. Vaticanô II nhận là khoa học phải có tự do để nghiên cứu sự thật (GS 36), và mời gọi các thần học gia “dùng phương pháp và đòi hỏi của ngành khoa học mình mà không ngừng gia công tìm

<sup>21</sup> Rahner, K., “On the Encyclical *Humanae vitae*” *Theol. Invest.* 11, 1974, 263-387; Komonchak, J.A., “*Humanae vitae* and Its Reception: Ecclesiological Reflection,” *Theol. Stud.*, 39 (1978) 221-257

<sup>22</sup> Thánh Tôma nói về hai tòa: *cathedra pastoralis* và *cathedra magistralis*, tức “tòa của các mục tử” và “tòa của các giáo sư” trong *Quodlibeta III* 9. ad 3; Deschamps, A., “Théologie et magistère,” *Eph.Theol.Lov.* 52 (1976) 82-133; Brown, R., “The Dilemma of the Magisterium vs the Theologians; Debunking Some Fictions,” *Chicago Studies* 17 (1978) 290-307.

<sup>23</sup> Colombo, G. (ed.), *Il teologo*, Milano 1989.

kiểm phương cách thích hợp nhất đối với việc chuyển thông giáo lý cho con người thời mình, bởi vì kho tàng hay những chân lý của chính đức tin là một chuyện, còn cách thức diễn đạt các chân lý ấy thì lại là một chuyện khác..." (GS 62b). Năm 1976, Ủy ban thần học quốc tế đã đề xuất 12 luận đề về tương quan giữa huấn quyền và các nhà thần học; rồi đến năm 1990, Bộ Giáo Lý Đức Tin đã công bố một văn kiện về ơn gọi trong Giáo hội của các nhà thần học.<sup>24</sup> Thần học gia nhận mạc khải (Kinh Thánh) làm quy phạm chuẩn tắc (*norma normans*), và huấn quyền (nhất là các công đồng chung) làm quy phạm quy định (*norma normata*), hướng dẫn mình trên đường tìm về với chân lý. Thần học gia không phải là một học giả "tự trị," nghiên cứu theo sở thích và đường lối riêng của mình, mà là một tín hữu đang sống và sinh hoạt trong truyền thống sinh động của Giáo hội. Thần học và huấn quyền hợp tác với nhau để phục vụ cùng một chân lý duy nhất là Đức Kitô. Các công đồng thường mời các nhà thần học đến tham dự trong tư cách là chuyên viên; còn phẩm trật thì bổ nhiệm những giáo sư thần học, và một cách nào đó, họ giảng dạy nhân danh Giáo hội.<sup>25</sup> Thần học không sản xuất chân lý, nhưng là ra sức tìm hiểu và thích nghi chân lý mình tin với hoàn cảnh mình sống; ra sức suy tư về nền tảng và lý do của niềm tin, về ý nghĩa thích đáng của giáo điều, để làm sao đức tin và văn hóa có thể hài hòa hợp tác với nhau cũng như tương tác giúp nhau, v.v. Thần học có tự do để nghiên cứu, nhưng đồng thời cũng phải đảm nhận trách nhiệm đối với anh em, có thể thì mới thực sự

<sup>24</sup> Xin xem Congrégation pour la Doctrine de la Foi, "La vocation ecclésiale du théologien" DC 72 (1990) 693-670.

<sup>25</sup> "Những người dạy các môn thần học trong bất cứ một học viện cao đẳng nào, đều phải có ủy nhiệm thư của nhà chức trách có thẩm quyền" (đ 812).



được chân lý giải phóng (x. Ga 8:32). Thần học đề nghị những giả thuyết, còn huấn quyền thì có bốn phận xét xem chúng có ăn khớp với đức tin của Giáo hội hay không. Đôi lúc cũng có thể xảy ra những trường hợp khó xử đối với nhà thần học: hoặc là trung thực với lương tâm hoặc là trung thành với giáo quyền; thế lưỡng nan này có thể được giải gỡ nếu biết đối thoại khiêm nhường, vì xác tín rằng mẫu nhiệm thì lớn hơn cá nhân mình, và lợi ích của hiệp thông thì quý hơn “chân lý” của quan điểm riêng mình; ngoài ra, sớm muộn gì rồi sự thật cũng sẽ thắng cuộc. Nếu có những lý lẽ thực sự vững chắc, thì nhà thần học có thể bất đồng ý kiến với giáo quyền trong những vấn đề không thuộc phạm vi tín điều; lịch sử quả cho thấy là đã có những trường hợp như thế, và đã có nhiều lần giáo quyền thay đổi lập trường.<sup>26</sup> Cả huấn quyền lẫn thần học đều ý thức rõ là đa số những quyết định trong Giáo hội chỉ có tính cách tạm thời. Hơn nữa các tín điều lại được minh định với những phạm trù tương đối, những phạm trù dựa vào bằng cứ triết lý hoặc chú giải có lẽ không mấy chính xác, v.v. Hay là dù đồng ý với nội dung, một người có thể từ chối hình thức, hoặc tính cách hợp thời, v.v... của công thức diễn đạt. Để việc hợp tác giữa hai phía được tốt đẹp và hữu hiệu, mang lại lợi ích to lớn hơn cho toàn thể Giáo hội thì – như ý kiến đề xuất và được nhiều giới tán đồng – phía huấn quyền: nên thu nhỏ lại con số các văn kiện ban bố, và nên tiếp xúc thường xuyên hơn với các giới thần học và chú giải; còn phía các nhà thần học: phải biết giữ thái độ tích cực hơn đối với các tuyên ngôn của huấn quyền, và tránh những tranh luận phương hại đến

<sup>26</sup> Dionne, J.R., *The papacy and the Church: A Study of Praxis and Reception in Ecumenical Perspective*, New York: Philosophical Library 1987.

niềm hiệp nhất của Dân Chúa.<sup>27</sup>

## 2. Thừa tác vụ của Linh Mục

Thần học thời mới xếp hạng *linh mục* vào bậc hai của phẩm trật. Kế tiếp các tông đồ, Giáo hội sơ khai đã có những *episkopoi* và *presbyteroi*, nhưng không phân biệt rõ nhiệm vụ của mỗi thứ vị; rồi sau đó, dần dần hai tước hiệu ấy được dành riêng cho hai nhiệm vụ khác nhau: các giám mục và những phụ tá, là các linh mục (PO 2b). Lúc đầu, hai thứ vị ấy chủ tọa cộng đoàn và, vì thế, cả Lễ Tạ Ơn.<sup>28</sup> Sau khi Giáo hội được tự do (thế kỷ 4), vai trò của linh mục quan trọng hơn vì họ phụ trách những cộng đồng riêng biệt (nhất là ở thôn quê); và dần dần chức linh mục được quan niệm rõ hơn theo bản chất tư tế, qua những phạm trù tư tế của Cựu Ước hiểu theo ý nghĩa của ánh sáng mới;<sup>29</sup> linh mục được các Giáo phụ gọi là “tư tế bậc nhì.”

Dựa theo Rm 15:16, Vaticanô II đã cố nêu bật khía cạnh dịch vụ hơn là nhấn mạnh đến phụng vụ tính của chức linh mục.<sup>30</sup> Linh mục liên kết với Đức Kitô bằng hai cách: cách lịch sử với việc kế nhiệm trong thừa tác vụ, và cách bí tích

<sup>27</sup> Xin xem Dulles, A., *The Craft of Theology*, New York: Crossroad 1995, đặc biệt là các chương 7, 10, và 11.

<sup>28</sup> Xin xem Clémentê, *Epist. Ad Corinth.* 90.1; Ignaxiô Antiôkia, *Ad Smyrn.* 8.1-2; Giustinô, *Apologia* I, 67. Xem Brown, R., *Priest and Bishop*, Mahwah, NJ, Paulist Pr., 1980.

<sup>29</sup> Mohler, J., *The Origins and evolution of the Priesthood*, New York, Alba House, 1970; Osborne, K.B., *Priesthood: a history of ordained ministry in the Roman Catholic Church*, Paulist Press 1989; Bernier, P., *Ministry in the Church*, Twenty-Third Publ. Mystic, CT, 1992, ch. 4.

<sup>30</sup> Denis, Henri, *Les Prêtres, Formation, ministère et vie*, Unam Sanctam 68, Paris, Cerf 1968.

với việc “Chính Thiên Chúa hiển thánh họ qua thừa tác vụ của giám mục” (PO 5a).

“Linh mục” là một bí tích, bí tích thánh chức, có sức năng biến một con người – với ấn tích không tẩy xóa được, như Truyền thống vẫn dạy,<sup>31</sup> – thành người được thông phần vào chức thượng tế duy nhất của Đức Kitô (LG 28a). Ấn tích là đoàn sủng nhờ đó, khi cử hành các bí tích, linh mục có khả năng hành động trong chính bản thân Đức Kitô và thay mặt Dân Chúa:

“Linh mục, hiện thân Chúa Kitô, chủ tọa cộng đoàn, dâng những lời kinh lên Thiên Chúa nhân danh toàn thể dân thánh và mọi người tham dự” (SC 33b).

Vai trò chính yếu của linh mục, “Cha và Thầy,” là *chủ tọa*: chủ tọa một cộng đoàn trong Giáo hội địa phương, hầu đoàn họp các tín hữu thành một thân thể hữu hình; đó là điều thể hiện rõ trong Lễ Tạ Ơn của họ đạo. Chủ tọa bàn Lời và bàn Bánh, linh mục phân phát Tin mừng và Thánh thể:

“Dân Chúa được đoàn tụ trước hết là nhờ Lời Thiên Chúa hằng sống; Lời này phải được đặc biệt tìm thấy nơi miệng lưỡi các linh mục” (PO 4a).

“Phép Thánh Thể là nguồn mạch và là tuyệt đỉnh của toàn bộ công cuộc rao giảng Phúc âm” (5b).

Linh mục là thừa tác viên đặc vụ của Thêm sức và nghi thức cung hiến nơi thánh, và là thừa tác viên thường vụ của các Phép lành và các bí tích khác, trừ nài bí tích Chức thánh

---

<sup>31</sup> *Sách Giáo Lý, 1581*; Galot, J., *La nature du caractère sacramentel. Étude de théologie médiévale*, Bruges, Gembloux 1956; Legrand, H.-M., “The ‘indelible’ Character of the Theology of Ministry,” trong H.Kung và W. Kasper (eds), *The Plurality of Ministries*, New York, Herder & Herder 1972.



và Hôn phối.<sup>32</sup>

Nhưng linh mục không phải là viên chức được trực tiếp ủy thác một nhiệm vụ “độc lập,” song là “hợp tác viên của chức giám mục:”

“Mọi linh mục, hiệp nhất với hàng giám mục, đều tham dự vào cùng một chức tư tế và thừa tác vụ duy nhất của Chúa Kitô; chính tính cách duy nhất của việc thánh hiến và sứ mệnh đòi phải có sự hiệp thông phẩm trật giữa các ngài và hàng giám mục... vì thế, các giám mục phải coi các linh mục như những trợ tá và cố vấn cần thiết trong thừa tác vụ, cũng như trong chức vụ dạy dỗ, thánh hóa và chăn dắt dân Chúa” (PO 7a)

Lễ Tạ Ơn là gốc rễ của sức sống và mối hiệp nhất trong cộng đoàn, mối hiệp nhất mà linh mục có bốn phận bảo toàn và cổ vũ:

“Không một cộng đoàn kitô hữu nào được thiết lập mà lại không đặt nền tảng và trọng tâm vào nơi việc cử hành Phép Thánh Thể chí thánh: cho nên, mọi công tác giáo dục về tinh thần cộng đoàn phải được bắt đầu từ đó” (PO 6e; 5c)

Là sứ giả tiên tri, linh mục hằng gióng lên lời thách đố nhằm thúc đẩy kitô hữu dấn thân vào việc đổi mới xã hội, vì “không thể nào Giáo hội lại thu hẹp sứ mạng mình vào trong lãnh vực đơn thuần tôn giáo, và bỏ mặc những vấn đề khác trong thế giới.”<sup>33</sup>

Không chỉ cử hành Thánh lễ, linh mục còn phải ra sức biến cộng đoàn thành lễ thánh tạ ơn Chúa:

“Vì được thông dự vào chức vụ của các tông đồ theo phận sự

<sup>32</sup> *Giáo luật*, đđ 884 và 1207.

<sup>33</sup> Phaolô VI, *Evangelii nuntiandi* 34.

mình, nên các linh mục được Thiên Chúa ban ơn sủng để làm thừa tác viên của Chúa Giêsu Kitô giữa muôn dân, và thi hành thánh chức rao giảng Phúc âm để muôn dân trở nên hiển lễ đẹp lòng Chúa, và được Thánh Thần thánh hóa” (PO 2d).

Vì chức linh mục không chỉ đơn thuần phát sinh từ buổi tiệc ly của Đức Giêsu, mà còn từ toàn bộ thừa tác vụ của Ngài nữa, nên linh mục là thừa tác viên chủ tọa cộng đoàn thừa tác; và bởi ý thức mình cũng là môn đệ của Ngài, rập khuôn theo mẫu gương Ngài, linh mục cố khuyến khích mọi thành phần trong cộng đoàn đóng giữ một vai trò tích cực, cũng như biết nhường bước cho tài năng và đoàn sủng của người khác, chứ không làm tất cả một mình (PO 9).

Các linh mục làm thành một đoàn thể chung quanh giám mục (*Presbyterium*). Trong Giáo hội sơ khai đã từng thấy có những trưởng lão đoàn; ngày nay, linh mục đoàn cũng hiện diện khắp nơi trong tinh thần huynh đệ và tương trợ (LG 8c; PO 8c).

### 3. Các phó tế

“Ở bậc thấp hơn trong hàng giáo phẩm thì có các phó tế, là những người đã được đặt tay không phải để lãnh nhận chức vụ linh mục, nhưng là để phục vụ. Thực vậy, được ân sủng bí tích bồi bổ, các phó tế phục vụ dân Thiên Chúa qua việc phụng vụ, giảng dạy và bác ái, trong niềm hiệp thông với giám mục và linh mục đoàn” (LG 29a).

Chức phó tế là bậc ba của phẩm trật “theo thần luật” (DS 1776, 3859-60). Trong Pl 1:1, thánh Phaolô ám chỉ đến các vị, và trong 1Tm 3:8-13, ngài phác tả những đặc nét của tư cách các vị. Bảy vị mà Cv 6:1-6 nói đến, được gọi là *diakónoi*,

nhưng chưa hẳn là những phó tế theo nghĩa của ngày nay. Trong những thế kỷ đầu, các phó tế đã có ảnh hưởng lớn trong Giáo hội, đến độ nhiều nơi đã đặt họ trước cả các linh mục. Từ thế kỷ 4-5, khi mà ý nghĩa của Thánh Thể càng được nêu bật, thì chức linh mục cũng càng được đánh giá cao, và uy thế của các phó tế cũng giảm dần.<sup>34</sup>

“Phó tế” là bí tích thông ban và lãnh nhận qua nghi thức đặt tay có từ thời các tông đồ (x. Cv 6:6). Nhiệm vụ chính của chức phó tế là phục vụ; từ *diákonos* (La ngữ gọi là *minister*) có nghĩa là tôi tớ, người hầu bàn phụ việc. Trong Giáo hội, phó tế phụ trách công tác từ thiện hoặc quản trị tài sản. Vì ở thời Trung cổ, công tác từ thiện được các đan viện đảm nhận, thế nên vai trò của phó tế cũng thu hẹp vào lãnh vực hầu như đơn thuần phục vụ, như tên gọi “phó tế” của tiếng Việt cho thấy rõ. Rồi dần dần chức phó tế trở thành một bậc thang trên đường tiến lên linh mục. Như vậy, từ thế kỷ 5 về sau, bậc phó tế vĩnh viễn đã biến mất ở Tây phương.

Công đồng Vaticanô II đã quyết định hồi phục chức phó tế vĩnh viễn trong Giáo hội công giáo Latinh (LG 29b), cũng như Đông phương (OE 17), và Đức Phaolô VI đã thực thi quyết định ấy. Hiện nay, trong Giáo hội công giáo có hai loại phó tế: “vĩnh viễn” và “chuyển tiếp” (đang trên đường tiến đến chức linh mục). Là giáo sĩ, phó tế phải nhập tịch vào một địa phận (đ 266 §1)

Phó tế tiếp tục công tác phục vụ Đức Kitô đã làm cho dân

<sup>34</sup> Xin xem Colson, J., *La fonction du diaconat aux origines de l'Eglise*, Paris 1960.



chúng.<sup>35</sup> Trong nhiều thế kỷ, các tu sĩ đã đảm nhận dịch vụ ấy; nhưng ngay từ đầu, Giáo hội vẫn có một chức thánh với một đoàn sủng đặc thù để chu toàn dịch vụ ấy. Gắn liền với chức phó tế là những dịch vụ không cần đến ấn tích của chức linh mục, chẳng hạn như công việc hành chánh tư pháp và quản lý, tác vụ giảng dạy giáo lý, khuyên dẫn thiêng liêng, v.v. và cả đến công tác chính thức giữ vai quản nhiệm của họ đạo (đ 517 §2).

Trong phụng vụ, phó tế hành sử năng quyền của thánh chức mình: trong tư thế là thừa tác viên thường vụ, phó tế cử hành bí tích Thánh tẩy (đ 861 §1); phân phát Thánh Thể, công bố Phúc âm và tuyên giảng Lời Chúa (đ 767 §1). Phó tế cũng có thể chủ tọa Hôn phối và phụng vụ an táng.<sup>36</sup>

### Nữ phó tế

Thư Rôma – Rm 16:1 – nói về bà Phêbê như là *diákonos* (trợ tá), và khi đề cập đến các phó tế, 1Tm 3:11 cũng nói về các “phụ nữ” với những đức tính cần phải có... làm như họ là phó tế hay ứng viên vào chức phó tế; nhưng có lẽ họ chỉ là những trợ tá hoặc phu nhân của các trợ tá. Sử gia Plinius (ngoại giáo, thế kỷ 2) cho biết là trong Giáo hội Kitô, đã có những *ministrae* (nữ trợ viên).<sup>37</sup> Thế kỷ 3, Sách *Didascalia*

<sup>35</sup> Nowell, R., *Ministry of Service*, London Burns & Oates 1968; Shugrue, T., *Service Ministry of Deacons*, Washington (Nat. Comm. of Cath. Bish.) 1988; Ziegler, J., *Let them anoint the sick*, Collegeville Mn, Liturgical Press 1987.

<sup>36</sup> Về năng quyền của chức vụ này xem *Diaconat au XXI<sup>e</sup> siècle*. Actes du colloque de Louvain-la-Neuve (13-15 Sept. 1994), Bruxelles 1994.

<sup>37</sup> Xin xem Tavard, H., *Woman in Christian Tradition*, Univ. of N.D. Press 1973; Martimort, A., *Les Diaconesses: Essai historique*, Rome CLV 1982; Schussler Fiorenza, E., *Discipleship of Equals*, New York, Crossroad 1993.

*Apstolorum* mô tả nghi thức phong chức nữ phó tế với việc đặt tay, và công đồng Canxêđôn (năm 451) xác định về một vài chi tiết thời đầu Giáo hội (đ. 40). Còn công đồng Orange (năm 441) thì cấm phong chức phụ nữ làm trợ viên. Bên Đông phương, các nữ trợ tá như thế biến mất hẳn từ thế kỷ 11.

Vai trò của chức trợ tá này quả là quan trọng đối với công tác mục vụ bên cạnh nữ giới trong Giáo hội, đặc biệt là để chuẩn bị họ chịu phép Rửa và trong chính phụng vụ Thánh tẩy (như nghi thức xúc dầu phụ nữ). Nhiều dịch vụ tương tự hiện đang tiến hành qua hoạt động của các nữ tu ngày nay. Năm 1976, Tòa thánh tuyên bố là các phụ nữ không thể được nhận vào chức linh mục; nhưng lại không nói gì về chức phó tế.<sup>38</sup>

#### 4. Thừa tác vụ của giáo dân

Ở đây, từ “giáo dân” mang ý nghĩa chỉ về những kitô hữu không thuộc hàng giáo sĩ hay tu sĩ (LG 31a). Trong bản dịch Kinh Thánh LXX, danh từ Hy Lạp λαός (“dân”) được dùng để chỉ các tín hữu Ítraen nói chung, và Giáo hội đã dùng từ này để chỉ các tín hữu không chịu chức thánh. Vaticanô II phân biệt giáo dân với giáo sĩ và tu sĩ, và dành chương 4 của Hiến chế tín lý về Giáo hội và một văn kiện riêng khác, tức là *Sắc lệnh về tông đồ giáo dân*, để bàn về tư thế và hoạt động của giới giáo dân ở trong Giáo hội (AA).

Thời xưa, hầu như đại đa số dân chúng đều mù chữ, ít học,

<sup>38</sup> Về thừa tác vụ của phụ nữ, xin xem Schussler-Fiorenza, E., *In Memory of Her*, London 1983.

và giới giáo sĩ lại thường gồm những thành phần có học hay trí thức, thế nên, giới giáo dân chỉ đóng giữ một vai trò thụ động, và được gọi là “Giáo hội thụ huấn” tương ứng với “Giáo hội chủ huấn” là phẩm trật.<sup>39</sup> Vaticanô II đã tận gốc đổi mới quan niệm này. Là “Dân Thiên Chúa,” giáo dân đã “nhận chức tư tế thánh, nhờ đó, qua mọi hoạt động của con người kitô, dâng hy tế thiêng liêng và rao truyền những kỳ công của Thiên Chúa” (LG 10a). Không còn là người phàm, mà là người được thánh hiến, là nền tảng của Dân Thiên Chúa, là chi thể trong thân mình Đức Kitô, người kitô quả là khí cụ để cứu rỗi nhân loại.<sup>40</sup>

Vì đã lãnh nhận Thánh Thần và ấn tích Phép Rửa, giáo dân có khả năng và nhiệm vụ thông truyền Tin mừng, mở rộng Nước Chúa, cử hành các bí tích Rửa tội và Hôn phối, cũng như chủ động tham dự vào phụng vụ của Giáo hội (LG 11).

“Làm nên ‘một con người mẫu nhiệm duy nhất’ với Chúa Kitô là Đầu của mình, Giáo hội hành động trong các bí tích như ‘một cộng đoàn tư tế,’ ‘được cấu trúc như một cơ thể’: Nhờ phép Rửa tội và phép Thêm sức, dân tộc tư tế trở nên xứng hợp để cử hành Phụng vụ: dâng khấn, một số tín hữu ‘có chức thánh, đã được đặt lên nhân danh Chúa Kitô để chăn nuôi Giáo hội bằng Lời và ân sủng của Thiên Chúa.”<sup>41</sup>

<sup>39</sup> Xin xem Orsy, L., *The Church: Learning and Teaching*, Wilmington, M. Glazier 1987; Congar, Y., *L’Eglise de saint Augustin à l’époque moderne: Histoire des origines*, III, C., Paris, Cerf 1970, 389.

<sup>40</sup> Xin xem Gioan Phaolô II, *Christifideles laici*, 1988 (thành quả của Thượng Hội đồng giám mục năm 1987); Congar, Y., *Jalons pour une théologie du Laïcité*, Paris, Cerf 1954; Semeraro, M., *Con la Chiesa nel mondo. Il laico nella storia, nella teologia nel magistero*, Roma 1991; Rademacher, W.J., *Lay Ministry*, Crossroad Publishing 1996.

<sup>41</sup> *Sách Giáo Lý Công Giáo*, số 1119.



Thừa tác vụ của Giáo hội là “Kitô hóa thực tại trần gian”

“Thiên Chúa kêu gọi giáo dân để dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc âm, như men từ bên trong, họ thánh hóa thế giới bằng việc thi hành những nhiệm vụ của mình; và như thế với lòng tin cậy mến, sáng ngời, và nhất là với bằng chứng đời sống, họ tỏ lộ Chúa Kitô cho kẻ khác, vì thế họ có nhiệm vụ đặc biệt là soi sáng và xếp đặt những thực tại trần gian có liên hệ mật thiết với họ, để chúng không ngừng ‘riển phát và bành trướng theo thánh ý Chúa Kitô, hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ’ (LG 31).

Thế nên, tìm giải đáp cho những vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v... không phải là chuyện của giáo phẩm nhưng là của giáo dân. Chẳng thế mà các tác giả nói về một dạng thừa tác vụ có thể coi như là mới được ý thức rõ hơn: thừa tác vụ chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, phát triển, trị liệu, v.v.

Trong Giáo hội, Thần Khí ban phát ân sủng tùy ý Ngài làm cho “người kitô có khả năng và sẵn lòng đảm nhận công việc và nhiệm vụ khác nhau nhằm mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo hội...” (LG 12b). Giáo dân có quyền – và không cần phải xin phép – để làm việc tông đồ. Người kitô được thông phần vào nhiệm vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả của Đức Kitô (LG 34), chứ không phải thông phần vào nhiệm vụ của phẩm trật. Thế nên, mọi giáo dân đều có trách nhiệm đối với Giáo hội, để gìn giữ những giá trị công giáo và phát triển “Nhà Chúa.” Trong lịch sử, nhiều giáo dân đã sáng lập những cộng đồng kitô giáo, loan báo Tin mừng, và làm chứng cho Chúa ở giữa thế gian (x. 1Pr

2:9; Rm 16:1-16; AA 3).<sup>42</sup>

Trong Giáo hội của tương lai, các giáo dân phải giữ một vai trò tích cực hơn; có người còn cho rằng cần phải giảm bớt vai trò của giáo sĩ và tăng cường trách nhiệm của giáo dân.<sup>43</sup> Bộ Giáo luật mới liệt kê nhiều nhiệm vụ giáo dân có thể đảm trách và thi hành: không chỉ là tác vụ giúp lễ và đọc sách trong phụng vụ (đ 230), mà còn giảng Lời Chúa (trừ ra bài giảng sau Phúc âm (đ 776; 762.1). Giáo dân có thể dạy thần học với danh nghĩa chính thức (đ 229.3) và để một mức nào đó, đảm nhiệm phận vụ chương án (đ 483.2), lục sự (đ 483.2) và biện lý trong giáo phận (đ 494); có thể làm thẩm phán trong một tòa án tập đoàn (đ 1431.2), cố vấn thẩm phán (đ 1424), chương lý và bảo hộ viên (đ 1435); có thể làm kiểm toán viên (đ 1428.2) và thụ ủy (đ 1483). Trong giáo phận, giáo dân có thể làm thành viên của hội đồng kinh tế (đ 492.3) và hội đồng mục vụ (đ 512.1); còn trong họ đạo thì giáo dân có thể phối trí những công tác tông đồ dưới quyền chỉ đạo của cha xứ, và nếu không có linh mục, một giáo dân có thể phụ trách cả họ đạo (đ 517.2). Giáo dân có thể làm thừa sai (đ 784), làm thừa tác viên ngoại thường của Phép Rửa (đ 861.2), phân phát (đ 910.2) và đặt Mình Thánh (đ 943); giáo dân cũng có thể cử hành phụng vụ hôn phối (đ 1112), an táng và nhiều á bí tích khác (đ 1168).

<sup>42</sup> Xin xem Provost, J., *Preaching and the Non-Ordained*, Collegeville, Mn. Liturgical Press, 1983.

<sup>43</sup> Doohan, L., *A Lay-Centered Church*, Winston Press, Minneapolis 1984; *FABC Papers* các số 46a-1, 47 (1986); Rademacher, Azevedo, M., *Basic Ecclesial Communities*, Washington, Georgetown U.P., 1987; W., *Lay Ministry*, New York, Crossroad 199; Beal, J.P., "The exercise of the Power of Governance by lay people. State of the question" *The Jurist* 55 (1995) 1-92.

Vì chính mình là Giáo hội, mọi kitô hữu đều là thừa tác viên với những mức độ trách nhiệm và những phận vụ khác nhau tùy đoàn sùng, tài năng và địa vị trong Giáo hội (AA 2) dù tất cả đều là anh chị em của nhau (x. Mt 23:8). Giáo dân được mời gọi trở thánh và thánh hóa xã hội; họ truyền thụ đức tin cho con cái và xây dựng “Giáo hội tại gia” (LG 11b). Hợp tác với phẩm trật, giáo dân có thể lãnh nhận một sứ mệnh (LG 33c), mà Vaticanô II gọi là “thừa tác vụ” (SC 29; AG 15i; GE 7a). Tuy nhiên, giáo dân không cần phải được “ủy nhiệm” của phẩm trật để làm việc tông đồ, bởi đã từng nhận được “năng quyền” từ bí tích Thánh tẩy và Thêm sức: “họ có quyền hạn và nhiệm vụ” từ bởi chính Chúa (AA 3a; đ 224). Đức Kitô thực thi nhiệm vụ ngôn sứ của mình không chỉ qua phẩm trật mà còn qua cả tác vụ của giáo dân nữa, vì “Ngài làm cho họ trở thành chứng nhân, và ban cho họ cả cảm thức đức tin lẫn ơn ngôn ngữ (x. Cv 2:17-18; Kh 19:10)” (LG 35a)

(Còn tiếp)<sup>44</sup>

<sup>44</sup> Xin đón đọc tiếp về chủ đề: *Giáo Hội Học*, hai chương cuối của phần C. *Cơ cấu của Giáo hội* [ii], là phần kết thúc của tập khảo luận, trong số 22 sắp tới của *Hợp Tuyển Thần Học*.



## **ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CÁC NƠI**

### **Âu Châu:**

\* **Tòa soạn:**

Hợp Tuyển Thần Học (xem trang bìa 2)

\* **Hoàng Minh Thắng**

Sezione Vietnamita, Radio Vaticana

CITTÀ DEL VATICANO

☎: (06) 698 83214

### **Mỹ Châu:**

\* **Nguyễn Văn Giáo**  
3925 Tambor Road  
San Diego, CA 92124  
U.S.A.

☎: (619) 571 7839

\* **John Vũ Hiến**  
781 Via Baja Drive  
Milpitas, CA 95035  
U.S.A.

☎: (408) 946 7555

\* **Nguyễn Mạnh Tùng**  
1503 Mukiltlo Blvd  
Everett, WA 98203  
U.S.A.

☎: (206) 252 0690

\* **Trương Thành Hào**  
1202 rue de Bleury  
Montréal, P.Q. H3B 3J3  
CANADA

☎: (514) 874 9836

\* **Nguyễn Châu Lang**  
17302 Bonnard Circle  
Springs, TX 77379  
U.S.A.

☎: (713) 376 1344

\* **Bùi Hữu Thu**  
1609 Lozano Drive  
Vienna, VA 22182  
U.S.A.

☎: (703) 281 7929

### **Úc Châu:**

**Phạm Minh Ước, S.J.**

4 Milner Street - P.O. Box 179, Hindmarsh, S.A. 5007

AUSTRALIA

☎: (08) 346 9763